

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảm bảo chất lượng đào tạo là yêu cầu tất yếu để một cơ sở giáo dục bất kỳ tồn tại và phát triển. Việc tiến hành kiểm tra, đánh giá thường xuyên để thấy được những điểm mạnh cũng như điểm yếu của mình và kịp thời có biện pháp điều chỉnh trong quá trình phát triển là một trong những việc làm không thể thiếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Với ý nghĩa đó, đồng thời thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD & ĐT), trường ĐH Thái Bình Dương (POU) đã tổ chức tự đánh giá và kiểm định chất lượng đào tạo theo 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí theo Quyết định số: 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của BGD & ĐT.

Việc tự đánh giá diễn ra trong hoàn cảnh Nhà trường đang khăn trương tiến hành giải quyết những khó khăn và tồn tại về tổ chức, về các hoạt động xảy ra trong khoảng thời gian trước đó nhằm mục tiêu là ổn định và phát triển lâu dài trong tương lai. Những khó khăn đã cơ bản được giải quyết, chiến lược phát triển cũng đã được xác định; từng bước cho thấy sự tiến bộ rõ rệt. Trong hoàn cảnh đó, việc tổ chức tự đánh giá chất lượng đào tạo được đặt ra và tiến hành thực hiện một cách nghiêm túc sẽ là một trong những việc làm hết sức quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của Trường.

Để thực hiện công tác tự đánh giá, Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá (HĐ) bao gồm: Ban Giám hiệu (BGH), đại diện các khoa, phòng, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường... do Hiệu trưởng làm Chủ tịch HĐ. Giúp việc cho HĐ có tổ thư ký và các nhóm chuyên trách. Ngay sau khi được thành lập (tháng 2 năm 2014), HĐ đã khăn trương triển khai công việc theo kế hoạch; từ việc các nhóm thư ký thu thập minh chứng, các nhóm trong HĐ tiến hành đánh giá từng tiêu chí một đến việc tập hợp và viết báo cáo, đều thực hiện đúng theo hướng dẫn của BGD & ĐT một cách nghiêm túc.

Việc thu thập minh chứng được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: tìm kiếm trong các hồ sơ lưu của Trường và các đơn vị; trao đổi phỏng vấn

với các cán bộ, nhân viên phụ trách các mảng công việc liên quan; lấy ý kiến nhận xét và đóng góp của sinh viên... Cuối cùng, tổ thư ký đã tập hợp được bộ minh chứng làm cơ sở cho HĐ đánh giá từng tiêu chí một. Để việc đánh giá được chính xác và nhanh gọn, HĐ đã phân thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm chịu trách nhiệm đánh giá một tiêu chuẩn. Cách làm việc của từng nhóm là phân công một thành viên, dựa trên bộ minh chứng đồng thời kết hợp với thực tại của Trường trong thời gian qua, đánh giá một số tiêu chí và đưa ra nhận xét bằng văn bản (theo mẫu); sau đó cả nhóm nghiên cứu, trao đổi và thống nhất đánh giá từng tiêu chí một. Sau khi đã thống nhất ý kiến đánh giá từng tiêu chí, nhóm trình lên để HĐ cùng trao đổi và thống nhất bản đánh giá các tiêu chí

Sau đợt tự đánh giá này, Trường đã nhận thấy được những điểm mạnh, điểm yếu; đề ra những biện pháp hữu hiệu để phát huy những yếu tố tích cực và hạn chế, khắc phục những yếu tố tiêu cực nhằm đưa mọi hoạt động của Trường vào quỹ đạo phát triển ổn định và mạnh mẽ trong thời gian tới.

PHẦN II. TỔNG QUAN CHUNG

2.1. Giới thiệu về POU

2.1.1. Thông tin chung về Trường

1. Tên trường:

Tiếng Việt: **Trường Đại học Thái Bình Dương**

Tiếng Anh: **Pacific Ocean University**

2. Tên viết tắt: **POU**

3. Cơ quan Chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Địa chỉ trường: 99 Nguyễn Xiển, Vĩnh Phương, Nha Trang, Khánh Hòa.

5. Các thông số thông tin

Số điện thoại: 0583.727 181

Fax: 0583.727 189

Email: tbd@moet.edu.vn

Website: www.pou.edu.vn

6. Năm thành lập trường: Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2009

8. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa thứ nhất: 2011

9. Loại hình trường đào tạo: Tự thực

2.1.2. Khái quát về quá trình phát triển của Trường:

POU được thành lập ngày 31/12/2008 theo quyết định số 1929/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong 5 năm qua, POU đã trở thành trường đại học ngoài công lập được xã hội công nhận, đóng góp tích cực và hiệu quả vào sự nghiệp xã hội hóa giáo dục khu vực miền Trung - Tây nguyên và trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Hội đồng Quản trị POU đồng quyết tâm từng bước xây dựng Trường thành một trường ***Đại học tự thực định hướng ứng dụng hàng đầu khu vực duyên hải nam trung bộ và Tây Nguyên.***

Tính đến nay, POU đã tuyển sinh 5 khoá, thu nhận 3932 sinh viên, học sinh vào học; đã có 4 khóa với 1943 học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau.

Về tổ chức bộ máy, POU có 3 Ban, 4 Khoa, 6 Phòng, 2 Trung tâm. Tổng số CBCNV: 117, trong đó có 96 giảng viên cơ hữu (trình độ sau đại học là 70%).

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường:

Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thể hiện ở Sơ đồ tổ chức.

Cơ cấu tổ chức của POU bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng Quản trị
3. Ban Kiểm soát
4. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng
5. Ban Quản lý chiến lược - Dự án
6. Hội đồng Khoa học và Đào tạo
7. Các phòng (ban) chuyên môn
8. Các khoa và bộ môn trực thuộc trường
9. Các bộ môn trực thuộc khoa
10. Các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở phục vụ đào tạo, dịch vụ, chuyển giao công nghệ và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc POU.
11. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể.

Đại Hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Trường.

Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý và là tổ chức đại diện duy nhất cho quyền sở hữu của Trường; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và có quyền quyết định những vấn đề về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của trường phù hợp với quy định pháp luật.

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông của trường bầu, Hội đồng Quản trị POU gồm 07 thành viên, do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công nhận; trong đó, 100% số thành viên có trình độ đại học trở lên. Thành viên Hội đồng Quản trị của POU là cổ đông đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân có số cổ phần đóng góp đạt mức cần thiết theo quy định.

Ban kiểm soát: Ban Kiểm soát của POU gồm những người đại diện cho các tổ chức cổ đông hoặc cá nhân có số lượng cổ phần đáp ứng theo quy định của Trường; Ban Kiểm soát của POU do Đại hội đồng cổ đông bầu, gồm 3 thành viên. Trưởng Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông của trường bầu trực tiếp.

Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát các hoạt động của Nhà trường và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và cán bộ, giảng viên, nhân viên cơ hữu của Trường về báo cáo và hoạt động của mình.

Hiệu trưởng: Hiệu trưởng POU là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục và Điều lệ trường đại học; không là công chức, viên chức trong biên chế nhà nước; không quá 70 tuổi tính đến ngày ban hành quyết định công nhận Hiệu trưởng của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Hiệu trưởng trường do Hội đồng Quản trị đề cử theo nguyên tắc bỏ phiếu kín với quá nửa số phiếu tán thành, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ra quyết định công nhận.

Phó Hiệu trưởng: Các Phó Hiệu trưởng của Trường đều là những người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục và Điều lệ trường đại học; không là công chức, viên chức trong biên chế nhà nước; Các Phó Hiệu trưởng là người giúp việc cho Hiệu trưởng. Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo và nghiên cứu khoa học đạt các tiêu chuẩn như đối với Hiệu trưởng; độ tuổi của Phó Hiệu trưởng khi được bổ nhiệm không quá 70 tuổi.

Các Hội đồng cấp trường: Các Hội đồng cấp trường có chức năng tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng về chiến lược và sách lược phát triển toàn diện Nhà trường, đồng thời tư vấn những vấn đề cụ thể trong phạm vi của mình:

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo.
- Hội đồng Tốt nghiệp.
- Hội đồng Tuyển sinh.
- Hội đồng Đào tạo liên thông.
- Hội đồng Tự đánh giá
- Hội đồng Thi đua.

.....

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường bao gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các trưởng khoa, một số trưởng phòng, đại diện các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, giảng viên chính của Trường, một số nhà khoa học, cán bộ quản lý giáo dục và đại diện của một số tổ chức kinh tế - xã hội ngoài Trường có sự quan tâm và am hiểu về giáo dục đại học.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Khoa học và Đào tạo bầu Chủ tịch Hội đồng theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và chiếm đa số phiếu. Nhiệm kỳ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

Ngoài ra, tùy theo công việc yêu cầu, Hiệu trưởng còn quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn chuyên đề khác như Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng lương,...

Các phòng ban chức năng và các đơn vị phục vụ đào tạo

Các Phòng – Ban của Trường gồm:

- Phòng Tổ chức hành chính
- Phòng Đào tạo và Công tác Sinh viên
- Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí
- Phòng Khoa học và Hợp tác đối ngoại
- Phòng Tuyển sinh và Truyền thông

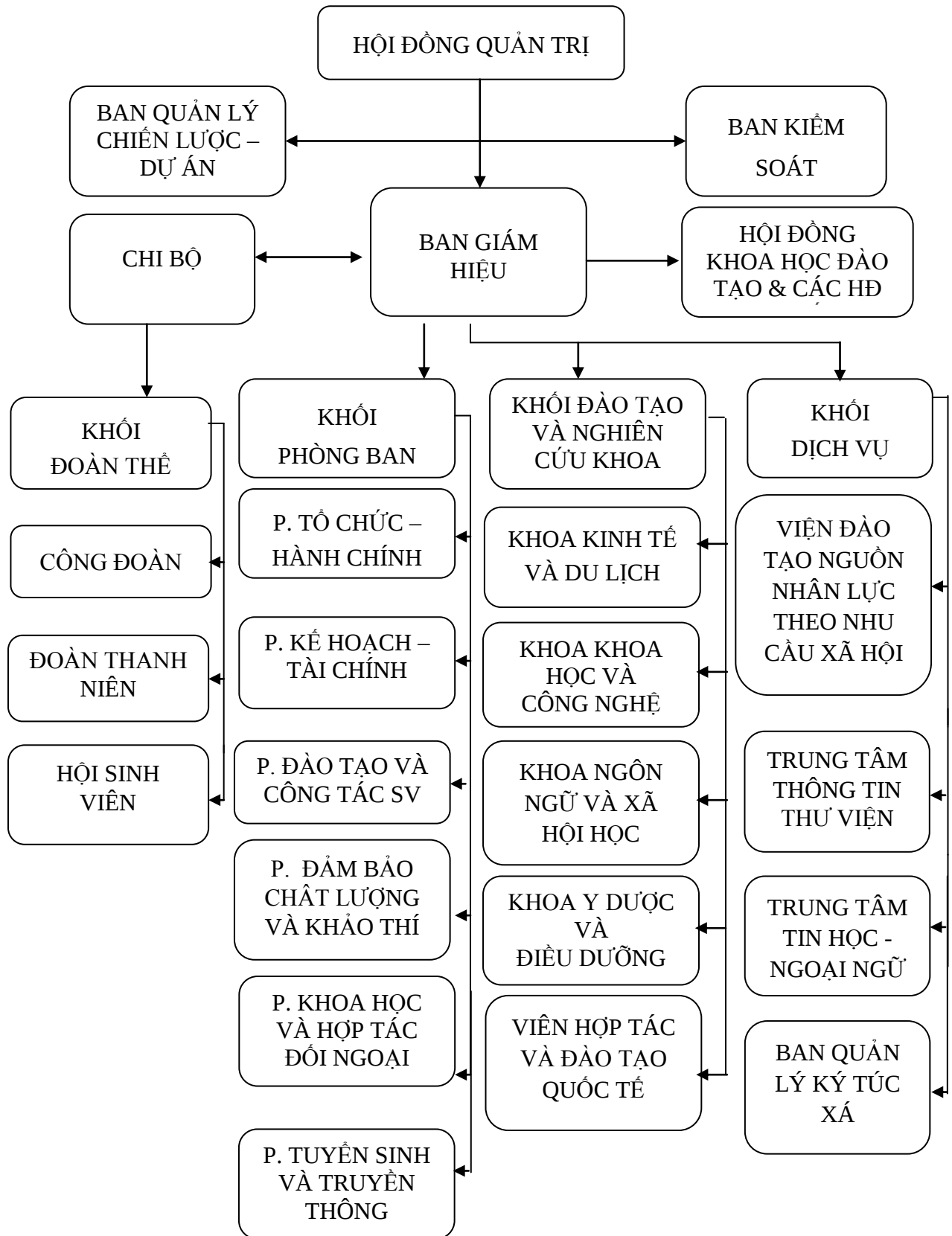
Các Khoa:

- Khoa Khoa học và Công nghệ
- Khoa Ngôn ngữ và Xã hội học
- Khoa Kinh tế
- Khoa Điều dưỡng.

Các Trung tâm:

- Trung tâm Thông tin Thư viện
- Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG



Các tổ chức đoàn thể:

- Chi bộ cơ sở: Hiện có 28 đảng viên
- Công đoàn cơ sở: Có 57 đoàn viên.
- Đoàn TNCS HCM: 386 đoàn viên, Ban chấp hành gồm 15 đồng chí, trong đó 5 đồng chí nằm trong Ban thường vụ.
- Hội Sinh viên: Ban chấp hành gồm có 11 đồng chí

2.2. Những phát hiện chính trong quá trình triển khai tự đánh giá

POU là trường đại học tư thục có cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với luật Giáo dục đại học và quy định của BGD & ĐT. Mặc dù mới thành lập, nhưng Trường đã xây dựng được hệ thống các văn bản về tổ chức quản lý tương đối đầy đủ nhằm phát huy mọi tiềm lực trong Trường. Trường có đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm quản lý đại học lâu năm; có đội ngũ giảng viên cơ hữu trẻ đầy nhiệt huyết bên cạnh các phó giáo sư, tiến sĩ có trình độ chuyên môn vững vàng. CTĐT của Trường được xây dựng theo chương trình khung của BGD & ĐT và được điều chỉnh theo hướng ứng dụng thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế thị trường.

Qua hơn 5 năm xây dựng và phát triển với 961 sinh viên, học sinh tốt nghiệp ra trường; trong đó nhiều sinh viên của Trường ngay sau khi tốt nghiệp đã được các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài nước tuyển dụng và đánh giá tốt về năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao. Điều đó chứng tỏ chất lượng đào tạo của Nhà trường phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của các địa phương trong xu thế hội nhập với khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, Trường đã gặp không ít khó khăn và còn tồn tại nhiều bất cập cần phải khắc phục để đảm bảo chất lượng đào tạo và phát triển vững chắc. Sau đây là những phát hiện chính cơ bản nhất trong khi thực hiện tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn.

Trong sứ mạng và mục tiêu của trường đại học, Trường đã xây dựng chiến lược và mục tiêu của trường phù hợp với mục tiêu chung của ngành giáo dục và địa phương. Đồng thời ban hành nhiều quy chế cụ thể và phù hợp với từng giai đoạn để thực hiện chiến lược của mình. Hàng năm có xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện mục tiêu. Tuy nhiên, chiến lược được xây dựng trong tầm nhìn hơi ngắn, các kế hoạch cụ thể chưa thực sự bám sát vào chiến lược, việc lưu giữ các văn bản phát hành chưa đầy đủ. Việc tuyên truyền về sứ mạng của trường chưa được tiến hành rộng rãi và bài bản nên chưa có tác dụng tích cực trong xã hội và ngay cả trong trường.

Đối với CTĐT, từ khi thành lập đến nay, POU đã xây dựng CTĐT và nhiều lần bổ sung, hoàn chỉnh. Chương trình được xây dựng theo hướng ứng dụng, bám sát vào nhu cầu thực tiễn xã hội, đồng thời chấp hành đầy đủ những quy định của BGD & ĐT về CTĐT. Chương trình đã đảm bảo tính liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình giáo dục khác, đồng thời Trường cũng thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo cho phù hợp với thực tế của địa phương và điều kiện của Trường. Trường đã nhận được sự đóng góp ý kiến cho CTĐT từ nhiều doanh nghiệp kết nghĩa đang tài trợ và đồng hành cùng với Nhà trường song chưa có sự kết nối và liên hệ rõ ràng, chưa nhận được sự đóng góp thật sự từ phía doanh nghiệp trong việc thiết kế CTĐT. Ngoài ra, nhà trường vẫn chưa xây dựng được kế hoạch, quy trình để đánh giá chất lượng các CTGD để từ đó có định hướng cụ thể cho việc cải tiến chương trình.

Về hoạt động đào tạo, Nhà trường có phương thức đào tạo đa dạng ở các trình độ học (ĐH, CĐ, trung cấp, liên thông, VLVH), đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho người học, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Công tác chuyển đổi sang học chế tín chỉ được thực hiện từng bước theo kế hoạch. Tuy nhiên, việc tiếp cận phương pháp giảng dạy tiên tiến trong và ngoài nước của giảng viên còn nhiều hạn chế, nên việc đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học chưa phát huy hiệu quả, chưa đạt kết quả mong muốn. Hiện tại, một số học phần chuyên ngành chưa

có giảng viên cơ hữu giảng dạy nên việc xây dựng ngân hàng câu hỏi, kiểm tra và đánh giá mức độ phù hợp của hình thức thi, kiểm tra so với nội dung và tính chất học phần còn chưa được thực hiện triệt để.

Trong những năm gần đây, đội ngũ cán bộ của Nhà trường không ngừng gia tăng về số lượng và chất lượng. Nhiều CBGV, nhân viên được tiếp tục đào tạo sau đại học, số lượng cán bộ trẻ có trình độ ngoại ngữ tốt đã tăng đáng kể. Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ dài hạn đến năm 2020, hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện về thời gian cho những cá nhân tham gia học tập nâng cao trình độ. Từ đó đã khơi dậy lòng nhiệt tình, ý thức trách nhiệm, ý thức vươn lên trong học tập của cán bộ giảng viên, nhân viên trong Trường. Tuy nhiên, trình độ chuyên môn của chuyên viên ở các phòng ban chưa đồng đều, chưa được đào tạo chính quy đúng chuyên ngành mình phụ trách. Một số CBGV, nhân viên chưa có ý thức tự học, tự bồi dưỡng để bắt nhịp các yêu cầu chuyên môn, chưa thể hiện sự quan tâm đóng góp ý kiến thường xuyên cho những hoạt động chung của Trường cũng như đơn vị. Một số cán bộ quản lý chưa được đào tạo qua các trường lớp chính quy, bài bản về công tác quản lý nên còn nhiều lúng túng; cần nhiều thời gian để học hỏi, tích lũy kinh nghiệm. Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trở lên còn thấp, thiếu nhà giáo, nhà khoa học đầu ngành, một số giảng viên, nhân viên chưa tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn. Trong thời gian qua, một số cán bộ quản lý chưa phát huy hết khả năng, năng suất và hiệu quả, do vậy chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Về vấn đề người học, Nhà trường đã cung cấp đầy đủ thông tin về tổ chức, hoạt động của Trường cũng như kế hoạch đào tạo và thời khóa biểu cho người học theo từng học kỳ, năm học, luôn đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên Nhà trường. Thực hiện tốt việc phối hợp của chính quyền với chi bộ Đảng và các đoàn thể trong Trường trong công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học. Công tác phát triển Đảng trong cán bộ và sinh viên được chú ý nên đã kết nạp được nhiều đảng viên mới và số đảng viên này đã phát huy tốt trong các công việc của Trường. Tuy nhiên, Trường chưa có đủ điều kiện về cơ sở vật chất để đáp ứng được yêu cầu hoạt động ngoại khóa của

sinh viên. Bên cạnh đó, số sinh viên giảm nhiều nên phong trào thanh niên, sinh viên có biểu hiện bị trầm xuống. Việc tổ chức các chương trình ngoại khóa, đi thực tế tại các doanh nghiệp cho người học vẫn chưa có kế hoạch cụ thể và thường xuyên. Diễn đàn để sinh viên trao đổi, phát huy tính tích cực của tuổi trẻ còn sơ sài nên chưa thu hút được sinh viên vào những hoạt động chung trong Trường.

Hội đồng quản trị và Ban giám hiệu rất quan tâm đến hoạt động khoa học và công nghệ, đã thành lập phòng Khoa học và công nghệ để quản lý công việc này, tiến hành xây dựng kế hoạch NCKH và công nghệ trong chiến lược phát triển của nhà trường đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 và thường xuyên rà soát và bổ sung hoàn thiện. Nhà trường đã và đang đẩy mạnh hợp tác quốc tế với trường đại học SoongSil Hàn Quốc, trường Nottingham Trent University,... và xúc tiến mở rộng ra các Viện. Có thể thấy, Bộ và các Ban ngành chưa quan tâm và hỗ trợ nhiều đến hoạt động khoa học và công nghệ của các trường tư thục vì thế việc tiếp cận với các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ còn hạn chế, bản thân Trường chưa có nhiều đề tài đăng ký tham gia ở các cấp, các bài tham luận, bài báo, báo cáo khoa học được đăng trên các tạp chí so với các trường đại học khác còn ít.

Về công tác tài chính và quản lý tài chính, mặc dù thu chưa đủ chi, nhưng HĐQT vẫn hỗ trợ kinh phí kịp thời và đầy đủ cho các hoạt động đào tạo và đầu tư phát triển trường về lâu dài; công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính đã được quan tâm, đã được bàn bạc, thảo luận chi tiết, công khai hoá, minh bạch và theo đúng các quy định. Thực tế cho thấy vẫn chưa có nguồn thu từ các hoạt động ngoài đào tạo nên chưa thật chủ động trong công tác tài chính, chưa tính được hiệu quả của kinh phí hỗ trợ. Các đơn vị trực thuộc chưa quan tâm đầy đủ và chưa nghiêm túc thực hiện kế hoạch đã đề ra, còn bị động và nặng về xử lý tình huống, thiếu định hướng.

PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Mở đầu

Trường Đại học Thái Bình Dương chính thức tuyên bố sứ mạng vào năm 2010 trong “Chiến lược phát triển giai đoạn 2010 - 2020” của trường. Theo xu hướng phát triển của kinh tế - xã hội đất nước nói chung và lĩnh vực giáo dục đào tạo nói riêng, đồng thời chịu tác động của bối cảnh hội nhập ngày càng mạnh mẽ, sứ mạng của trường đã được sửa chữa, bổ sung hoàn chỉnh trong giai đoạn 2020 - 2030 và được coi là sứ mạng chính thức của nhà trường **“Đại học Thái Bình Dương là một trường đại học đa ngành, đa cấp và đa hệ, thực hiện sứ mạng đào tạo và nghiên cứu khoa học theo triết lý ứng dụng. Trên cơ sở quy tụ đội ngũ giảng dạy và các nhà quản lý giỏi, các dịch vụ và tiện ích đào tạo hoàn hảo. Nhà trường cung cấp cho người học một môi trường giáo dục chuyên nghiệp, mang tính sáng tạo, gắn với yêu cầu thực tiễn, bảo đảm người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh nghề nghiệp và thích ứng năng động với xu hướng hội nhập quốc tế hiện nay”**

Có thể khẳng định rằng hiện tại sứ mạng này là rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của trường nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của các tỉnh trong nước, đặc biệt là với Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Nhà trường cụ thể hóa sứ mạng thành các mục tiêu cụ thể và tiến hành thực hiện, hiệu chỉnh định kì.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả:

Sứ mạng của Trường Đại học Thái Bình Dương được công bố trong Chiến lược phát triển [H1.1.1.1], phù hợp với chức năng là một trường đại học đa ngành đa lĩnh vực, với nhiệm vụ là đào tạo và nghiên cứu khoa học. Phù hợp với các nguồn lực và định hướng phát triển của trường [H1.1.1.3], [H1.1.1.4]. Trường Đại học Thái Bình Dương đứng chân trên địa bàn thành phố Nha Trang, do đó tạo nên sự gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hoà đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030: [H1.1.1.5] “Bộ Chính trị đồng ý chủ trương phân đầu xây dựng tỉnh Khánh Hoà trở thành đô thị trực thuộc Trung ương, trong đó thành phố Nha Trang là hạt nhân, là trung tâm kinh tế - du lịch, khoa học và công nghệ, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển, kinh tế du lịch,...”

Trường Đại học Thái Bình Dương tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho vùng Tây Nguyên [H1.1.1.6], là góp phần thực hiện chiến lược phát triển Tây Nguyên trong việc: “...đẩy mạnh đầu tư phát triển tiềm lực khoa học công nghệ ở vùng Tây Nguyên. Gắn phát triển kinh tế với nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực; gắn sản xuất với khoa học công nghệ, nhất là vùng dân tộc thiểu số.”[H1.1.1.7]

Sứ mạng của trường được phổ biến, quán triệt và thực hiện đến cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học, được thông tin trên trang web của trường [H1.1.1.8]. Việc triển khai sứ mạng Trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược đến năm 2020, những kế hoạch cụ thể về tuyển sinh, đào tạo... và định kỳ rà soát, hiệu chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời đoạn [H1.1.1.1], [H1.1.1.2]. Ngoài ra còn được thực hiện thông qua Nghị quyết Đại hội Cán bộ công nhân viên trường hàng năm [H1.1.1.10]; Nghị quyết Đại hội chi bộ Đảng [H1.1.1.11], Nghị quyết Đại hội Công đoàn [H.1.1.1.12]; Nghị quyết Đại hội Đoàn thanh niên và Hội sinh viên trường qua từng nhiệm kỳ [H1.1.1.13].

2. Điểm mạnh:

Trường thực sự quan tâm đến sứ mạng trong chiến lược phát triển của mình, thông qua việc ban hành kế hoạch hành động cho từng giai đoạn, phù hợp với tiềm lực của trường, gắn kết với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng và cả nước.

3. Tồn tại:

Việc tuyên truyền sứ mạng chưa được phổ biến rộng rãi đến các đối tượng liên quan bên ngoài trường, do vậy chưa tạo được hiệu ứng tích cực đối với xã hội.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh bổ sung chiến lược phát triển trường với tầm nhìn xa hơn.

Căn cứ Chiến lược phát triển hoàn chỉnh, tiến hành xây dựng kế hoạch triển khai hàng năm.

Từ năm 2015, công bố đầy đủ và đẩy mạnh việc truyền truyền về sứ mạng của trường trên các phương tiện thông tin ra ngoài xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả:

Mục tiêu của Trường hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của việc đào tạo trình độ đại học theo luật giáo dục quy định [H1.1.1.1], [H1.1.1.2]. Hàng năm Trường tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động từ cá nhân đến các đơn vị và toàn trường để thực hiện theo mục tiêu đã đưa ra.

Để thực hiện mục tiêu, Trường đã xây dựng các chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo cho các ngành học, xây dựng kế hoạch từng năm học một cách rất cụ thể để đáp ứng mục tiêu chung [H1.1.2.9], [H1.1.2.10], [H1.1.2.11].

Trường đã ban hành nhiều văn bản cụ thể để thực hiện kế hoạch đào tạo, triển khai mục tiêu chung thành những mục tiêu cụ thể theo từng năm và thực hiện [H1.1.2.7], [H1.1.2.8], [H1.1.2.9], [H1.1.2.10], [H1.1.2.11], [H1.1.2.12], [H1.1.2.13], [H1.1.2.14], [H1.1.2.15], [H1.1.2.16].

Trường đã bổ sung đội ngũ, tạo mọi điều kiện để cán bộ phát triển năng lực của mình nhằm đáp ứng việc thực hiện mục tiêu [H1.1.2.17].

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu của trường phù hợp với mục tiêu chung của ngành giáo dục và địa phương.

Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện mục tiêu.

3. Tồn tại:

Việc xây dựng mục tiêu cho từng năm chưa được thống nhất giữa các đơn vị và việc đánh giá thực hiện chưa được nghiêm túc.

4. Kế hoạch hành động:

Tiến hành xây dựng quy trình “Xây dựng kế hoạch hàng năm” trong năm 2015 và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc.

Khi kiểm điểm công tác cuối năm phải đánh giá được mức độ hoàn thành thật chi tiết theo từng mục tiêu cụ thể.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Trường Đại học Thái Bình Dương đã tuyên bố sứ mạng của mình, ban hành những quy chế, quy định phù hợp để thực hiện được những mục tiêu cụ thể cho sứ mạng. Tuy nhiên, tầm nhìn cần phải được xây dựng dài hơn, các đơn vị vẫn chưa có những thống nhất trong quá trình xây dựng các kế hoạch cụ thể.

Những hạn chế sẽ được nhanh chóng khắc phục trong thời gian tới.

Cả 2 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 đều đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

Mở đầu

Khâu tổ chức và quản lý của trường Đại học Thái Bình Dương là phù hợp với quy định của Nhà nước, với các nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất của trường. Trường có cơ cấu tổ chức tương đối chặt chẽ, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân đều được thể chế hóa bằng văn bản, đúng quy định của BGD & ĐT và thực hiện nghiêm túc, bài bản. Nhà trường quyết tâm xây dựng một tập thể cán bộ, giảng viên và sinh viên đoàn kết để nhà trường ngày càng phát triển vững mạnh

Tiêu chí 2.1: Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Trường Đại học Thái Bình Dương được thành lập theo Quyết định số 1929/QĐ-TTg, ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ [H2.2.1.1], [H2.2.1.2], [H2.2.1.3]. Trong những năm đầu từ khi thành lập, Trường Đại học Thái Bình Dương thực hiện mục tiêu là xây dựng Trường Đại học đa cấp, đa ngành có uy tín ở trong tỉnh Khánh Hòa và khu vực miền Trung Tây nguyên. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Điều lệ trường đại học, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thái Bình Dương [H2.2.1.1], Luật giáo dục Đại học và các quy định khác của pháp luật, nhà trường tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý và điều hành hoạt động như:

- Công nhận Hội đồng Quản trị Trường Đại học Thái Bình Dương [H2.2.1.2]; Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương [H2.2.1.3]
- Bổ nhiệm các Phó hiệu trưởng và các Trưởng đơn vị [H2.2.1.7]
- Thành lập phòng ĐBCL và Khảo thí [H2.2.1.10], phòng Tuyển sinh và

Truyền thông [H2.2.1.9].

- Tách phòng Kế hoạch Tổng hợp thành Phòng Tổ chức – Hành chính và phòng Kế hoạch Tài chính, tách khoa Ngoại ngữ Tin học thành Khoa Khoa học và Công nghệ và Khoa Ngôn ngữ và Xã hội học [H2.2.1.11].

- Đổi tên phòng NCKH và HTQT thành phòng Khoa học và HTĐN Khoa Điều dưỡng thành khoa Y dược và Điều dưỡng; khoa TCNH và Kế toán thành khoa Kinh tế và Du lịch [H2.2.1.12].

2. Điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức của nhà trường được kiện toàn sắp xếp lại phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong từng thời kỳ; luôn luôn tuân thủ các quy định của Điều lệ trường đại học, các quy định khác của Pháp luật và phù hợp với thực tế Nhà trường và địa phương. Kịp thời giải thể, sáp nhập những đơn vị hoạt động kém hiệu quả hoặc giảm chức năng, nhiệm vụ do yêu cầu công tác; thành lập các đơn vị cần thiết phục vụ yêu cầu nhiệm vụ mới. Các đơn vị trực thuộc phát huy tốt tính tự chủ, sáng tạo nhằm thực hiện và hoàn thành các mục tiêu của Nhà trường.

3. Tồn tại:

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường tuy đã được kiện toàn song vẫn còn một vài bộ phận hoạt động chưa hiệu quả, còn thiếu năng động và nhạy bén, tính tự chủ của các bộ phận tham mưu chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy trình làm việc và kiện toàn bộ máy trong trường. Tiến hành cải tiến cơ cấu bộ máy vào tháng 3-2015.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.2: Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Để Nhà trường luôn ổn định tổ chức và hoạt động bình thường, sau khi được UBND tỉnh Khánh Hòa công nhận, Hiệu trưởng đã giao cho Phòng Tổ chức - Hành chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị tham mưu với Hiệu trưởng các văn bản quản lý nội bộ phù hợp với Điều lệ trường đại học và các văn bản pháp luật khác. Rà soát lại các văn bản đã ban hành từ năm 2009 đến nay, sửa đổi và bổ sung những nội dung không còn phù hợp, bổ sung những nội dung còn thiếu đảm bảo văn bản được ban hành thực sự là phương tiện quản lý hiệu quả, đó là: Sửa đổi bổ sung Quy định về chế độ làm việc của giảng viên (2014) [H2.2.2.7]; Bổ sung chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong Trường (2013, 2014) [H2.2.2.5] đến [H2.2.2.6]; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thái Bình Dương theo Điều lệ trường đại học 2009 [H2.2.2.3]; sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ (2013, 2014) [H2.2.2.8]; Quy chế lương (2013) [H2.2.2.14].

2. Điểm mạnh:

Các văn bản ban hành tương đối đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật; có tác dụng rõ rệt trong công tác quản lý và điều hành thống nhất về mặt tổ chức, hành động; tạo sức mạnh tập thể, đồng thời phát huy tính chủ động sáng tạo của các tổ chức, cá nhân trong toàn trường.

3. Tồn tại:

Một số văn bản ban hành chưa kịp thời, chưa bao quát hết các khâu, các lĩnh vực hoạt động.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2014 – 2015, thường xuyên bổ sung, sửa đổi cho phù hợp tình hình chung của nhà trường cũng như thay đổi chế độ chính sách của nhà nước... Giao Phòng Tổ chức - Hành chính chủ động tham mưu xây dựng kế hoạch hoạt động của nhà trường trong đó có phần tham mưu về rà soát bổ sung, sửa đổi các văn bản khi thấy cần thiết; cụ thể hóa và hướng dẫn triển khai thực

hiện các văn bản quy phạm mới; rà soát các văn bản quy phạm của nhà nước đã ban hành kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi những nội dung không còn phù hợp hoặc chồng chéo giữa các văn bản.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.3: Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả:

Để các đơn vị và cá nhân phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác, giảng dạy, năm 2009 nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thái Bình Dương [H2.2.2.2] [H2.2.2.3] theo Quy chế tổ chức và hoạt động trường Đại học tư thục và Điều lệ trường đại học. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để từ đó xây dựng các văn bản có tính chất nội bộ được cụ thể, rõ ràng như: phân công thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong Ban giám hiệu [H2.2.3.4]; chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc [H2.2.3.5]; định mức lao động và nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên thông qua các hợp đồng lao động [H2.2.3.3] và quy chế làm việc của giảng viên [H2.2.3.1];... Tiếp tục sử dụng các văn bản đã được ban hành trước đây nhưng vẫn còn phù hợp với các quy định của Nhà nước và thực tế của nhà trường như: Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Trưởng đơn vị trực thuộc trong việc xử lý và phát hành các văn bản,...

Trước khi ban hành chính thức, các bản dự thảo luôn luôn được đưa ra thảo luận lấy ý kiến góp ý của lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, vì vậy tạo được sự đồng thuận cao trong toàn trường. Căn cứ vào các văn bản đó, vào đầu năm học các đơn vị xây dựng kế hoạch của đơn vị mình trình lãnh đạo nhà trường duyệt. Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, các đơn vị triển khai thực hiện. Đồng thời, nhà trường cũng căn cứ kế hoạch được duyệt để theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, các cá nhân trong đơn vị đó.

2. Điểm mạnh:

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân được phân định rõ và kiểm tra chặt chẽ thông qua các văn bản quản lý một cách kịp thời, có hệ thống, thường xuyên cập nhật.

3. Tồn tại:

Có một số công việc còn bỏ trống hoặc trùng lặp trong phân công trách nhiệm cũng như kiểm tra nên thỉnh thoảng xảy ra sự cố không hay trong tổ chức hoạt động của trường.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường đang tiến hành rà soát các văn bản đã ban hành để kịp thời bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và chủ trương chính sách của nhà nước. Mỗi năm sẽ đưa vào rà soát và bổ sung từ 6 văn bản trở lên. Từ đó kiểm tra và phân rõ trách nhiệm của từng đơn vị và cá nhân trong trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.4: Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả:

Chi bộ Đảng Nhà trường là loại hình chi bộ cấp cơ sở, trực thuộc Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Khánh Hòa. Đại hội nhiệm kỳ 2010 - 2015 đã bầu ra chi ủy gồm 3 người [H2.2.4.1], [H2.2.4.2]. Chi bộ đã ban hành nghị quyết của nhiệm kỳ và nghị quyết công tác hàng tháng để lãnh đạo. Chi bộ chỉ đạo toàn diện các hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, vận động quần chúng thực hiện nghị quyết của Chi bộ [H1.1.1.11], các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Hội đồng quản trị, Ban giám hiệu Nhà trường.

Từ ngày thành lập đến nay, Chi bộ phát triển được nhiều đảng viên, trong đó phần lớn đối tượng là sinh viên [H2.2.4.7], [H2.2.4.12].

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, hàng năm Chi bộ đã hoàn thành tốt Nghị quyết công tác đã đề ra và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy cấp trên, nhiều năm liên tục được Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Khánh Hòa công nhận là Chi bộ trong sạch vững mạnh [H2.2.4.3].

Công đoàn Trường Đại học Thái Bình Dương là tổ chức công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn viên chức Khánh Hòa. Đại hội Công đoàn trường nhiệm kỳ 2012 - 2014 bầu ra Ban chấp hành gồm 7 người [H2.2.4.4], Công đoàn trường đã thành lập 7 công đoàn bộ phận. Công đoàn đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm động viên quần chúng, bảo vệ quyền lợi của đoàn viên.

Công đoàn tham gia biên soạn Điều lệ Trường Đại học Thái Bình Dương, Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Thái Bình Dương [H1.1.1.3].

Công đoàn đã làm tốt vai trò bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp cho công đoàn viên như việc tham gia xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ Trường [H2.2.4.14], là thành viên một số Hội đồng có liên quan đến chế độ chính sách và quyền lợi, trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong trường (Hội đồng lương, Hội đồng thi đua...)[H2.2.4.15].

Hàng năm, Công đoàn tổ chức cho công đoàn viên tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao, vui chơi giải trí và các sinh hoạt học thuật liên quan đến hoạt động chuyên môn của giảng viên và cán bộ nhân viên [H2.2.4.16]

Công đoàn Trường thường xuyên quan tâm đến giảng viên và CBNV như thăm hỏi, hiếu, hỷ [H2.2.4.17], tổ chức gây quỹ giúp đỡ sinh viên của trường có hoàn cảnh khó khăn trong học tập và đời sống [H2.2.4.18]

Với những thành tích đạt được trong những năm qua, Công đoàn trường được Liên đoàn lao động tỉnh Khánh Hòa công nhận đạt chuẩn văn hóa [H2.2.4.21]

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Thái Bình

Dương là tổ chức đoàn cơ sở trực thuộc Tỉnh đoàn Khánh Hòa [H2.2.4.6]. Các tổ chức đoàn thể khác như Hội Sinh viên cũng được kiện toàn [H2.2.4.5]. Đoàn trường thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động như: mùa hè xanh hàng năm, thanh niên tình nguyện, hiến máu nhân đạo, tham gia đầy đủ và tích cực các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao ở địa phương...[H2.2.4.19]

Với những thành tích đóng góp cho phong trào Đoàn, Hội Sinh viên, Đoàn Trường đã được Trung ương đoàn, Tỉnh Đoàn Khánh Hòa, Tỉnh Đoàn Phú Yên trao tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen và các danh hiệu cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc [H2.2.4.20]

2. Điểm mạnh:

Dưới sự lãnh đạo sát thực của Chi bộ, sự quan tâm hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban Giám hiệu, hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ và đạt hiệu quả tốt, được cấp trên đánh giá cao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường.

3. Tồn tại:

Cán bộ tham gia công tác đoàn thể quần chúng chủ yếu là kiêm nhiệm nên kinh nghiệm còn hạn chế, một vài người còn tập trung chăm lo công tác chuyên môn mà chưa có sự đầu tư thỏa đáng cho công tác đoàn thể, do đó hiệu suất, hiệu quả công việc chưa đạt như kế hoạch đề ra cũng như mong muốn của người lao động và quần chúng.

4. Kế hoạch hành động:

Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể quần chúng để đảm bảo vai trò lãnh đạo của Chi bộ; các đoàn thể quần chúng làm tốt công tác vận động quần chúng thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của đơn vị và Trường.

Đề nghị chính quyền hỗ trợ thêm các nguồn lực, sự động viên và tạo điều kiện thời gian hợp lý để các cán bộ đoàn thể yên tâm công tác, hoạt động hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.5: Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Thực sự coi trọng việc đảm bảo chất lượng đào tạo nên Hiệu trưởng đã Quyết định thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng từ năm 2013 với chức năng và nhiệm vụ cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng. [H2.2.5.1]. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có 04 cán bộ, nhân viên có trình độ đại học trở lên, trong đó có 01 PGS.TS (trưởng phòng) [H2.2.5.2] là những người có năng lực, phẩm chất để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công tác dài hạn và nhiệm vụ công tác Đảm bảo chất lượng hàng năm .

Công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên, đảm bảo mọi hoạt động của nhà trường tuân thủ quy chế, quy định của pháp luật Nhà nước, của Bộ GD & ĐT, của nhà trường trong đào tạo. Cụ thể, đã xây dựng và ban hành các quy định về đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần [H2.2.5.7]; quy định công tác tổ chức và thực hiện dự giờ giảng viên [H2.2.5.8]; việc lấy ý kiến phản hồi từ người học được tiến hành thường xuyên [H2.2.5.9]...

Nhà trường luôn chú trọng việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên trách làm công tác đảm bảo chất lượng trong những năm tới, đã cử 03 cán bộ đi tham dự tập huấn tự đánh giá trường đại học [H2.2.5.10].

2. Điểm mạnh:

Công tác đảm bảo chất lượng thực sự được coi trọng. Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu nhà trường luôn khẳng định: “Chất lượng là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của nhà trường”. Với nhận thức đó, nhà trường đã đầu tư

xây dựng đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo khác phục vụ công tác đào tạo theo các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; coi trọng công tác thi đua, tạo khí thế làm việc năng suất, hiệu quả.

Nhờ làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra nên chất lượng đào tạo, ý thức chấp hành quy chế, quy định của cán bộ, giảng viên, nhân viên và HSSV của trường trong thời gian qua được nâng lên rõ rệt.

3. Tồn tại:

Công tác đảm bảo chất lượng mặc dù được lãnh đạo nhà trường quan tâm và đầu tư thường xuyên nhưng vẫn là công việc còn mới mẻ, thiếu kinh nghiệm, đặc biệt là triển khai, áp dụng các quy trình, quy định mới trong công tác kiểm định chất lượng còn lúng túng, chưa đồng bộ và chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động:

Công tác đảm bảo chất lượng là một trong những công tác trọng tâm, phải được tiến hành thường xuyên. Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng phải đưa vào kế hoạch và có báo cáo theo quý, nhằm giúp Hiệu trưởng và Hội đồng quản trị nắm bắt được tình hình thực tiễn công tác đảm bảo chất lượng của trường để có giải pháp thích hợp trong việc đầu tư các yếu tố đảm bảo chất lượng. Cần bổ sung và tăng cường bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, chuyên viên chuyên trách làm công tác đảm bảo chất lượng. Năm 2016 sẽ cử một cán bộ đi học cao học về quản lý và kiểm định chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.6: Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả:

Thực hiện định hướng xây dựng Trường Đại học Thái Bình Dương trở thành trường đại học đào tạo theo định hướng ứng dụng có chất lượng ngày càng cao, Hội đồng Quản trị thành lập nhóm chuyên gia xây dựng thực hiện đề án “Chiến lược phát triển Trường Đại học Thái Bình Dương theo định hướng mới và tầm nhìn đến năm 2030” [H2.2.6.1]. Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển nhà trường, đã tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, người lao động để góp ý, bổ sung hoàn thiện chiến lược, đảm bảo chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo của đảng và nhà nước, đáp ứng tốt hơn yêu cầu công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh duyên hải nam trung bộ và Tây Nguyên thể hiện được sự kỳ vọng của Hội đồng quản trị cũng như tâm nguyện của toàn thể giảng viên, CBNV Nhà trường: [H2.2.6.2].

Căn cứ Chiến lược phát triển Nhà trường, hàng năm, Ban Giám hiệu ban hành nghị quyết công tác năm học, trong đó có nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng, làm căn cứ để giảng viên, CBNV Nhà trường thực hiện [H2.2.6.3]. Cuối mỗi học kì và năm học, Nhà trường đều có tổng kết, đánh giá kết quả việc triển khai thực hiện nghị quyết nêu trên [2.2.6.4]

Để kế hoạch hoạt động năm học được thực hiện tốt, Nhà trường ban hành văn bản về công tác giám sát thực hiện kế hoạch năm học [H2.2.2.15]

Hàng tháng, Giám hiệu tổ chức họp giao ban để kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện công tác hàng tháng, đề ra kế hoạch, phân công công việc cho tháng tiếp theo nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết năm học, đồng thời phát hiện, xử lý những vấn đề mới phát sinh. [H2.2.6.5].

Nhà trường tổ chức lễ chào cờ hàng tháng cho khối Người lao động và khối học sinh, sinh viên để báo cáo kết quả thực hiện công tác tháng, phổ biến kế hoạch công tác tháng kế tiếp, lãnh đạo trường nghe và giải đáp các thắc mắc, kiến nghị của người lao động và học sinh, sinh viên nhà trường.

2. Điểm mạnh:

Chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Trường phù hợp với đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tiễn của Nhà trường và địa phương nơi Trường đứng chân, là động lực thúc đẩy các hoạt động của Nhà trường ngày một hiệu quả.

3. Tồn tại:

Chiến lược phát triển chưa được tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể giảng viên, CBNV trong trường, các đoàn thể quần chúng trong trường chưa thường xuyên bám sát chiến lược phát triển nhà trường để xây dựng Nghị quyết công tác cho cả nhiệm kỳ và công tác hàng năm của đoàn thể mình.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2015, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển Trường, hàng năm có kế hoạch chi tiết cho mọi hoạt động trong trường và phổ biến rộng rãi đến toàn thể giảng viên, CBNV về từng kế hoạch chiến lược ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Chi bộ đảng và các đoàn thể quần chúng gắn nghị quyết công tác với việc quán triệt và phối hợp thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.7: Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

1. Mô tả:

Trong báo cáo tự đánh giá, Nhà trường đã khẳng định nhiệm vụ thực hiện định kỳ báo cáo lên Bộ chủ quản và các cơ quan quản lý về các hoạt động của trường là nhiệm vụ pháp lệnh.

Các hoạt động trong nhà trường định kỳ được tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá và báo cáo kịp thời cho Sở giáo dục và Đào tạo Khánh Hòa, UBND tỉnh Khánh Hòa, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ban ngành có liên quan

[H2.2.7.1]. Các văn bản báo cáo của trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định hiện hành.

Các báo cáo chuyên đề về từng lĩnh vực công tác, theo các chương trình mục tiêu của ngành, của địa phương mà Nhà trường gửi đến Bộ chủ quản và các cơ quan quản lý đều thực hiện đúng nội dung, yêu cầu, đúng thời gian quy định, được lưu trữ theo quy định hiện hành của Nhà nước và Trường [H2.2.7.2]

2. Điểm mạnh:

Các báo cáo định kỳ của Trường gửi các cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan quản lý địa phương đều nêu rõ các thông tin về hoạt động của Nhà trường theo yêu cầu, được gửi đi đúng thời hạn và thực hiện lưu trữ đúng quy định của pháp luật.

3. Tồn tại:

Còn một số đơn vị chức năng tham mưu của trường thiếu chủ động trong việc báo cáo theo định kỳ.

4. Kế hoạch hành động:

Chấn chỉnh một số bộ phận chức năng để toàn trường chủ động, kịp thời trong việc báo cáo định kỳ cũng như các báo cáo chuyên đề cho các cơ quan quản lý.

Các năm tiếp theo, kiện toàn công tác và nhân sự làm công tác quản lý và lưu trữ hồ sơ, bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ cho nhân viên chuyên trách công tác này. Bổ sung thiết bị phục vụ lưu trữ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 2

Trường Đại học Thái Bình Dương hiện đang vận hành cơ cấu tổ chức theo quy định của BGD & ĐT, Điều lệ trường đại học, phù hợp với điều kiện thực tế. Cơ cấu tổ chức hiện tại của trường tạo điều kiện phát huy mối quan hệ hợp tác giữa các đơn vị nhằm thực hiện mục tiêu chung của trường.

Trường đã xây dựng được hệ thống các văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động trong trường, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, cá nhân. Tuy nhiên, hệ thống giám sát thực hiện các văn bản đạt hiệu quả chưa cao. Một số cá nhân vẫn chưa thực sự tham gia nhiệt tình các phong trào, hoạt động đoàn thể. Tổ chức Đảng tiến hành chỉ đạo Đoàn, Công đoàn, đề ra phương hướng hoạt động trong các năm học sắp tới.

Cả 7 tiêu chí của tiêu chuẩn 2 đều đạt yêu cầu

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo của Trường Đại học Thái Bình Dương được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do BGD & GD ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, gắn với nhu cầu của người học, với nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Nhà trường hiện tại đang tiến hành các đề án mở ngành, các chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức đào tạo và giữa các trường

Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả:

CTĐT các bậc đào tạo của trường được xây dựng dựa trên Khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu của CTĐT; khối lượng kiến thức giáo dục đại cương (bao gồm kiến thức chung, toán và khoa học tự nhiên, khoa học xã hội – nhân văn); khối lượng kiến thức giáo

dục chuyên nghiệp (bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành) [3.3.1.7] [H4.4.2.7] [H4.4.2.7].

CTĐT các ngành đại học và cao đẳng của Trường được xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường [H3.3.1.8].

Khi xây dựng CTĐT có tham khảo CTĐT ngành tương ứng của các trường đại học có uy tín trong nước [H3.3.1.9], [H3.3.1.10].

Phần lớn các CTĐT khi xây dựng đều có sự tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý và đại diện các doanh nghiệp tuyển dụng [3.3.1.11]

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức điều chỉnh bổ sung các CTĐT cho phù hợp với sự phát triển các nguồn lực của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H3.3.1.4], [H3.3.1.5] [H3.3.1.6]

2. Điểm mạnh:

CTĐT được xây dựng dựa trên mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (Chuẩn đầu ra) theo định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu thực tiễn và xã hội, có sự tham gia của đại diện các doanh nghiệp tuyển dụng.

3. Tồn tại:

Còn có CTĐT chưa có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn ngoài trường, đại diện của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

Một số giảng viên ở các bộ môn chưa chủ động tham gia vào việc xây dựng CTĐT, đặc biệt là khi xây dựng chương trình học phần (chỉ thực hiện giảng dạy theo chương trình đã có sẵn) .

4. Kế hoạch hành động:

Thành lập Hội cựu sinh viên để thông qua hội này lấy ý kiến của cựu sinh viên. Tổ chức hội nghị các chuyên gia, nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, cựu sinh

viên tham gia xây dựng, phản biện và góp ý bổ sung, hoàn chỉnh chương trình đào tạo cũng như điều chỉnh, bổ sung CTĐT để đáp ứng nhu cầu xã hội.

Hàng năm, Hội đồng khoa học – đào tạo Trường tổ chức đánh giá lại CTĐT

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.2: Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả:

CTĐT được xây dựng theo Thông tư hướng dẫn của BGD & ĐT, có mục tiêu rõ ràng, đảm bảo cấu trúc hợp lý về nội dung của chương trình: kiến thức giáo dục đại cương chiếm 35 - 40%; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm 65 - 70%;

Trường đã thành lập Ban Đảm bảo chất lượng, HĐ về chất lượng để theo dõi kiểm tra giám sát hiệu chỉnh CTĐT của Trường [H3.3.2.3], [H3.3.2.4].

Đã ban hành chuẩn đầu ra cho các ngành: Kế toán, TCNH, CNTT; công bố trên Website của Trường để sinh viên được biết [H3.3.2.7]. Căn cứ vào chuẩn đó, CTĐT sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng để sinh viên ra trường có thể đảm nhận được những công việc thực tế tại nơi làm việc.

Nhà trường cũng đã công bố chuẩn đầu ra cho sinh viên về ngoại ngữ và tin học, yêu cầu sinh viên phải tích lũy và hoàn thành trước khi ra trường. [H3.3.2.8]

BGH đã có sự nhìn nhận khách quan, nhận biết những nhược điểm và những bất cập trong CTĐT nên đã có chủ trương giao cho PDT&CTSV, PĐBCL&KT phối hợp với các khoa để tiến hành rà soát và hoàn chỉnh toàn bộ CTĐT các ngành trong trường [H3.3.2.5].

Đã thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường về “Giải pháp nâng cao chất lượng CTĐT ngành TCNH theo hướng ứng dụng” [H3.3.2.9]. Đây là đề tài mang tính thiết thực để cải tiến, định hướng cho người dạy và người học theo phương pháp tiên tiến “phương pháp giải quyết vấn đề”; là cơ sở để tiến tới xây dựng và cập nhật các CTĐT khác của Trường.

Nhà trường có nhiều doanh nghiệp kết nghĩa đã và đang đồng hành cùng với Nhà trường trong các chương trình tài trợ học bổng, tiếp nhận, bố trí và hướng dẫn sinh viên, học sinh thực tập, tham gia đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp [H3.3.2.10]. Tuy nhiên, chương trình này đang triển khai, kết quả mới là bước đầu, cần có thời gian và tổng kết, đánh giá hiệu quả để tiếp tục hoàn thiện và thiết thực góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã chú ý và dành nhiều thời gian và kinh phí cho việc xây dựng CTĐT, chương trình đào tạo cơ bản đáp ứng yêu cầu về mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, định hướng ứng dụng...

3. Tồn tại:

CTĐT chưa được thẩm định, đánh giá một cách bài bản từ các Hội đồng;

Chưa thực hiện việc điều tra, lấy ý kiến cựu sinh viên của Trường, nhà tuyển dụng về CTĐT, về những kiến thức và kỹ năng mà các em đã được học có phù hợp với thực tế không.

4. Kế hoạch hành động:

Hàng năm, tiến hành rà soát, chỉnh lý bổ sung chuẩn đầu ra, CTĐT hiện có và có kế hoạch xây dựng chuẩn đầu ra, CTĐT cho các ngành và chuyên ngành mới. Kiện toàn các Hội đồng thẩm định, đánh giá CTĐT.

Năm 2015 tập trung lực lượng để triển khai các đề tài, hình thành các tổ/nhóm điều tra khảo sát nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Phải trả lời được câu hỏi: Thị trường cần gì, CTĐT của ta phải xây dựng trên cơ sở nào, phải thay đổi như thế nào để đáp ứng với yêu cầu thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.3: Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả:

CTĐT các bậc, các hệ được xây dựng theo thông tư hướng dẫn của BGD & ĐT, đảm bảo tính hợp lý và khoa học, có chất lượng.

Nhà trường đã ban hành các Quy định liên quan để xây dựng CTĐT cụ thể:

Quy chế, Quy định đào tạo TCCN hệ chính quy [H3.3.3.4],[H3.3.3.7].

Quy chế, Quy định đào tạo ĐH và Cao đẳng CD hệ chính quy [H3.3.3.2], [H3.3.3.6].

Ban hành CTĐT liên thông từ TCCN - ĐH [H3.3.3.8].

Quy chế, Quy định đào tạo ĐH và CD hình thức vừa học vừa làm, số 36/2007/QĐ - BGDĐT

Ban hành Quy định về đào tạo CD, ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H3.3.3.9]. CTĐT CD, ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H3.3.3.10].

Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình khung các ngành đào tạo chính quy [H3.3.3.11].

Thành lập HĐ đánh giá chất lượng [H3.3.2.3]

Thành lập Ban Đảm bảo chất lượng [H3.3.2.4]

2. Điểm mạnh:

CTĐT được thiết kế theo các quy định của BGD & ĐT, đảm bảo tính khoa học hợp lý và thường xuyên được rà soát, bổ sung;

Trường đã xây dựng các kế hoạch, quy trình quy định từng bước đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường.

3. Tồn tại:

Do một số yếu tố khách quan, một số CTĐT hệ VLVH tại cơ sở 2 Cam Ranh (kế thừa tuyển sinh và đào tạo lớp này từ nhiệm kỳ Hiệu trưởng tiền nhiệm để lại) chưa thống nhất, phải vừa học vừa điều chỉnh cho phù hợp;

Chưa tiến hành kiểm định CTĐT của Trường.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2015 rà soát toàn bộ CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên theo yêu cầu kiểm định CTĐT, hiệu chỉnh và bổ sung CTĐT cho phù hợp với định hướng thực hành ứng dụng.

Xây dựng một quy trình chuẩn về đánh giá chất lượng giáo dục và chất lượng CTĐT.

Khi thiết kế CTĐT cần có sự tham gia từ nhiều nguồn để có ý kiến phản biện, đặc biệt là sự tham gia của doanh nghiệp và các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.4: Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả:

Nền kinh tế hội nhập và phát triển, khoa học công nghệ ngày càng thay đổi theo hướng hiện đại, đòi hỏi CTĐT trong Nhà trường cũng phải thay đổi cho phù hợp. Vì vậy, định kỳ phải có kế hoạch chỉnh lý bổ sung, tham khảo các trường tiên tiến trong nước và quốc tế để cập nhật và hiệu chỉnh lại chương trình cho phù hợp

Định kỳ, Trường tổ chức cho các khoa và bộ môn rà soát lại toàn bộ CTĐT, chuẩn đầu ra. Những thay đổi, điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới đều

được công bố rộng rãi đến giảng viên, người học. Những bổ sung hay điều chỉnh đều dựa trên yêu cầu của thực tiễn ngành nghề, sự phát triển chung của tri thức nhân loại và các CTĐT tiên tiến từ những trường bạn trong nước và quốc tế. Trong quá trình thực hiện đã huy động được nhiều chuyên gia, thầy cô giáo có kinh nghiệm, các tổ bộ môn đã tham gia xây dựng CTĐT và đã tham khảo CTĐT của nhiều trường có các ngành nghề tương đồng với POU [H3.3.4.5].

- Việc lấy ý kiến phản hồi về CTĐT từ các nhà tuyển dụng dần được Nhà trường quan tâm. Năm học 2013-2014, Nhà trường đã tổ chức nhiều buổi hội thảo, tập huấn về nâng cao chất lượng CTĐT ở các ngành, Trường đã lập Ban đề án xây dựng CTĐT ngành TCNH, tiến hành lập chương trình dự thảo và gửi đi kèm theo thư thăm dò ý kiến đến các chuyên gia, doanh nghiệp trong và ngoài Tỉnh [3.3.3.12] (dùng chung). Từ đó, các ngành khác cũng đang tiến hành xây dựng mới CTĐT và chuẩn đầu ra. Hoạt động này tuy chưa nhiều và thường xuyên, nhưng bước đầu đã cung cấp cho Trường nhiều thông tin bổ ích từ các phản hồi của chuyên gia, nhà tuyển dụng, qua đó Trường tiến hành điều chỉnh các CTĐT còn lại, nhằm nâng cao chất lượng và đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn. Từ năm học 2013-2014, đã triển khai điều tra tất cả sinh viên, học sinh chuẩn bị tốt nghiệp cho ý kiến về các mặt hoạt động của Nhà trường, đặc biệt chú trọng đến hoạt động đào tạo để có những điều chỉnh và bổ sung kịp thời

Vừa qua, Trường đã tổ chức hội thảo với tên gọi: “Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa Nhà trường, Doanh nghiệp và gắn kết với xã hội” [3.3.4.3] [3.3.4.2]. Hội thảo đã chỉ ra những bất cập, thiếu sót; chia sẻ và rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm tạo sự kết nối lâu bền, có hiệu quả giữa Nhà trường, doanh nghiệp và xã hội để từ đó, tiến hành xây dựng CTĐT không còn nặng tính lý thuyết, hàn lâm, nhấn mạnh gắn kết với thực tiễn xã hội và nhu cầu của doanh nghiệp.

2. Điểm mạnh:

CTĐT và đề cương chi tiết học phần định kì được rà soát, điều chỉnh và bổ sung, công bố rộng rãi trong Nhà trường.

3. Tồn tại

Chất lượng của việc rà soát, điều chỉnh và bổ sung các CTĐT, đề cương chi tiết của năm học sau so với năm học trước chưa đạt được như mong muốn.

Chưa thành lập các Hội đồng thẩm định CTĐT có thành viên là người đến từ doanh nghiệp, cơ quan ngoài trường; việc xin ý kiến góp ý chuyên gia, doanh nghiệp, cựu sinh viên chưa thường xuyên và rộng rãi; chưa có những ý kiến thiết thực đóng góp từ các tổ Bộ môn.

CTĐT dù có nhiều cải tiến nhưng vẫn còn nhiều bất cập, mang nặng tính lý thuyết, tỷ trọng thực hành, thực tập còn thấp; chưa triệt để đào tạo theo học chế tín chỉ, vì thế trong quá trình tổ chức đào tạo còn những khiếm khuyết, cần phải điều chỉnh cho phù hợp.

Trong các Hội thảo chuyên đề về Chất lượng và đảm bảo chất lượng đào tạo, Đào tạo theo định hướng ứng dụng, Áp dụng chuẩn quốc tế trong đào tạo...thường có rất ít sự tham gia của nhà tuyển dụng, HSSV và cựu sinh viên. Trong khi đó sự tham gia của các đối tượng trên là một kênh tham khảo rất hữu ích, giúp nhìn nhận, đánh giá khách quan nhất về CTĐT. Vì vậy cần có giải pháp tốt để có thể nhận được sự góp ý của họ về CTĐT nhằm cập nhật, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn xã hội và chiến lược đào tạo của trường.

Việc lấy ý kiến các đối tượng liên quan trong xây dựng và triển khai CTĐT mới chỉ được thực hiện ở phạm vi nhỏ trong thời gian vừa qua nên chưa có những tổng kết chính thức và chưa phát huy đầy đủ hiệu quả như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động:

Định kì hàng năm tổ chức Hội thảo, Hội nghị, sinh hoạt học thuật cấp Bộ môn, Khoa về đổi mới CTĐT và đề cương chi tiết môn học

Nhà trường định kì tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến các trường bạn, nhà tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp và cựu sinh viên nhằm kịp thời điều chỉnh,

bổ sung CTĐT. Trường đã thành lập Ban vận động thành lập Hội cựu sinh viên, Ban này sẽ tích cực chuẩn bị để đầu năm 2015 sẽ tổ chức đại hội và ra mắt Hội cựu sinh viên Trường Đại học Thái Bình dương. Công việc đầu tiên của Hội là tham gia nhận xét, phản biện CTĐT hiện có, góp ý điều chỉnh, hoàn thiện CTĐT theo định hướng ứng dụng

Hàng năm, Hội đồng quản trị, Ban Giám hiệu Nhà trường có kế hoạch định mức kinh phí hỗ trợ trong hoạt động đào tạo để các tổ/nhóm tham gia hoàn thành đúng thời hạn và chất lượng đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.5: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác

1. Mô tả:

Các CTĐT đại học được thiết kế liên thông khối kiến thức giáo dục đại cương, do đó giai đoạn đầu của chương trình được tổ chức đào tạo chung và phù hợp với đào tạo theo hệ thống tín chỉ, cũng như chuyển đổi tín chỉ trong đào tạo.[H3.3.5.5]

CTĐT cao đẳng liên thông được xây dựng trên cơ sở CTĐT trung cấp chuyên nghiệp; CTĐT đại học liên thông được xây dựng trên cơ sở CTĐT cao đẳng chuyên nghiệp. Vì vậy, những học phần đã được đào tạo trong chương trình trung cấp chuyên nghiệp sẽ không phải đào tạo lại trong CTĐT cao đẳng liên thông; những học phần đã được đào tạo trong chương trình cao đẳng sẽ không phải đào tạo lại trong CTĐT đại học liên thông.[H3.3.5.5]

Hiện tại Nhà trường đang đào tạo ĐH, CĐ các ngành: Công nghệ thông tin; QTKD; TCNH và Kế toán. Bậc Trung cấp: Trung cấp Điều dưỡng, Trung cấp Kế toán, Trung cấp Xây dựng.

Bộ GD & ĐT giao nhiệm vụ cho Trường theo Quyết định số 14/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 01 năm 2014 được đào tạo liên thông từ trung cấp lên ĐH chính quy và VLVH cho 4 ngành: CNTT; QTKD; TCNH và Kế toán. Nhà

trường cũng đã ban hành và triển khai đào tạo các CTĐT liên thông, VLVH từ CĐ lên ĐH các ngành tương ứng. [H3.3.5.1]

Trường đã tổ chức đào tạo liên thông và hệ VLVH tại cơ sở II, TP. Cam Ranh, tại cơ sở 27 Tô Hiến Thành – Nha Trang và liên kết với trường Trung cấp Tây Nguyên để đào tạo hệ VLVH [H3.3.5.4].

2. Điểm mạnh:

CTĐT được xây dựng đảm bảo tính liên thông ngang và dọc, đảm bảo sự thuận lợi trong việc tổ chức đào tạo liên thông từ trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp lên đại học tạo cũng như điều kiện thuận lợi cho sinh viên đăng ký học tập các học phần chung, cũng như học cùng lúc nhiều chương trình. Sinh viên khi ra trường có thể tham gia học liên thông hoặc đào tạo trình độ cao hơn tại các cơ sở đào tạo khác trong nước và nước ngoài.

3. Tồn tại:

CTĐT của Nhà trường hiện nay phù hợp với các yêu cầu của Bộ, nhưng chương trình chi tiết môn học/học phần còn nhiều điểm chưa phù hợp với thực tế. Số học phần tự chọn còn chiếm tỷ trọng thấp trong CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2014 – 2015 tăng cường điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung CTĐT, đảm bảo liên thông ngang và dọc, tăng tỷ lệ các học phần tự chọn và các phần thực hành trong CTĐT, hoàn thiện chương trình chi tiết các học phần theo hướng ứng dụng, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, gắn kết chặt chẽ học và hành.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.6: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả:

Thời kỳ đầu, CTĐT từ khi xây dựng để mở ngành đào tạo chưa được định

kỳ đánh giá hiệu chỉnh, chưa xây dựng một kế hoạch rõ ràng về tiến độ đánh giá CTĐT. CTĐT được xây dựng dựa trên kinh nghiệm của đội ngũ chuyên gia và giảng viên trong Trường, chưa có sự đánh giá của các chuyên gia và các doanh nghiệp bên ngoài Trường.

Thời gian gần đây nhận thấy tầm quan trọng của việc đánh giá, thẩm định nhằm hoàn thiện CTĐT với việc nâng cao chất lượng đào tạo nên BGH đã có sự chỉ đạo kịp thời để PĐT & CTSV, PĐBCL & KT phối hợp với các khoa, bộ môn tiến hành rà soát, bổ sung và cải tiến chương trình theo hướng thực hành ứng dụng, phù hợp với chiến lược phát triển đào tạo mới.

Đã tổ chức các buổi tập huấn, mời các chuyên gia có kinh nghiệm về kiểm định CTĐT từ các Trường đại học lớn, có uy tín thuyết trình, hướng dẫn để tất cả giảng viên và CBNV trong Trường biết, hiểu được tầm quan trọng và cùng tham gia thực hiện kiểm định, cải tiến, hoàn thiện CTĐT.

Đã thành lập Ban Đề án đánh giá chất lượng CTĐT, đã thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học về xây dựng CTĐT cho ngành đào tạo (ngành TCNH) theo hướng thực hành, ứng dụng với sự tham gia của các chuyên gia đang hoạt động trong ngành Ngân hàng nhằm đảm bảo để sinh viên ra trường có thể đảm nhận được công việc ngay tại các đơn vị mà không mất nhiều thời gian để đào tạo lại. [H3.3.3.12]

2. Điểm mạnh:

Đã có đơn vị chuyên trách về tự đánh giá và kiểm định chất lượng CTĐT và hoạt động hiệu quả (PĐBCL & KT);

3. Tồn tại:

Chưa xây dựng được kế hoạch, quy trình đánh giá chất lượng các CTĐT.

Chưa quy định rõ trách nhiệm các đơn vị và cá nhân trong việc tham gia xây dựng và đánh giá CTGD.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2015-2016 sẽ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng việc

thực hiện đổi mới CTĐT, đề cương chi tiết của các bộ môn và các khoa.

Lập kế hoạch cụ thể và lâu dài, có sự phân công để các đơn vị, cá nhân đảm nhận công việc cụ thể để đẩy mạnh hoạt động đánh giá và cải tiến CTĐT.

Trong năm học 2015 - 2016 ,tiến hành khảo sát giảng viên và sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp về chất lượng CTĐT và chất lượng đào tạo nói chung của Nhà trường để từng bước khắc phục thiếu sót, nhược điểm và hoàn thiện CTĐT.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập của trường Đại học Thái Bình Dương được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do BGD & ĐT ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ cũng như chiến lược phát triển nhà trường.

Các chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở ý kiến đóng góp của giảng viên và cán bộ quản lý từ cấp bộ môn, cấp khoa đến cấp trường. Nhà trường đang tiến hành rà soát, hiệu chỉnh chương trình đào tạo dựa trên ý kiến của các chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên. Bên cạnh đó, nhà trường cũng xúc tiến việc chuẩn bị đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, phần đầu trong năm 2015 được Bộ thẩm định, cho phép mở thêm 2-3 ngành mới để đáp ứng nhu cầu người học và thị trường lao động.

Việc lấy ý kiến các nhà tuyển dụng được tiến hành chưa thật bài bản trong các năm học vừa qua. Kế hoạch, quy trình đánh giá CTĐT chưa được xây dựng một cách cụ thể và bài bản.

Trong tiêu chuẩn 3, có 5 tiêu chí đạt yêu cầu và 1 tiêu chí chưa đạt yêu cầu

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

Mở đầu

Trường Đại học Thái Bình Dương đã và đang thực hiện đa dạng hóa có lộ trình cụ thể các phương thức đào tạo, các loại hình đào tạo, mở rộng hình thức liên kết đào tạo với các ngành, địa phương trong cả nước nhằm đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao trong môi trường kinh tế xã hội phát triển. Hoạt động đào tạo có nhiều đổi mới, luôn gắn với thực tiễn và chú trọng đến đối tượng là con nông dân có nhiều khó khăn để giúp các em tiếp cận được với khoa học kỹ thuật.

Tiêu chí 4.1: Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.

1. Mô tả:

Xuất phát từ nhu cầu xã hội hóa giáo dục, học tập suốt đời và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho cộng đồng, theo quy định của BGD & ĐT, hình thức đào tạo của Trường cần phải đa dạng, phong phú, thích hợp cho từng đối tượng, nhằm đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo những chuẩn mực thích hợp, đồng thời từng bước hướng người học phải đạt chuẩn đầu ra cho từng bậc học, ngành học thống nhất đối với các hình thức đào tạo khác nhau. Do đó, CTĐT phải có tính nhất quán, liên thông, hỗ trợ, kế thừa, bổ sung trong các hình thức tổ chức và các hệ đào tạo khác nhau từ thấp lên cao, tạo cơ hội ngày càng nhiều cho người học có thể học tập nâng cao và học tập suốt đời. Cụ thể:

- Nhà trường đã hoàn thiện các quy định về CTĐT và hình thức đào tạo:
- + Đã ban hành quy định thực hiện kế hoạch đào tạo tại POU [H4.4.1.1] và CTĐT các ngành học, bậc học, các hệ đào tạo liên thông, VLVH;
- + Trong các năm 2009, 2010, Nhà trường đã ban hành sổ tay HSSV [H4.4.1.2], trong đó CTĐT từng ngành học, bậc học và hệ đào tạo được cung cấp đầy đủ đến người học. Tuy nhiên, trong các năm 2011, 2012 và 2013, do

tình hình tuyển sinh gặp khó khăn nên việc triển khai in sổ tay HSSV chưa được thực hiện kịp thời để cung cấp cho người học;

+ Trường đã ban hành Quyết định về việc thiết kế chuẩn đầu ra và CTĐT ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H4.4.1.3]. Điều này giúp cho việc xây dựng CTĐT các ngành học phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu công việc của người học khi ra trường;

+ Bên cạnh đó, các khóa tuyển sinh của Trường hiện nay thực hiện đúng theo quy định hiện hành của BGD & ĐT, có các quyết định công nhận trúng tuyển cho mỗi đợt tuyển sinh [H4.4.1.4].

- Trong những năm qua, Trường đã liên kết và ký hợp đồng đào tạo với các đơn vị trong và ngoài tỉnh Khánh Hòa, trong đó có các đơn vị trong ngành y tế, các trường Trung cấp, Trung tâm giáo dục thường xuyên: từ [H4.4.1.5] đến [H4.4.1.15]. Việc ký hợp đồng đào tạo với các đơn vị trong ngành y tế đã giúp người học ngành Điều dưỡng có cơ hội thực tập thực tế trên bệnh nhân, nâng cao khả năng thực hành, nâng cao tay nghề trong thời gian học tập.

- Nhà trường đã ban hành quy định về việc lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên tại POU [H4.4.1.16], [H4.4.1.17]. Điều này giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy của giảng viên, giúp giảng viên thay đổi phương pháp giảng dạy, tăng tính tương tác giữa quá trình giảng dạy và học tập.

Trong thời gian qua, Nhà trường đã và đang tổ chức được nhiều khóa học ở các bậc (ĐH, CĐ, trung cấp, liên thông, VLVH) và đang dần hoàn thiện những học phần chưa thật sự áp dụng vào thực tế công việc và từng bước điều chỉnh theo hướng có lợi nhất cho người học, đáp ứng đúng nhu cầu xã hội và theo đúng quy chế. Sinh viên khi ra trường đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

- Trường đã có những bước đi chậm nhưng chắc trong thực hiện chủ trương của BGD & ĐT về đào tạo theo học chế tín chỉ. Cụ thể, từ năm học 2013-2014 (khóa 5) đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ các ngành có liên thông để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc chủ động học tập của sinh viên.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có phương thức đào tạo đa dạng ở các trình độ học (ĐH, CĐ, trung cấp, liên thông, VLVH), đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho người học, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực duyên hải Nam Trung bộ - Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung, góp phần thúc đẩy nhanh sự nghiệp hiện đại hóa - công nghiệp hóa đất nước.

Nhà trường nhận thức rõ tầm quan trọng trong việc triển khai xây dựng CTĐT theo quy định của BGD & ĐT sao cho phù hợp với các yêu cầu của từng chuyên ngành, từng địa phương cũng như yêu cầu hội nhập quốc tế.

3. Tồn tại

Trước đây, khi chưa có quy định mới về đào tạo liên thông, phong trào xã hội hóa giáo dục rất sôi nổi ở hình thức này. Từ sau khi có Thông tư số 55/2012/TT - BGDĐT của BGD & ĐT, tuyển sinh và đào tạo liên thông giảm sút đột ngột và đang đứng trước nguy cơ đóng cửa do không có nguồn tuyển.

Đội ngũ quản lý và đào tạo của Trường chưa đủ sức để thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra theo yêu cầu.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường sẽ phân công các đơn vị trực thuộc quản lý, quy hoạch lại phòng học, lập kế hoạch cho từng học kỳ, năm học, khóa học; theo dõi sát từng loại hình đào tạo nhằm phân bổ quỹ thời gian học tập, thi kết thúc môn học, hoàn thành chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, kỹ năng mềm, đạt chuẩn đầu ra cho từng chuyên ngành, nhằm nâng cao hiệu quả học tập và rèn luyện cho người học.

Nhà trường đang tích cực tìm nguồn tuyển sinh để mở rộng quy mô đào tạo liên thông đối với 4 ngành đã được phép của Bộ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.2: Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên

chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả:

Từ năm học 2009 - 2010 đến năm học 2012 - 2013, Trường tổ chức đào tạo theo niên chế - học phần, áp dụng Quy chế đào tạo ĐH & CĐ hệ chính quy ban hành kèm theo QĐ 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của BGD & ĐT; việc đánh giá kết quả đào tạo được thể hiện trong đề cương chi tiết từng môn học, do đó việc xử lý và thông báo kết quả học tập đều được thực hiện vào cuối mỗi năm học và khi kết thúc khóa học, Trường tổ chức lễ phát bằng công nhận tốt nghiệp cho người học [H4.4.2.4].

Theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, BGH Nhà trường, từ năm học 2013 - 2014, Trường thực hiện chuyển đổi đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Để thực hiện chuyển đổi phương thức đào tạo như trên, Trường thành lập Ban Chỉ đạo và ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ [H4.4.2.1]. Trường xây dựng và ban hành CTĐT theo học chế tín chỉ dựa trên chương trình khung của BGD & ĐT và có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học khác [H4.4.2.5]. CTĐT được thực hiện chuyển đổi, rà soát sau khi được đánh giá và đề nghị chỉnh sửa chương trình theo tín chỉ ở cấp Khoa, qua xét duyệt của Hội đồng thẩm định và Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Trường.

Trường đã ban hành “Quy định đánh giá quá trình và thi kết thúc học kỳ” [H4.4.2.3], qua đó giúp giảng viên giảng dạy đánh giá kết quả học tập của người học một cách khách quan, đồng thời giúp người học thể hiện được năng lực, tự tin khi thi vấn đáp.

Trường thành lập Ban Thanh tra công tác đào tạo để theo dõi, giám sát việc chuyển đổi CTĐT từ niên chế sang học chế tín chỉ cho các bậc đào tạo, được thể hiện trong kế hoạch và biên bản thanh tra đào tạo theo năm học. Trường cũng điều chỉnh một số môn học trong CTĐT theo học chế niên chế cho phù hợp với CTĐT theo hệ thống tín chỉ, quy đổi số đơn vị học trình sang số tín chỉ của các môn học và chỉnh sửa đề cương chi tiết các môn học này để phù hợp

với CTĐT mới, chọn môn học tương đương giữa hai chương trình để tạo điều kiện thuận lợi cho người học ở các khóa trước học theo niên chế trả nợ môn học.

Quá trình chuyển sang đào tạo theo tín chỉ được phổ biến rộng rãi đến từng cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên trong trường qua thông báo, sinh hoạt đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa, website, ... [H4.4.2.5] đến [H4.4.2.7].

Song song với việc xây dựng CTĐT, Nhà trường đã ban hành các quy định về việc lên lớp theo niên chế và giờ lên lớp theo tín chỉ áp dụng dựa trên “Quy chế đào tạo ĐH và CĐ hệ chính quy theo học chế tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của BGD & ĐT để các Khoa chủ động trong việc sắp xếp, phân công giảng dạy và lên lịch học cho người học [H4.4.2.6].

2. Điểm mạnh:

Thực hiện theo đúng quy chế về việc đánh giá kết quả học tập theo từng học phần cho tất cả các hệ, bậc đào tạo của Trường. Nhà trường và Ban lãnh đạo các Khoa cũng đã nỗ lực trong việc đảm bảo tính chính xác và nhanh chóng trong việc cập nhật kết quả học tập của người học qua nhiều hình thức khác nhau như: gửi kết quả học tập về từng lớp, đưa kết quả học tập lên các trang thông tin của đơn vị và của Trường, xác định thời gian xử lý các kiến nghị liên quan đến kết quả học tập v.v...

Công tác chuyển đổi sang học chế tín chỉ được thực hiện từng bước theo kế hoạch, sau khi được Hội đồng Thẩm định, Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua, BGH kiên quyết chỉ đạo thực hiện và được sự đồng thuận của tập thể cán bộ, giảng viên. Nhà trường đang thực hiện tốt, chuẩn bị sẵn sàng cho việc đào tạo theo học chế tín chỉ đối với các hệ, bậc đào tạo. CTĐT có đầy đủ đề cương chi tiết, tài liệu tham khảo. Các biểu mẫu đăng ký môn học, thiết kế kế hoạch học tập toàn khóa được thực hiện đầy đủ. Lãnh đạo Nhà trường, giảng viên đều rất quan tâm và ủng hộ việc chuyển đổi sang hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ.

3. Tồn tại:

Việc đánh giá môn học theo học chế tín chỉ bước đầu còn gặp nhiều khó khăn do việc chuyển đổi từ điểm số sang điểm chữ. Hệ thống quản lý trực tuyến chưa đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy do trang Web của Trường chưa được nâng cấp.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2015 – 2016, Nhà trường tiếp tục hoàn chỉnh mọi công việc cần thiết để triệt để tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Cụ thể:

- Đổi mới, kiện toàn công tác quản lý của Trường phù hợp với đào tạo theo hệ thống tín chỉ
- Hoàn thiện phần mềm quản lý Nhà trường trong đó có phân hệ quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các CTĐT và chương trình chi tiết của các học phần trong chương trình đào tạo.
- Đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo hệ thống tín chỉ.
- Đầu tư nâng cấp và trang bị mới cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.3: Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả:

Đề cương chi tiết các môn học theo học chế tín chỉ đầy đủ cho từng học phần để làm cơ sở quản lý nội dung CTĐT theo mục tiêu đã đề ra [H4.4.3.2].

Nhà trường đã có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua các hoạt động dự giờ và lấy ý kiến phản hồi từ người học về phương pháp giảng dạy của giảng viên [H4.4.3.1]. Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ người học được thực hiện vào cuối mỗi học kỳ, sau đó được tổng hợp thành bảng tổng kết đánh giá giảng viên và gửi về cho Hiệu trưởng (đang thực hiện lần đầu nên chưa công khai đánh giá của người học).

Kế hoạch dự giờ của giảng viên được các khoa lập ra theo từng học kỳ, gửi về PĐT & CTSV, PĐBCL & KT. Sau các buổi dự giờ sẽ có biên bản tổng hợp ý kiến nhận xét của các thành viên tham dự về giờ giảng của giảng viên. Kết quả dự giờ được tổng hợp thành biên bản phản hồi cho giảng viên để tham khảo, tự hoàn chỉnh bài giảng và phương pháp giảng dạy, giúp cho giảng viên tích lũy thêm kinh nghiệm [H4.4.3.4]

Cuối mỗi học kỳ, các thông tin về đánh giá giờ giảng của giảng viên được tổng hợp báo cáo lên BGH để Nhà trường nghiên cứu, chỉ đạo và điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu chung và gửi thông báo đến Trưởng Bộ môn để nghiên cứu, điều chỉnh việc tổ chức và quản lý giảng dạy cho phù hợp [H4.4.3.5].

Ngoài việc đánh giá chất lượng giờ giảng của giảng viên, Nhà trường cũng rất chú trọng triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy. Nhà trường khuyến khích các giảng viên tham gia vào các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm để cập nhật và cải tiến phương pháp giảng dạy, khuyến khích giảng viên thực hiện giảng dạy theo tính đa dạng hóa các phương pháp: giảng lý thuyết theo phương pháp truyền thống, phương pháp giải quyết tình huống, làm việc theo nhóm, viết tiểu luận, thuyết trình đề tài, thảo luận theo nhóm,... nhằm phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể của người học (thông qua các Hội thảo chuyên đề do Khoa và Trường tổ chức, Diễn đàn [H4.4.3.6],...).

Các hoạt động đánh giá phương pháp giảng dạy của giảng viên và thay đổi phương pháp học của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể của người học được thể hiện thông qua hội nghị, các buổi tập huấn của Trường.

2. Điểm mạnh:

BGH Nhà trường quan tâm đến công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Nhà trường khuyến khích giảng viên học hỏi, tìm tòi những phương pháp giảng dạy mới; góp ý trực tiếp đối với phương pháp giảng dạy của từng cá nhân để từ đó có hướng điều chỉnh cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Các giảng viên chú trọng đổi mới và lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp, phát huy tính chủ động của người học. Đội ngũ giảng viên của Trường chủ yếu là lực lượng trẻ, năng động, chịu nghiên cứu nên đã đạt được nhiều thành công trong công tác nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy, lấy người học làm trung tâm và giúp người học phát huy tính tự học tốt hơn. Hàng năm, thực hiện kế hoạch dự giờ để rút kinh nghiệm trong giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên và học tập của HSSV.

3. Tồn tại:

Trường chưa xây dựng và thực hiện chế độ thưởng phạt nghiêm minh trong hoạt động giảng dạy của giảng viên; còn mang tính nể nang, e ngại, nhất là đối với giảng viên mời giảng. Do nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng và hội nhập ngày càng cao, phương pháp giảng dạy và kiến thức chuyên môn của giảng viên thường xuyên phải đổi mới và cập nhật, trong khi việc tiếp cận phương pháp tiên tiến trong và ngoài nước của giảng viên còn nhiều hạn chế, nên việc đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học chưa phát huy hiệu quả, chưa đạt kết quả mong muốn.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2015 – 2016, tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí và quy trình đánh giá về đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá của giảng viên. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn để giảng viên nắm vững và áp dụng thành thạo, hiệu quả các phương pháp giảng dạy, học tập tích cực. Tăng cường vai trò chủ động, tích cực của Bộ môn và giảng viên trong việc áp dụng và đánh giá kết quả đổi mới phương pháp giảng dạy, giúp đỡ sinh viên đổi mới phương pháp học tập

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả:

Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đều được đa dạng hóa theo hướng đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của HSSV. Ngoài hình thức thi tự luận, trắc nghiệm thì phương pháp đánh giá kết thúc học phần còn được tiến hành thông qua các hoạt động nhóm; báo cáo chuyên đề; bài thu hoạch, vấn đáp... nhằm phát huy tính tích cực của sinh viên, học sinh; quy định thang điểm theo tỷ lệ khoa học, hợp lý. Cụ thể:

- Nhà trường đã hoàn thiện phương pháp, tổ chức và quy trình kiểm tra, đánh giá:

- + Các quy trình này được quy định cụ thể trong chương trình chi tiết môn học [H4.4.3.2], phù hợp với hình thức đào tạo và mục tiêu môn học và được phổ biến cho người học trong kế hoạch giảng dạy ngay từ đầu năm học và được sắp xếp, lên lịch học để thuận tiện cho người học trong việc theo dõi và sắp xếp việc học [H4.4.4.1].

- + Ngoài ra, để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo yêu cầu tương đồng về chất lượng giữa các hình thức đào tạo, Nhà trường đã ban hành quy định chung về việc ra đề thi đối với các bậc đào tạo trong các kỳ thi học kỳ và các kỳ thi quan trọng như: tốt nghiệp, tuyển sinh, đồng thời ban hành quy trình thi/kiểm tra, đánh giá học phần và quy định việc giao và thực hiện khóa luận tốt nghiệp [H4.4.4.3], [H4.4.4.6].

- Nhà trường hoàn thiện khảo sát, đánh giá mức độ tích lũy của người học về chuyên môn, kỹ năng thực hành:

+ Trong mỗi đợt thi học kỳ, thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp, Nhà trường đều lên kế hoạch thi, thành lập Hội đồng thi và tổ chức thi theo đúng quy định trong quy chế hiện hành của BGD & ĐT [H4.4.4.3].

+ Công tác ra đề thi, in sao đề thi, niêm phong, bàn giao đề thi, tổ chức thi nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế, đảm bảo tính bảo mật, công bằng, chính xác, không có sai sót [H4.4.4.3].

+ Nhờ có sự đa dạng hóa trong phương pháp đánh giá kết quả học tập mà việc đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành bảo đảm được tính khách quan, trung thực, công bằng [H4.4.4.4], [H4.4.4.5].

2. Điểm mạnh:

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được đa dạng hóa với nhiều hình thức thi kết thúc học phần khác nhau, giúp việc đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề được chính xác và khách quan. Quy trình kiểm tra, đánh giá được thực hiện đúng theo quy chế đào tạo, công tác coi thi, chấm thi thực hiện nghiêm túc. Công tác thanh tra, giám sát các kỳ thi được tiến hành kiểm tra thường xuyên nên đảm bảo được tính chính xác, khách quan, công bằng trong các kỳ thi.

3. Tồn tại:

- Trường chưa tổ chức thống kê, khảo sát, đánh giá mức độ khó dễ của đề thi ảnh hưởng đến kết quả của người học; chưa khảo sát rộng rãi các nhà tuyển dụng về năng lực kiến thức, kỹ năng thực tế của cựu sinh viên POU tại cơ sở và đối chiếu với kết quả học tập tại Trường.

- Hiện tại, một số học phần chuyên ngành chưa có giảng viên cơ hữu giảng dạy nên việc xây dựng ngân hàng câu hỏi, kiểm tra và đánh giá mức độ

phù hợp của hình thức thi, kiểm tra so với nội dung và tính chất môn học còn chưa được thực hiện triệt để; chưa phát huy được hiệu quả tối đa của hình thức thi vấn đáp.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2015 – 2016, sửa đổi, bổ sung Quy định về thi, kiểm tra kết thúc môn học/học phần, tổ chức và đánh giá kết quả thực tập, thực hành, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp của Trường Đại học Thái Bình Dương theo mục tiêu: đa dạng, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo và học tập theo hệ thống tín chỉ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả:

Trường đã ban hành quy định về thời gian chấm thi và thông báo kết quả thi cho người học, thông báo dự kiến thời gian xét tốt nghiệp và kết quả tốt nghiệp đến người học theo quy chế của BGD & ĐT. Cụ thể:

Nhà trường đã hoàn thiện các quy định về quy trình kiểm tra, cập nhật, sao lưu dữ liệu, cấp phát, lưu trữ văn bằng, chứng chỉ:

- Kết quả thi của người học được công bố công khai và kịp thời sau mỗi kỳ thi dưới 2 hình thức: bằng văn bản gửi về cho ban cán sự lớp đồng thời công bố trên bảng Thông báo tại PĐT & CTSV và nhập điểm bằng phần mềm đưa lên website của trường tại địa chỉ <http://www.pou.edu.vn> [H4.4.5.2].

- Kết quả học tập từng năm học cũng như các kết quả thi tốt nghiệp, xét tốt nghiệp được đưa lên website để sinh viên kiểm tra và phản hồi những sai sót trong quá trình nhập điểm theo thời gian quy định và được PĐT & CTSV quản lý, nhờ đó hồ sơ quản lý điểm HSSV đầy đủ, chính xác và đảm bảo độ tin cậy [H4.4.5.1].

- Trường đã ban hành quy định các điều kiện được dự thi tốt nghiệp, điều kiện để được công nhận tốt nghiệp và thực hiện việc cấp phát văn bằng đúng theo quy định; lập sổ theo dõi, quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy định và đúng mẫu của BGD & ĐT [H4.4.5.1]. Danh sách HSSV tốt nghiệp được công bố trên website trường để người học và gia đình thuận tiện theo dõi.

- Kết quả học tập tại trường được lưu trữ ở 03 nơi: PĐT & CTSV, Khoa quản lý học phần và trong thời gian tới PĐBCL & KT sẽ tham gia giám sát. Tại PĐBCL & KT, kết quả học tập sẽ được lưu trữ bằng 02 phương thức: bằng file PDF trên máy tính và bằng văn bản giấy. Hiện tại việc lưu trữ bài thi được thực hiện đúng thời gian quy định.

2. Điểm mạnh:

Thực hiện cập nhật kết quả học tập trên website của Trường, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và gia đình kiểm tra thông tin về kết quả học tập, giúp người học có cái nhìn tổng quan về tiến trình học tập, nhằm có kế hoạch học tập cụ thể được tốt hơn, gia đình nắm bắt kịp thời kết quả học tập của con em mình. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, chính xác, lưu trữ an toàn.

Công tác quản lý điểm của sinh viên được thực hiện đồng thời tại PĐT & CTSV, các Khoa. Nhà trường có hệ thống lưu trữ đa dạng và tin cậy gồm lưu bản giấy, lưu bản file PDF, lưu trên website. Sau mỗi năm học, kết quả học tập được gửi lên website để sinh viên kiểm tra, sau đó so sánh kết quả tại PĐT & CTSV, vì vậy đảm bảo được tính chính xác trong khi xử lý kết quả học tập cho người học. Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận kết quả học tập được cấp theo quy định và được công bố trên website của Trường.

3. Tồn tại:

Trường chưa tổ chức khảo sát CBGV, người học về công tác tổ chức thi.

Việc khai thác phần mềm trong quản lý kết quả học tập chưa thật sự hiệu quả do phần mềm đang trong quá trình hoàn thiện, nâng cấp.

Trường quy định cụ thể về thời gian chấm thi và thông báo kết quả thi cho người học nhưng đối với một số giảng viên mời giảng chưa thực hiện nghiêm túc theo yêu cầu về thời gian. Do đó, việc nộp và thông báo kết quả thi của một số học phần vẫn còn chậm so với quy định, đã gây khó khăn cho công tác đánh giá kết quả học tập từng học kỳ, cả năm học.

4. Kế hoạch hành động:

Trường khẩn trương cải tiến, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo (hoàn thành trong năm học 2014-2015) để phù hợp với các yêu cầu quản lý theo học chế tín chỉ; có kế hoạch phân quyền cập nhật, quản lý, lưu trữ điểm trên máy tính cho từng khoa; có chính sách xử lý để giảng viên thỉnh giảng báo điểm thi đúng tiến độ, đảm bảo thông báo kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, học sinh đúng quy định về thời gian theo kế hoạch và tính công khai, chính xác và an toàn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Công tác lưu trữ thông tin về hoạt động đào tạo, sinh viên tốt nghiệp được Nhà trường lưu giữ một cách khoa học, hợp lý để hình thành hệ thống lưu trữ thông tin dữ liệu về hoạt động đào tạo và sinh viên của Trường.

Các CTĐT, các văn bản báo cáo về hoạt động đào tạo, danh sách sinh viên các lớp, danh sách sinh viên tốt nghiệp, bảng điểm kết quả học tập các môn học và điểm đánh giá rèn luyện của sinh viên, học sinh đều được lưu giữ dưới các hình thức: bản giấy trong hồ sơ, bản file trên máy tính ở PĐT & CTSV, các Khoa, PĐBCL & KT [H4.4.5.1].

Tình hình sinh viên tốt nghiệp bao gồm tỉ lệ và xếp loại sinh viên tốt nghiệp hàng năm đều được PĐT & CTSV thống kê cụ thể và được công bố trên

trang Web, lưu trữ trong các tập tài liệu về lễ tốt nghiệp các năm học của Trường (H4.4.5.2).

Mặc dù trường mới có 01 khóa sinh viên ĐH, 02 khóa sinh viên CĐ và 03 khóa học sinh TCCN tốt nghiệp nhưng công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được các khoa hết sức lưu tâm thực hiện và tổng hợp thành cơ sở dữ liệu để lưu trữ tại khoa [H4.4.6.1]. Hiện nay, Trường chủ trương sẽ thường xuyên nhận phản hồi từ sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng cũng như HSSV đang học bằng nhiều cách khác nhau [H4.4.3.1].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường rất chú trọng đến công tác lưu trữ đầy đủ toàn bộ thông tin dữ liệu về hoạt động đào tạo, tình hình HSSV tốt nghiệp, tình hình HSSV tốt nghiệp có việc làm. Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo và HSSV tốt nghiệp của Trường được xây dựng, cập nhật và lưu trữ có hệ thống.

3. Tồn tại:

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp một cách đầy đủ, thông tin về nhu cầu sử dụng lao động chưa được cập nhật kịp thời, mối liên hệ giữa sinh viên sau khi tốt nghiệp với Trường chưa chặt chẽ và chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

Khoa chịu trách nhiệm và chủ động trao đổi các thông tin về đào tạo để tạo điều kiện thuận lợi, nhanh chóng hơn cho người học, đồng thời kịp thời nắm bắt các thông tin phản hồi từ người học để giải quyết hoặc phản ánh về Trường để giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình học tập. Khoa đề xuất, kiến nghị Nhà trường hỗ trợ cho hoạt động trên được thuận lợi, thông suốt.

Trường nghiên cứu thành lập Hội Cựu sinh viên, giúp cho việc thông tin hai chiều giữa Nhà trường với sinh viên, học sinh tốt nghiệp, với doanh nghiệp trở nên thường xuyên và hiệu quả hơn.

Ngoài ra, Trường cần thực hiện các đề tài nghiên cứu về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp để làm cơ sở dữ liệu cho việc đánh giá chất lượng CTĐT cũng như có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời để đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả:

Đánh giá chất lượng đào tạo là hoạt động quan trọng giúp cho các khoa và Trường điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội. Các khoa đã tham gia công tác tự đánh giá ở cấp độ Khoa (thông qua các hoạt động dự giờ). Ngoài ra còn có việc tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên do PĐBCL & KT đảm nhiệm [H4.4.3.1]. Đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường là một trong những hoạt động được Nhà trường quan tâm, nhưng các hoạt động này mới chỉ bước đầu hình thành, mới có chủ trương trong Lãnh đạo mà chưa có kế hoạch một cách chi tiết, cụ thể, dài hạn và có tính hệ thống, chưa có sự phân công đơn vị, cá nhân cụ thể đảm trách.

Nhà trường đã đưa các yêu cầu về kỹ năng mềm vào chuẩn đầu ra và quan tâm bồi dưỡng, huấn luyện, hướng dẫn nhằm trang bị cho người học các kỹ năng cần thiết trong công việc thực tế ở các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị để giúp người học giảm bớt sự bỡ ngỡ, vụng vơ, tự tin khi phỏng vấn và sớm thích ứng cũng như đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động, của xã hội [H6.6.5.3] đến [H6.6.5.11] (Dùng chung minh chứng Tiêu chuẩn 6).

Hiện tại, Nhà trường chưa tiến hành đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường một cách toàn diện và rộng rãi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ các nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên.

2. Điểm mạnh:

Tổ chức định kỳ các lớp chuyên đề, lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm cho HSSV năm cuối nhằm hỗ trợ cho người học có điều kiện tiếp cận những kiến thức, phương pháp nắm bắt vấn đề và xử lý tình huống trong phỏng vấn, trong giải quyết công việc chuyên môn, nghiệp vụ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học và tự đánh giá để điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

3. Tồn tại:

Hàng năm, số sinh viên, học sinh tốt nghiệp ra trường có việc làm, chuyển công tác, tình hình thu nhập,... chưa được cập nhật chính xác, hệ thống; chưa tạo dựng được mối liên hệ thường xuyên, hiệu quả đến đông đảo các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để nắm bắt tình hình chất lượng của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2014 - 2015, Nhà trường sẽ giao PĐT & CTSV tiến hành rà soát, thống kê lại số lượng HSSV tốt nghiệp có việc làm và chưa có việc làm, số HSSV tốt nghiệp làm việc đúng chuyên ngành đào tạo, tình hình thu nhập, cơ hội thăng tiến của các em; đánh giá nguyên nhân và có hình thức hỗ trợ phù hợp trong thời gian tới nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học sau khi ra trường.

Tăng cường mối liên hệ với các doanh nghiệp, cơ quan nhằm kịp thời nắm bắt tình hình năng lực làm việc của sinh viên, học sinh sau khi tốt nghiệp, những yêu cầu của doanh nghiệp về kiến thức, kỹ năng của đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý; từ đó nắm bắt những yêu cầu về bổ sung, đổi mới, hoàn thiện CTĐT cũng như nội dung giảng dạy, học tập của các học phần trong CTĐT; giúp Nhà trường điều chỉnh CTĐT và nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập phù hợp, hiệu quả hơn nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất và đời sống. Năm học 2015-2016 sẽ xây dựng quy chế liên kết với doanh nghiệp để đưa công việc này vào nề nếp và nâng cao hiệu quả trong đào tạo.

Giao PDT & CTSV lập kế hoạch cụ thể để theo dõi HSSV tốt nghiệp về chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường; xây dựng các mẫu biểu và tổ chức lấy ý kiến đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi tốt nghiệp và ý kiến của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, hàng năm sẽ có các đề xuất để Nhà trường xem xét, điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Nhà trường đang tiến hành xây dựng, triển khai áp dụng học chế tín chỉ, có kế hoạch và lộ trình rõ ràng cho tất cả các hệ, bậc đào tạo, thực hiện tốt việc đa dạng hóa các phương thức đào tạo, đáp ứng được nhu cầu học tập đa dạng của người học.

Nhà trường chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, khuyến khích giảng viên và học sinh sinh viên chủ động thực hiện mô hình “lớp học đảo ngược”. Nhà trường chủ trương đa dạng hóa phương thức và hình thức đánh giá nhằm đảm bảo tính nghiêm túc, chính xác, công bằng và phù hợp với từng phương thức đào tạo. Kết quả học tập của người học được công khai, kịp thời, lưu trữ đầy đủ, an toàn. Văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ được cấp đúng quy định

Trong tiêu chuẩn 4, cả 7 tiêu chí đều đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Mở đầu

Trường Đại học Thái Bình Dương có đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu về chuyên môn và phẩm chất đạo đức, đặc biệt là đội ngũ giảng viên có chuyên môn tốt và kinh nghiệm giảng dạy, thực tế. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của trường đáp ứng yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo các quyền lợi theo quy định. Trường có kế hoạch tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng

viên đi học bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tiêu chí 5.1: Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả:

Công tác tổ chức quản lý nhân sự là yếu tố cơ bản nhất trong hệ thống quản lý của một đơn vị. Trong thời gian qua dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, BGH đã thực hiện theo đúng các văn bản quy định của Nhà nước [H5.5.1.1], [H5.5.1.2], [H5.5.1.3], đồng thời sự kết hợp hài hòa giữa các phòng ban, khoa trong Trường đã có những chuyển biến tích cực. Lực lượng cán bộ giảng viên, nhân viên ngày càng tăng, tổ chức ngày càng ổn định. Từ năm 2010, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch quản lý nhân sự căn cứ vào các văn bản hướng dẫn [H5.5.1.4], [H5.5.1.5] và thành lập Hội đồng tuyển dụng nhân sự gồm có đủ đại diện các đơn vị có liên quan H5.5.1.20], năm 2013 được bổ sung thay thế [H5.5.1.21] với các quy trình và tiêu chí tuyển dụng cụ thể, rõ ràng được thông báo rộng rãi đến đội ngũ CBGV, nhân viên và trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua website [H5.5.1.6], [H5.5.1.19], tiến hành thông báo công khai trong toàn Trường [H5.5.1.22].

Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng và tạo điều kiện tốt nhất để CBGV, nhân viên tham gia như việc tổ chức các hội thảo, hội nghị tập huấn chuyên đề thường xuyên trong Trường [H5.5.1.9] đến [H5.5.1.16].

Ngoài ra trong chiến lược phát triển, Nhà trường còn chú trọng đến công tác trẻ hóa đội ngũ cán bộ, cụ thể số cán bộ trẻ có trình độ được bổ nhiệm giữ các chức từ cấp khoa, phòng (Trưởng phó các phòng khoa...) tại các đơn vị ngày càng tăng và đúng theo quy hoạch mà Ban lãnh đạo Nhà trường đề ra, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý và sử dụng nhân sự.

2. Điểm mạnh:

Trong những năm gần đây, đội ngũ cán bộ của Nhà trường không ngừng tăng về số lượng và chất lượng. Nhiều cán bộ giảng viên, nhân viên được tiếp tục đào tạo sau đại học ở trong nước, cán bộ trẻ có trình độ ngoại ngữ tốt đã tăng đáng kể.

Nhà trường hỗ trợ 15.000.000/người khi học Tiến sĩ, 5.000.000/người khi học thạc sĩ. Bên cạnh đó Nhà trường còn tạo điều kiện về thời gian cho những cá nhân tham gia học tập nâng cao trình độ; từ đó khơi dậy lòng nhiệt tình, ý thức trách nhiệm, ý thức vươn lên trong học tập của CBGV, nhân viên trong Trường.

Có kế hoạch, chiến lược phát triển đội ngũ dài hạn đến năm 2020. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất cho CBGV, nhân viên cơ hữu nâng cao trình độ.

3. Tồn tại:

Trình độ chuyên môn của một số chuyên viên ở các phòng ban chưa đồng đều, chưa được đào tạo chính đúng chuyên ngành mình phụ trách. Còn một số cán bộ giảng viên, nhân viên chưa có ý thức tự học, tự bồi dưỡng để tiến kịp yêu cầu chưa thể hiện sự quan tâm đóng góp ý kiến thường xuyên cho những hoạt động chung của Trường cũng như đơn vị.

Một số cán bộ quản lý chưa được đào tạo qua các trường lớp chính quy, bài bản về công tác quản lý nên còn nhiều lúng túng, phải mất nhiều thời gian để học hỏi tích lũy kinh nghiệm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2015, xây dựng lại Quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại giảng viên, CBNV đáp ứng kịp thời nhu cầu xây dựng và phát triển Nhà trường theo chiến lược và kế hoạch hàng năm đã đề ra, đảm bảo có đủ đội ngũ giảng viên đạt chuẩn trình độ của Bộ giáo dục và đào tạo, tăng cường số giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, chú trọng bồi dưỡng cán bộ đầu đàn.

Từ năm 2015, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực và trình độ tin học, ngoại ngữ cho giảng viên và CBNV.

Từ năm 2016, lập kế hoạch công tác quy hoạch, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong Nhà trường.

1. Mô tả:

Trường Đại học Thái Bình Dương luôn tạo môi trường dân chủ, thân thiện cho người lao động, luôn chủ động phổ biến rộng rãi để CBGV, nhân viên nắm bắt những thông tin mới của Nhà trường như Quy chế Tổ chức và hoạt động [H5.5.2.1]; Tổ chức Lễ ra mắt, công bố các Quyết định công nhận Hội đồng Quản trị [H5.5.2.2], Hiệu trưởng [H5.5.2.3] của UBND tỉnh Khánh Hòa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo [H5.5.2.4].

Nhà trường đã tổ chức phổ biến rộng rãi “Quy chế dân chủ cơ sở” cho CBGV, nhân viên trong Nhà trường. Những vấn đề lớn của Nhà trường như thông báo lấy ý kiến cho dự thảo giáo dục ĐH [H5.5.2.5], Quy chế chi tiêu nội bộ [H5.5.2.7], Kế hoạch xây dựng phát triển Hệ thống giáo dục POU đến năm 2015 [H5.5.2.8], Góp ý Quy định về công tác biên soạn giáo trình, tài liệu học tập [H5.5.2.9], Quy chế lương,... đều được tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong toàn thể CBGV, nhân viên trước khi ban hành [H5.5.2.11] qua đó đã phát huy được quyền làm chủ trong Nhà trường và huy động được tiềm năng trí tuệ của toàn thể CBGV, nhân viên.

Hàng tháng, Nhà trường gửi tới các đơn vị kế hoạch trong tháng để mọi người nắm được lịch công tác. Sau mỗi cuộc họp giao ban, Nhà trường đều thông báo nội dung cuộc họp đến toàn thể CBGV, nhân viên [H5.5.2.13] [H5.5.2.29].

Để tạo môi trường dân chủ, Nhà trường phối hợp với Công đoàn tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm để CBGV, nhân viên đóng góp ý kiến cho các chủ trương, kế hoạch và các hoạt động của Nhà trường [H5.5.2.30] Mọi quan hệ giữa lãnh đạo và CBGV, nhân viên cởi mở, lãnh đạo Trường sẵn sàng lắng nghe những ý kiến đóng góp xây dựng của thành viên, nắm tâm tư nguyện vọng của CBGV, nhân viên để từ đó chỉ đạo điều chỉnh sát sao đối với những gì chưa phù hợp.

Thành lập Ban thanh tra nhân dân [H5.5.2.31] đến [H5.5.2.32], Ủy ban kiểm tra công đoàn theo đúng quy định của BGD & ĐT và Công đoàn viên chức Khánh Hòa. Từ đó công tác thanh tra của Nhà trường mang tính khách quan theo đúng quy định của ngành và pháp luật.

Ngoài ra Nhà trường có hộp thư góp ý để CBGV, nhân viên và HSSV có thể đóng góp ý kiến hoặc khiếu nại qua hộp thư góp ý hoặc qua thư điện tử của Hiệu trưởng. Trường đã giải quyết các khiếu nại, tố cáo kịp thời, không gây dư luận hoang mang trong CBGV, nhân viên; từ đó tạo bầu không khí tôn trọng, tin tưởng, dân chủ trong Nhà trường.

2. Điểm mạnh:

Quy chế dân chủ được triển khai tốt thực sự là công cụ để mỗi CBGV, nhân viên phát huy vai trò của mình trong việc xây dựng, ổn định và phát triển Nhà trường.

Mọi ý kiến của CBGV, nhân viên đều đến được với lãnh đạo thông qua đối thoại trực tiếp hoặc thư. Lãnh đạo Nhà trường luôn lắng nghe và tiếp thu những ý kiến đóng góp của CBGV, nhân viên để có những điều chỉnh hợp lý trong quá trình quản lý điều hành.

3. Tồn tại:

Còn khá nhiều CBGV, nhân viên chưa mạnh dạn, chưa phát huy ý thức dân chủ, phát triển ý kiến của cá nhân. Lý do một phần vì ngại phát biểu trước đám đông, một phần vì sợ đụng chạm đến quyền lợi của nhiều cá nhân khác và

của chính bản thân.

Chưa có các quy định cụ thể cho việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường, các đơn vị với CBGV, nhân viên, thực hiện 6 tháng một lần.

Dành thời gian nhiều hơn cho việc lấy ý kiến tại các cuộc họp, tổ công tác. Ngoài ra tạo điều kiện để nhiều cá nhân mạnh dạn nói lên ý kiến của mình qua hộp thư điện tử và hộp thư của Ban Thanh tra.

Năm 2015, ban hành quy trình và thời gian xử lý các khiếu nại, tố cáo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.3: Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả:

Nhà trường ngoài việc tạo điều kiện về mặt thời gian còn hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ CBGV, nhân viên được cử đi đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ [H5.5.3.1] đến [H5.5.3.5]. Công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ để phù hợp với hoạt động đào tạo của Nhà trường như thành lập các Khoa, Bộ môn, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo tại các phòng, khoa, bộ môn [H5.5.3.6] - [H5.5.3.32].

Trong những năm qua, Nhà trường đã có nhiều biện pháp khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho CBGV, nhân viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và bồi dưỡng nghiệp vụ ở trong nước [H5.5.3.33] - [H5.5.3.35].

Ngoài ra Nhà trường còn có những chính sách bồi dưỡng đội ngũ trẻ mới tuyển dụng thông qua Quy định tập sự giảng viên [H5.5.3.31], và có những chính sách nhằm mục đích phát triển đội ngũ, nâng cao về số lượng lẫn chất

lượng thông qua Quy định về chế độ giảng viên dài hạn [H5.5.3.1].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có chính sách khuyến khích và hỗ trợ tích cực về tài chính, tạo điều kiện cho đội ngũ CBGV, nhân viên tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước.

Những CBGV, nhân viên trẻ được khuyến khích và hỗ trợ tích cực về tài chính để nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ.

3. Tồn tại:

Vẫn còn một số CBGV, nhân viên không tham gia các hoạt động chuyên môn trong nước.

Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trở lên còn thấp.

4. Kế hoạch hành động:

Thực hiện việc đưa CBGV đi đào tạo ở trong và ngoài nước thông qua các tiêu chí một cách công minh và bình đẳng.

Khuyến khích các giảng viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ, tự tìm kiếm các học bổng từ các tổ chức, các trường đại học ở nước ngoài.

Ra quy định, đến năm 2017, nếu giảng viên không có bằng thạc sĩ thì không được đứng lớp để khuyến khích mọi người tích cực học tập nâng cao trình độ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.4: Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả:

Nhà trường đã thống kê chung về đội ngũ cán bộ quản lý theo các tiêu chí như: vị trí công tác hiện hành, tuổi đời, thâm niên công tác, học vị, chức danh, trình độ ngoại ngữ, tin học... [H5.5.4.1]. Qua thống kê cho thấy Trường đã đáp ứng đúng quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh quản lý theo đúng quy

định của Luật giáo dục và Điều lệ trường Đại học.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có cơ cấu khá hợp lý, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định. Toàn trường có 19 cán bộ quản lý từ Chủ nhiệm Bộ môn, Trưởng, Phó Khoa, Phòng Ban. Trong đó có 4 trình độ PGS, 3 trình độ Tiến sĩ, 9 trình độ Thạc sĩ [H5.5.4.1].

Hàng năm qua tổng kết đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý từ các cấp cho thấy đại đa số cán bộ quản lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đa số cán bộ quản lý của trường đều có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có năng lực chuyên môn và hoàn thành nhiệm vụ được giao [H5.5.4.2]. Vì vậy trong các năm qua nhiều tập thể, cá nhân trong trường đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, lao động tiên tiến.

Ngoài ra nhằm đánh giá và kiểm tra cụ thể việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, chuyên môn của cán bộ, từ đầu năm học các cán bộ quản lý đã đăng ký kế hoạch công tác năm [H5.5.4.3].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý lãnh đạo tâm huyết, làm việc có hiệu quả và cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

3. Tồn tại:

Trong thời gian qua, một số cán bộ quản lý chưa phát huy hết khả năng, năng suất và hiệu quả, do vậy chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4. Kế hoạch hành động:

Hàng năm chủ động rà soát công tác quy hoạch cán bộ nguồn để từ đó gửi đi đào tạo đạt học vị cao hơn theo quy định hoặc đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho cán bộ, nâng cao năng lực công tác và tạo nguồn để bổ nhiệm khi cần thiết.

Tiếp tục đánh giá về hiệu quả công tác của cán bộ quản lý và khen thưởng vào đợt cuối năm. Đồng thời có biện pháp xử lý đối với các cán bộ quản lý vi

phạm quy chế, làm việc không hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.5: Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

1. Mô tả:

Hiện nay, số lượng giảng viên của Trường còn thiếu so với nhu cầu mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo. Vì vậy để thực hiện tốt CTĐT, ngoài việc tuyển dụng thêm giảng viên, Nhà trường còn mời một số giảng viên ngoài trường về tham gia giảng dạy [H5.5.5.1].

Qua kết quả thống kê, phân loại giảng viên, đội ngũ giảng viên của Trường hiện nay có 97 người trong đó có 72 giảng viên cơ hữu (5 PGS; 11 TS; 17 ThS, 36 CN, 3 CB) và 25 giảng viên thỉnh giảng [H5.5.5.2].

Về giới tính đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường có tỷ lệ tương đối hài hòa nam đạt tỷ lệ 56, 9% (41/72) và nữ đạt tỷ lệ 43.1% (31/72) [H5.5.5.2].

Hiện nay đội ngũ giảng viên có trình độ trên đại học chiếm tỷ lệ 45,8%. Số lượng HSSV hiện có tại trường 363 em và 484 HSSV liên thông. Tỷ lệ người học/1 giảng viên như sau:

+ Nếu chỉ tính giảng viên cơ hữu của trường: đạt tỷ lệ $847/72 = 11.76\%$

+ Nếu tính giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đạt tỷ lệ: $847/97 = 8,73 \%$

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ CBGV trẻ luôn được bổ sung, đội ngũ CBGV có học hàm, học vị cao và lớn tuổi được sử dụng tốt.

Đội ngũ CBGV trẻ nhiệt huyết và năng động. Số lượng giảng viên thỉnh giảng có học hàm, học vị và có nhiều kinh nghiệm giảng dạy nên đảm bảo chất lượng giảng dạy.

3. Tồn tại:

Lực lượng cán bộ giảng viên đầu đàn ở một số bộ môn còn mỏng.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2015, tuyển dụng giảng viên, CBNV có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ bổ sung cho những ngành đào tạo còn thiếu cũng như những ngành có tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên cao; xây dựng chế độ khuyến khích giảng viên, đặc biệt là các giảng viên trẻ đi học cao học, nghiên cứu sinh ở nước ngoài hoặc các trường đại học đầu ngành trong nước.

Từ năm 2016, tăng cường tìm nguồn và có chính sách thỏa đáng nhằm tuyển dụng giảng viên có trình độ tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư, các chuyên gia, các cán bộ đầu ngành để bổ sung đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.6: Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Đội ngũ giảng viên của Trường đảm bảo trình độ chuyên môn theo quy định để thực hiện CTĐT [H5.5.6.1] [H5.5.6.2].

Đội ngũ giảng viên của Trường đảm bảo về cơ cấu và giảng dạy theo đúng chuyên môn yêu cầu của CTĐT [H5.5.6.3].

Trình độ tin học và ngoại ngữ của giảng viên đáp ứng được nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H5.5.6.1] [H5.5.6.2].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên của Trường đáp ứng yêu cầu về số lượng, trình độ, năng lực, nghiệp vụ và tin học ngoại ngữ để thực hiện nhiệm vụ đào tạo và

ngiên cứu khoa học. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên mới chỉ đạt khoảng 12/1; tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên đạt trên 70%.

3. Tồn tại:

Thiếu nhà giáo, nhà khoa học đầu ngành.

Cơ cấu chuyên môn của đội ngũ giảng viên chưa đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động:

Định kỳ hàng năm đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cũng như sàng lọc.

Có chính sách chế độ để chiêu hiền đãi sỹ đối với các nhà giáo, chuyên gia giỏi, nhà khoa học, nhà quản lý đầu ngành về công tác tại Trường để dẫn dắt và đào tạo đội ngũ giảng viên trẻ trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đồng thời làm tăng số lượng giảng viên cơ hữu của Trường. Công việc này được thực hiện từ năm 2015.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.7: Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả:

Từ đầu năm 2013 đến nay, Nhà trường đã ban hành nhiều chính sách về quản lý và phát triển nhân sự, đặc biệt là đội ngũ giảng viên.

+ Hỗ trợ kinh phí đào tạo, nâng cao trình độ cho giảng viên trẻ; khuyến khích học lấy bằng thạc sĩ và tiến sĩ. Số lượng giảng viên trẻ có trình độ thạc sĩ tăng nhanh [H5.5.7.5], [5.5.6.1]

+ Tổ chức hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà trường, qua đó bổ sung kinh nghiệm giảng dạy cho giảng viên trẻ (H5.5.7.3).

+ Việc tuyển dụng giảng viên mới đã được thực hiện có kế hoạch chi tiết và minh bạch. Tổ chức thi, phỏng vấn với các bước triển khai sát thực tế và hiệu

quả đã tạo ra sự đồng tình của người thi. Đội ngũ giảng viên mới tuyển dụng có bằng cấp và năng lực theo yêu cầu trong đào tạo (H5.5.7.7).

+ Lương và các khoản phụ cấp theo lương đang áp dụng tại Trường đã góp phần động viên đội ngũ giảng viên trẻ an tâm công tác và gắn bó với Nhà trường (H5.5.7.1)

2. Điểm mạnh:

Có đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ tuyển dụng từ những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi tại Trường và các trường đại học lớn, đầu đàn để tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng các em trở thành hạt nhân trong quá trình xây dựng Nhà trường lâu dài.

Nhà trường kết hợp tốt với các nhà tài trợ là doanh nghiệp để bổ sung những giảng viên đã trải qua kinh nghiệm ở các doanh nghiệp tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng thực hành cho học sinh, sinh viên.

3. Tồn tại:

Chưa có sự gắn kết giữa kinh nghiệm thực tế và giảng dạy lý thuyết áp dụng trong đào tạo nên nhiều giảng viên trẻ chưa thu hút sinh viên quan tâm đến môn học.

4. Kế hoạch hành động:

Tổ chức cho giảng viên trẻ tiếp xúc thực tế, giao lưu giữa các tổ bộ môn trong khoa của Nhà trường, với các nhà doanh nghiệp trẻ và giảng viên các trường đại học ở trong và ngoài nước để học tập phương pháp, kinh nghiệm giảng dạy, nâng cao trình độ và kỹ năng trong giảng dạy.

Thường xuyên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường, Đoàn và Hội sinh viên với sinh viên, học sinh; tổ chức lấy phiếu điều tra, khảo sát sinh viên, học sinh đánh giá góp ý cho giảng viên một cách cụ thể về chất lượng giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả và thái độ ứng xử, giúp nhà trường nắm được thực chất hoạt động giảng dạy của giảng viên. Trên cơ sở đó có các giải pháp chấn chỉnh những mặt hạn chế và các chính sách khuyến khích, phát huy điểm mạnh,

hướng vào mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường sự hài lòng của người học.

Từ năm 2015 thực hiện thay thế cán bộ quản lý cao tuổi ở các đơn vị bằng cán bộ trẻ, nhiệt tình, năng nổ và sức bật tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.8: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Từ đầu năm 2013 đến nay, cùng với việc xây dựng đội ngũ giảng viên, Nhà trường còn quan tâm đến việc phát triển đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên. Do đó, về cơ bản đã tuyển chọn đủ số lượng và có năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của 5 ngành đào tạo trong Trường [H5.5.8.2].

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, ngoài bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên cũng được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do các cơ quan chức năng của Nhà nước tổ chức. Do vậy, hầu hết kỹ thuật viên, nhân viên có chuyên môn, bằng cấp phù hợp với vị trí công tác đáp ứng nhu cầu trong công tác đào tạo [H5.5.8.2].

Đối với những ngành đào tạo có các học phần thực hành, thực tập đã bố trí đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên phục vụ có đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu về nội dung thực hành, thực tập, do đó chất lượng đào tạo được đảm bảo [H5.5.8.2].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên còn mỏng nhưng có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, được bố trí, phân công hợp lý, khai thác tốt năng lực chuyên môn từng cá nhân nên đã đáp ứng được yêu cầu trong đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường.

3. Tồn tại:

Công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên chưa có kế hoạch dài hạn; đội ngũ cán bộ hướng dẫn thực hành, thực tập ở một số ngành còn mỏng.

Do Trường mới thành lập, công tác nghiên cứu khoa học còn hạn chế, do vậy chưa có biên chế đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên cho phục vụ nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2015 tiếp tục tuyển mới để bổ sung đội ngũ nhân viên đủ năng lực chuyên môn, có khả năng kiêm nhiệm nhiều việc để đáp ứng yêu cầu và đảm bảo ổn định đội ngũ này.

Có chế độ lương, phụ cấp hợp lý để khuyến khích đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và yên tâm, gắn bó với nghề, với trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Ngay từ ngày thành lập, trường Đại học Thái Bình Dương đã xác định việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa quyết định sự tồn tại và phát triển của nhà trường

Hiện tại, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tương đối đầy đủ về số lượng và ngày càng được quan tâm trẻ hóa, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn đáp ứng tốt nhiệm vụ, vị trí đang đảm nhiệm.

Trong tiêu chuẩn 5, cả 8 tiêu chí đều đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 6: Người học

Mở đầu

Nhà trường luôn quan tâm đến các hoạt động liên quan đến người học, tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và đã đạt được những kết quả tốt. Nhà trường đã cung cấp kịp thời các văn bản Nhà nước, quy định, thông báo đến từng học sinh sinh viên giúp người học hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá,...Người học được đảm bảo các chế độ, chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước và được chăm sóc sức khỏe trong quá trình học tập. Được tạo điều kiện hoạt động, tham gia các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong trường học, được tạo điều kiện rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vào Đảng. Trường có nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp cho người học.

Tiêu chí 6.1: Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả:

Nhà trường đã công bố biểu thời gian năm học, kế hoạch đào tạo từng học kỳ cho tất cả các HSSV các hệ đào tạo [H6.6.1.1]; [H6.6.1.2]; [H6.6.1.3]. Điều này giúp người học chủ động trong bố trí kế hoạch sinh hoạt cá nhân với kế hoạch học tập.

Nhà trường đã ban hành các quy định về đào tạo: ĐH, CĐ, TCCN [H6.6.1.4]; [H6.6.1.5]; [H6.6.1.7]; Quyết định ban hành Quy định đánh giá quá trình và thi kết thúc học kỳ [H6.6.1.6] được chuyển đến người học thông qua sổ tay học sinh sinh viên/Tuần sinh hoạt công dân. Điều này giúp người học hiểu rõ về quy chế đào tạo, cách đánh giá kết quả học tập.

Đối với các khóa tuyển sinh năm 2009, 2010 Nhà trường cấp sổ tay học sinh sinh viên [H6.6.1.8] và phổ biến đến HSSV để thực hiện. Tuy nhiên các năm 2011, 2012, 2013 do tình hình tuyển sinh rất ít nên chưa triển khai in sổ tay

để cấp cho HSSV. Hiện nay PDT & CTSV đang biên soạn sổ tay HSSV để cung cấp cho người học từ khóa tuyển sinh năm 2014.

Thực hiện theo hướng dẫn của BGD & ĐT, từ năm 2009 đến nay Nhà trường đều duy trì tổ chức Tuần sinh hoạt công dân với các nội dung thiết thực, cung cấp cho người học: kế hoạch đào tạo học kỳ; hướng dẫn thực hiện nội quy trường học, phổ biến quy chế HSSV ... [H6.6.1.9].

Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, tin học đối với HSSV theo Quyết định số 08/QĐ-TBD ngày 25/02/2011 [H6.6.1.7] và được thay thế bằng quyết định số 101/QĐ-TBD ngày 18/03/2013.

+ So với mặt bằng chung và yêu cầu về công việc, đặc biệt đối với ngành QTKD chuyên ngành Du lịch thì chuẩn ngoại ngữ của Trường hiện nay còn thấp (yêu cầu trình độ B tiếng Anh), trong khi người học ngành QTKD chuyên ngành Du lịch khi đi thực tế, làm việc thường xuyên được tiếp xúc với khách du lịch nước ngoài.

- Quy định của Nhà trường về việc cung cấp các văn bản hướng dẫn cho người học về CTĐT và các quy định liên quan được ban hành vào các năm 2009, 2010 thông qua cuốn sổ tay HSSV, trong khi đó các năm 2011, 2012, 2013 chưa được ban hành.

- Các kết quả khảo sát hoặc phỏng vấn: người học, cán bộ đào tạo, cán bộ quản lý, giảng viên mới bắt đầu triển khai [H6.6.1.10] và hiện chưa có kết quả thống kê. Đây là việc làm cần thiết để Nhà trường lắng nghe những ý kiến đánh giá khách quan và đầy chân thành để có những giải pháp thay đổi, bổ sung kịp thời.

+ Trước năm 2014, đội ngũ CBGV cơ hữu của Trường còn ít, không có cán bộ chuyên trách phụ trách kiểm định chất lượng đào tạo nên chưa triển khai công tác này.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã cung cấp đầy đủ thông tin về thời khóa biểu và kế hoạch

đào tạo cho người học theo từng học kỳ, năm học. BGH, các Phòng, Khoa liên quan gặp gỡ và trao đổi cởi mở với sinh viên, giúp người học hiểu rõ về ngành nghề đã chọn vào các năm 2009, 2013.

3. Tồn tại:

- Trong các năm 2011, 2012 và trước tháng 04/2013: do tình hình tuyển sinh và tài chính không khả quan, thường xuyên thay đổi nhân sự ở cấp Phòng, Khoa do đó công tác gặp gỡ và đối thoại với người học không thực hiện.

- Việc khảo sát, đánh giá hoặc phỏng vấn: người học, cán bộ đào tạo, cán bộ quản lý, giảng viên là hết sức quan trọng nhưng từ tháng 04/2014 trở về trước đã không được quan tâm đúng mức. Lý do: không có cán bộ chuyên trách; Đội ngũ giảng viên cơ hữu ít, giảng viên mời giảng chiếm tỷ lệ cao.

4. Kế hoạch hành động:

- Cung cấp sổ tay HSSV (với đầy đủ các thông tin người học cần biết) cho người học ngay từ đầu khóa khi nhập học (từ khóa tuyển sinh 2014).

- Ngay từ khi bắt đầu nhập học: Tổ chức hướng dẫn người học thực hiện quy chế đào tạo và các quy định để người học hiểu và chủ động thiết kế kế hoạch học tập cho bản thân.

- Hàng kỳ, tổ chức lấy ý kiến người học về: giảng viên giảng dạy, công tác hỗ trợ người học (tài liệu, giáo trình, thư viện ...), công tác phục vụ (giảng đường, căn tin...).

- Năm 2015, ban hành Quy định của Nhà trường về việc cung cấp các văn bản hướng dẫn cho người học về CTĐT và các quy định liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.2: Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường.

1. Mô tả:

- Các quy định và tổ chức triển khai thực hiện chính sách xã hội cho người học: POU thuộc loại hình trường tư thực, do đó Nhà trường chỉ phổ biến, hướng dẫn và xác nhận người học đang học tập tại Trường để người học về địa phương hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành. Vì vậy:

+ Văn bản về chính sách xã hội liên quan đến người học được phổ biến vào đầu khoá, đầu năm học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân” [H6.6.2.1]; [H6.6.2.2];. Tuy nhiên, người học được hưởng chính sách xã hội tại địa phương nên danh sách người học hưởng chế độ chính sách xã hội không thống kê được.

+ Văn bản về chủ trương, quy định của Nhà trường để triển khai thực hiện các chính sách xã hội của các cấp chưa được ban hành (triển khai theo hướng dẫn của Thông tư của Bộ Lao động thương binh và Xã hội).

+ Nhân sự chịu trách nhiệm triển khai thực hiện chế độ, chính sách xã hội: chưa có cán bộ chuyên trách do Trường không thực hiện chế độ, chính sách xã hội. Trường (PĐT & CTSV) chịu trách nhiệm hướng dẫn và xác nhận người học đang là học sinh sinh viên để về địa phương hưởng chế độ, chính sách (nếu có).

- Tổ chức khám sức khỏe cho người học:

+ Các năm 2010, 2011 và 2012: Nhà trường không tổ chức khám sức khỏe tập trung cho người học mà người học tự đi khám sức khỏe và nộp kết quả lại cho Nhà trường để lưu hồ sơ theo quy định.

+ Các năm 2009, 2013: Nhà trường hợp đồng với Bệnh xá thuộc Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung (năm 2009) và Bệnh viện Phục hồi chức năng và Y học Cổ truyền (năm 2013) để tổ chức khám sức khỏe tập trung cho HSSV đầu khóa tại Trường [H6.6.2.3]. Hoạt động này thiết thực và có lợi cho người học, đặc biệt là người học ở tỉnh, huyện xa mới lần đầu tiên đến Khánh Hòa, giúp người học yên tâm về công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Tạo điều kiện học tập, rèn luyện văn nghệ, thể dục thể thao:

+ Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi nhất để người học yên tâm học tập

tại Trường: mời giảng viên có kinh nghiệm từ TP. HCM (bắt đầu từ học kỳ 2, năm học 2013-2014, - thể hiện ở thời khóa biểu học kỳ 2, năm học 2013-2014, lớp 11NH1D); đổi mới cách học, cách thi và cách đánh giá điểm (áp dụng thi vấn đáp bắt đầu từ khóa 5);

+ Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên duy trì việc tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao [H6.6.2.5] đến [H6.6.2.9]: Tổ chức hội thao, văn nghệ các năm 2010, 2011, 2012, 2013 chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, chào mừng ngày thành lập Trường 31/12; Tổ chức Hội trại 26/3 hàng năm; Tổ chức cho người học tham gia chiến dịch sinh viên tình nguyện hè tại các xã miền núi, hoạt động tiếp sức mùa thi, tiếp sức đến trường.

- Đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường cho người học:

+ Nhà trường đã ra Quyết định thành lập Tổ công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học [H6.6.2.11]; Hợp đồng với công ty vệ sĩ Hùng Vương từ năm 2009 đến nay [H6.6.2.12]. Khuôn viên trường hiện tại đang thuê của Trường Trung cấp kỹ thuật Miền Trung – Bộ Quốc phòng, do đó trong khuôn viên của Nhà trường luôn được đảm bảo an ninh trật tự, không có vi phạm đáng tiếc nào xảy ra (đánh nhau gây thương tích, trộm cắp tài sản ...) [H6.6.2.16].

- Tổng hợp kết quả thực hiện công tác đảm bảo chế độ chính sách xã hội: người học được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường:

+ Chưa thực hiện lấy phiếu khảo sát ý kiến, báo cáo tổng hợp ý kiến hoặc các đánh giá của người học về các hoạt động trên do đó không có kết quả khảo sát hoặc các ý kiến đánh giá của người học về các hoạt động/công tác trên.

+ Trường thuộc loại hình tư thục nên việc thực hiện chế độ chính sách xã hội cho người học chỉ dừng lại ở công tác hướng dẫn và xác nhận thông tin người học để về địa phương hưởng chế độ theo quy định. Do đó chưa có báo cáo sơ kết/tổng kết về các hoạt động thực hiện chính sách xã hội và các khuyến nghị cải tiến các hoạt động này.

+ Hiện nay, Trường có 01 phòng thực hành máy tính; 02 phòng thực hành Điều dưỡng. Khoa Điều dưỡng (nay là Khoa Y Dược và Điều dưỡng) đã ban hành nội quy Phòng thực hành [H6.6.2.15]; Khoa Khoa học và Công nghệ chưa ban hành nội quy phòng máy tính. Do đó trong thời gian tới cần bổ sung để người học tuân thủ nghiêm chỉnh nội quy khi tham gia học thí nghiệm/thực hành.

+ Từ năm 2009 đến 2012 Trường có thuê địa điểm để làm KTX sinh viên, có ban hành nội quy KTX (chưa tìm thấy minh chứng). Đến thời điểm hiện tại, Nhà trường không có KTX cho sinh viên.

+ Do số lượng sinh viên hiện tại ít nên chưa có điều kiện để người học thực hiện đầy đủ theo quy chế tín chỉ để thực hiện kế hoạch công tác người học theo năm học như: người học chọn lớp học phân, chọn giảng viên...

+ Tuy số lượng người học hiện nay tại POU ít, nhưng tổ chức Đoàn - Hội vẫn cố gắng tổ chức các hoạt động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao để người học tham gia và đều được thống kê, minh chứng rõ ràng, các quyết định khen thưởng hàng năm đều được thống kê đầy đủ. [H6.6.2.14].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên Nhà trường. Tuy nhiên để duy trì được trật tự và an toàn, Nhà trường cần ban hành văn bản quy định chi tiết nội quy trường học để CBGV và người học tuân thủ, đồng thời tổ chức tập huấn, tuyên truyền để cùng nhau thực hiện quy định.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cần tổ chức đa dạng, phong phú, thường xuyên hơn nữa để tạo sân chơi, nơi giao lưu lành mạnh cho người học.

Việc tổ chức khám sức khỏe tập trung cho người học cần được duy trì hàng năm.

3. Tồn tại:

Công tác báo cáo, thống kê về thực hiện chế độ, chính sách xã hội chưa

thực hiện đầy đủ. Lý do: Trường thuộc loại hình tư thục, không được Nhà nước hoàn trả kinh phí cho đối tượng này, do đó Nhà trường chỉ hướng dẫn và xác nhận để người học về địa phương hưởng chế độ (nếu có).

Chưa có đủ điều kiện cơ sở vật chất để đáp ứng được yêu cầu hoạt động của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục phát huy những thế mạnh và duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đã có. Tổ chức các hoạt động mang tính hỗ trợ trong công tác học tập: đẩy mạnh các CLB học thuật, nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

Cần tổ chức lấy ý kiến người học về việc tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao để các hoạt động này phù hợp với nhu cầu của người học.

Công tác thống kê, báo cáo và lưu trữ cần được quan tâm đúng mức (xây dựng quy trình công tác lưu trữ hồ sơ sinh viên tiến hành năm học 2015-2016).

Nghiên cứu và đề xuất với các cấp chính quyền về việc giải quyết chế độ chính sách xã hội cho người học như đối với trường công lập.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.3: Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả:

Đầu mỗi khóa đào tạo, Nhà trường phổ biến và quán triệt đầy đủ Quy chế HSSV các trường đại học, cao đẳng và TCCN hệ chính quy đến người học [H6.6.3.1].

Phổ biến văn bản về quy chế rèn luyện đến người học ngay từ khi nhập học [H6.6.3.2].

Thư viện Nhà Trường có các loại báo chí, tài liệu phục vụ nhu cầu về thông tin của người học [H6.6.3.3]

Hàng năm Nhà Trường sơ kết, tổng kết về công tác chính trị, HSSV [H6.6.3.4].

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn tỉnh và toàn quốc Đoàn TNCS HCM, nhiệm kỳ 2012 – 2017 đã được Đoàn trường phổ biến và quán triệt đến HSSV [H6.6.3.6].

Tổ chức cho cán bộ Đoàn, đoàn viên, thanh niên tham gia góp ý về Dự thảo sửa đổi hiến pháp năm 1992 [H6.6.3.7].

Tổ chức cho cán bộ Đoàn, đoàn viên, thanh niên tham gia thi viết về Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ X [H6.6.3.8].

- Do có thành tích trong học tập và rèn luyện, sinh viên của Trường đã vinh dự nhận giải thưởng “Sao tháng giêng” do Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam trao tặng vào các năm học 2012 - 2013, 2013 – 2014 [H6.6.3.11]

2. Điểm mạnh:

Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng và sự tổ chức của các đoàn thể quần chúng, HSSV nhà trường luôn hăng hái tham gia có hiệu quả trong công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống, góp phần xây dựng Trường phát triển.

3. Tồn tại:

Chưa có giải pháp khuyến khích HSSV tự tìm hiểu, học tập về chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống.

Chưa lồng ghép công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học với các hoạt động đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Tổ chức nhiều cuộc thi với chủ đề liên quan đến rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống để người học.

Phân công một Phó Hiệu trưởng, kết hợp với Chi bộ Đảng, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên Trường chăm lo về giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức

và lối sống cho HSSV.

Đổi mới phương thức vận động quần chúng, tìm tòi phương pháp tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng thiết thực, hiệu quả, tránh phô trương, hình thức để học sinh, sinh viên có nhận thức đúng và kịp thời về tình hình đất nước, trách nhiệm công dân...

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.4: Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả:

Hàng năm, Trường đã ban hành Nghị quyết lãnh đạo công tác năm [H6.6.4.1] với sự phối hợp chặt chẽ giữa Chính quyền với các tổ chức đoàn thể, kế hoạch được thực hiện nghiêm túc, cuối năm có kiểm điểm.

Đã ban hành đầy đủ các văn bản mô tả chức năng, nhiệm vụ của tổ chức chuyên trách về Đoàn thanh niên, Hội sinh viên [H6.6.4.2], [H6.6.4.3].

Đã xây dựng kế hoạch hoạt động, kinh phí cho các tổ chức [H6.6.4.4], [H6.6.4.5], [H6.6.4.6].

Sự phối hợp giữa Chi bộ Trường và chính quyền chỉ đạo các hoạt động của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên trong Trường rất chặt chẽ, đưa các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng đạt hiệu quả [H6.6.4.7].

Qua giáo dục chung, sinh viên đã có lối sống lành mạnh, không có trường hợp nào vi phạm đạo đức [H6.6.4.8].

Công tác Đảng, đoàn thể trong Trường chú trọng phát hiện và bồi dưỡng nhiều người học có thành tích học tập, rèn luyện tốt để kết nạp vào Đảng. Trong những năm qua, Chi bộ đã kết nạp được 5 sinh viên vào Đảng.

2. Điểm mạnh:

Công tác Đảng trong HSSV phát triển mạnh, có chiều sâu

3. Tồn tại:

Chưa thu hút được nhiều CBGV cùng tham gia. CBGV chưa quan tâm đúng mức trong việc phát triển đảng đối với người học.

4. Kế hoạch hành động:

Cần cải tiến những hoạt động để làm thay đổi tích cực nhận thức lớp trẻ, những hình thức hoạt động phù hợp với sinh viên.

Tăng cường cán bộ trẻ có năng lực và nhiệt tình cho công tác Đoàn, đồng thời giao cho Đoàn chủ trì những hoạt động trong phong trào sinh viên.

Tháng 4 năm 2015, giao cho Đoàn thanh niên, chủ trì Hội nghị học tốt để nâng cao vai trò và tạo điều kiện cho hoạt động Đoàn có chiều sâu và tiếng vang trong sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.5: Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả:

- Nhà trường đã thực hiện các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học:

+ Đã thành lập các câu lạc bộ (CLB): CLB Hành trình xanh, CLB tài năng sinh viên, CLB hỗ trợ học tập POU do Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên tổ chức [H6.6.5.1]. Trong đó CLB Hành trình xanh đã tổ chức được các hoạt động thiết thực tại huyện Diên Khánh, giúp người học sống có trách nhiệm hơn đối với xã hội.

+ Nhà trường đã hoàn thiện sân cầu lông (năm 2013), sân bóng chuyền (năm 2014) để phục vụ các hoạt động giảng dạy và vui chơi thể dục thể thao trong khuôn viên của trường cho người học [H6.6.5.2]. Qua đó tạo điều kiện cho môn học Giáo dục thể chất được thực hiện đúng kế hoạch. Tổ chức Đoàn – Hội triển khai được các hội thao truyền thống mà không phải thuê cơ sở vật chất bên

ngoài Trường.

+ Chính quyền phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên có hoạt động hỗ trợ tìm kiếm nơi ở cho người học từ năm 2009 đến nay [H6.6.5.3]. Nhờ đó đã giới thiệu cho người học chỗ trọ giá rẻ, đảm bảo an ninh, giúp người học và gia đình yên tâm hơn.

+ Cơ sở vật chất của Nhà trường thuê của Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung. Từ năm 2009 đến năm 2012, Nhà trường có thuê KTX để người học ở tập trung. Từ năm 2013, do số lượng người học giảm mạnh, nhu cầu ở KTX không cao nên Nhà trường đã trả lại khu KTX cho Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung. Hiện tại Trường chưa đầu tư các dịch vụ cho người học thuê mượn các dụng cụ sinh hoạt với chi phí phù hợp điều kiện kinh tế của người học [H6.6.5.4]. Tuy nhiên, Phòng Tổ chức – Hành chính đã tạo điều kiện để người học mượn sân, lưới và dụng cụ tập luyện cầu lông, bóng chuyền để người học vui chơi, giải trí vào các ngày trong tuần.

+ Nhà trường đã có Quyết định thành lập bộ phận Dịch vụ - Căn tin trực thuộc phòng Kế hoạch tổng hợp, nay là Phòng Tổ chức – Hành chính [H6.6.5.5]: từ năm 2009 đến năm 2012 Nhà trường cho đấu thầu dịch vụ Căn tin để phục vụ CBGV, công nhân viên và người học. Từ năm 2013 đến nay, phía đối tác không tiếp tục tham gia nên Phòng Tổ chức - Hành chính đã cử nhân viên trực tiếp đảm nhận công tác này nhằm phục vụ cho CBGV, công nhân viên và người học có nhu cầu. Trong điều kiện Trường ở xa khu dân cư thì việc phân công này giúp cho người học và CBGV, công nhân viên có thêm địa điểm giải lao sau những giờ học tập, làm việc.

+ Khoa Kinh tế (nay là Khoa Kinh tế - Du lịch) đã tổ chức buổi nói chuyện ngoại khóa ngành TCNH với chủ đề: Chia sẻ và trao đổi kỹ năng làm việc thực tế cho sinh viên TCNH [H6.6.5.6]; Chương trình sinh hoạt ngoại khóa với chủ đề: Hoạt động ngân hàng và cơ hội nghề nghiệp đối với sinh viên ngành TCNH [H6.6.5.7]; Tổ chức buổi ngoại khóa ngành QTKD (năm 2012).

+ Khoa Khoa học và Công nghệ tổ chức hội thảo khoa học: Định hướng

đào tạo cử nhân CNTT hiện đại; Tổ chức buổi ngoại khóa để hướng dẫn cho sinh viên trong việc chọn máy tính phù hợp nhu cầu sử dụng và khả năng tài chính gia đình [H6.6.5.8].

+ Khoa Điều dưỡng (nay là khoa Y Dược và Điều dưỡng) tổ chức kỷ niệm Ngày Điều dưỡng thế giới (12/5) hàng năm và sinh hoạt ngoại khóa đã giúp người học hiểu rõ hơn về ngành nghề đang theo học và cũng như trách nhiệm đối với bệnh nhân với vai trò là Điều dưỡng viên trong tương lai [H6.6.5.9].

+ Kỹ năng nghe, nói tiếng Anh hiện nay còn hạn chế đối với người học, do đó Khoa Ngôn ngữ và Xã hội học đã tổ chức ngoại khóa với cuộc thi “Rung chuông vàng” [H6.6.5.10] để giúp người học mạnh dạn, tự tin khi sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp.

+ Nhà trường phối hợp với Trung tâm đào tạo ACB tổ chức các lớp kỹ năng mềm cho sinh viên đại học, cao đẳng tốt nghiệp đợt tháng 07/2013 [H6.6.5.11]. Hoạt động này giúp người học nâng cao phương pháp làm việc nhóm, tự tin trong thuyết trình, hoàn thiện kỹ năng trả lời phỏng vấn khi đi xin việc làm.

+ Trong từng học kỳ, người học đều được đánh giá điểm rèn luyện để đánh giá quá trình phấn đấu, rèn luyện trong cả học kỳ, giúp người học có động cơ phấn đấu trong học tập, rèn luyện được ghi nhận trước tập thể lớp, kết quả rèn luyện được ghi vào bảng điểm học tập [H6.6.5.12].

- So với các quy định chung và so với các năm trước, BGH và các đơn vị trong Trường đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong việc tổ chức các hoạt động phù hợp với nhu cầu của người học, giúp người học có niềm tin vào quan tâm của Nhà trường với người học, tin tưởng vào sự phát triển của Nhà trường.

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động ngoại khóa đã được Nhà trường, các khoa rất quan tâm và đã tổ chức cho người học. Hoạt động này cần được duy trì thông qua các buổi

nói chuyện với chuyên gia, giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.

Các CLB đã được thành lập, tuy nhiên để các hoạt động có chất lượng và đi vào chiều sâu thì cần có những người tâm huyết và cống hiến, đặc biệt là đội ngũ giảng viên trẻ.

3. Tồn tại:

Đến thời điểm hiện tại, đa số các ngành đang đào tạo tại Trường đều tổ chức các buổi ngoại khóa cho người học. Tuy nhiên, việc tổ chức các hoạt động này cần thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ và được công bố đầu năm cho người học.

Chưa triển khai được các buổi đi thực tế doanh nghiệp cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Yêu cầu mỗi Khoa có kế hoạch cụ thể cho công tác tổ chức sinh hoạt ngoại khóa, mỗi học kỳ tổ chức ít nhất 01 lần/ngành đào tạo.

Tổ chức cho sinh viên đi thực tế doanh nghiệp có ngành nghề tương ứng ngay từ năm đầu tiên vào Trường.

Tiếp tục phối hợp với Trung tâm đào tạo ACB tổ chức các lớp kỹ năng mềm cho sinh viên trong những năm tiếp theo.

Khi triển khai dự án xây dựng Trường, sẽ quan tâm nhiều đến cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.6: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả:

Nhà trường luôn quan tâm đến giáo dục phẩm chất đạo đức của sinh viên song song với kiến thức chuyên môn nhằm đào tạo được những sinh viên toàn diện, đáp ứng yêu cầu của xã hội; được thể hiện qua những nội dung sau:

Ngay trong chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo đã thể hiện được yêu cầu về phẩm chất đạo đức đối với sinh viên tốt nghiệp của Trường [H6.6.6.3]

Trường đã biên soạn và hoàn thiện các văn bản, quy định về việc thực hiện tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho người học để áp dụng trong quá trình đào tạo nhằm đạt yêu cầu [H6.6.6.2].

- Hàng năm đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho người học như: luật giao thông, phòng chống ma túy, các đợt thi tìm hiểu về Đảng, Đoàn... do Tỉnh Đoàn phát động [H6.6.6.2].

Để tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với thông tin, Trường đã phủ sóng wifi trong toàn khuôn viên của Trường [wifi đang hoạt động].

Phong trào Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong những năm 2009 đến 2011 rất sôi nổi, thu hút sinh viên vào những hoạt động hữu ích theo hướng dẫn của Trường. Đoàn và Hội đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc, được nhiều phần thưởng trong các hoạt động của Tỉnh Đoàn [H6.6.6.4], [H6.6.6.5], [H6.6.6.6], [H6.6.6.7]. [H6.6.6.8].

Trường có nhiều biện pháp cụ thể để ngăn ngừa sinh viên vi phạm các quy định cũng như pháp luật của Nhà nước [H6.6.6.9].

Hàng năm tiến hành đánh giá quá trình rèn luyện của mỗi sinh viên tại lớp học cuối mỗi học kỳ [H6.6.6.8].

2. Điểm mạnh:

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng luôn được coi trọng và có sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ Đảng nên đã đi đúng hướng và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Lực lượng lãnh đạo phong trào thanh niên, sinh viên là những giảng viên

trẻ, nhiệt huyết và có kinh nghiệm công tác thanh niên ở các trường đại học lớn về Trường đã tạo nên một không khí sôi nổi của tuổi trẻ.

Nhà trường luôn chú ý đến công tác này và mạnh dạn đầu tư sức người cũng như kinh phí để đẩy mạnh mọi hoạt động trong lĩnh vực này.

Số sinh viên vi phạm kỷ luật rất ít, hầu hết các em chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước và nội quy của Trường.

3. Tồn tại:

Gần đây, phong trào thanh niên, sinh viên có trầm xuống. Nguyên nhân là do số sinh viên quá ít, nên không khí kém sôi nổi.

Diễn đàn để sinh viên trao đổi, để phát huy tính tích cực của tuổi trẻ còn thiếu nên chưa thu hút được sinh viên vào những hoạt động chung.

Những hoạt động gắn với việc học chuyên môn của sinh viên chưa nhiều và hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

Tiến hành ngay việc rà soát lại những văn bản quy định về giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức cho sinh viên đã ban hành để bổ sung cho phù hợp.

Năm 2015, tổ chức diễn đàn cho sinh viên để họ có cơ hội phát biểu ý kiến của mình và học tập lẫn nhau.

Đầu tư thêm những giảng viên trẻ nhiệt tình và có kinh nghiệm làm công tác giáo dục thanh niên, đồng thời có chế độ đãi ngộ tương xứng với đóng góp của họ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.7: Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả:

Năm 2011 Nhà trường đã thành lập viện Đào tạo và hợp tác quốc tế [H6.6.7.2] nhằm đẩy mạnh quan hệ với doanh nghiệp, kết nối sinh viên với

doanh nghiệp, nhưng vì một số lý do nên thực tế vẫn chưa có hoạt động thực tiễn nào.

Năm 2011 Nhà trường cũng đã thành lập Trung tâm hỗ trợ sinh viên [H6.6.7.1] với mục đích hỗ trợ HSSV trong học tập cũng như trong định hướng nghề nghiệp, việc làm thêm cũng như công việc sau khi tốt nghiệp. Nhưng Trung tâm cũng chỉ mới hoạt động giới hạn ở việc tham gia các chương trình hỗ trợ thí sinh dự thi tuyển sinh, hỗ trợ sinh viên mới về chỗ ở, đồng phục thể dục, ... Do hoạt động trì trệ nên năm 2013 Nhà trường đã giải tán Trung tâm này. Điều này rất đáng tiếc vì đây là một kênh rất quan trọng để duy trì sự kết nối giữa Nhà trường với sinh viên cũng như thông qua Trung tâm để kết nối sinh viên với xã hội, tạo việc làm thêm cho sinh viên cũng như tạo điều kiện cho sinh viên định hướng đúng đắn về ngành nghề mình đã chọn.

Đối với các khóa tốt nghiệp năm 2012 – 2013, Nhà trường đã tổ chức thêm buổi học trang bị kỹ năng mềm nhằm giúp sinh viên cảm thấy tự tin hơn vào bản thân và sẵn sàng bước vào môi trường làm việc chuyên nghiệp. [H6.6.7.3]

Trường đã liên kết với 6 doanh nghiệp để cùng hợp tác đào tạo và sử dụng sinh viên tốt nghiệp

Hiện nay chỉ riêng ngành QTKD du lịch mới có những chuyến đi thực tế về ngành nghề, điều này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về công việc mình sẽ theo đuổi sau này.

2. Điểm mạnh:

Trường đã liên kết được với các doanh nghiệp trong đào tạo

Đẩy mạnh hoạt động ngoại khóa nghề nghiệp cho sinh viên.

3. Tồn tại:

Hiện tại đây vẫn là một vấn đề cần phải giải quyết vì sinh viên vẫn phải tự mình định hướng, mơ hồ về ngành nghề mình đã chọn.

Trong các năm 2011, 2012, 2013: Tình hình tài chính và nhân sự của

Trường có nhiều khó khăn nên không tập trung chú trọng đến việc hỗ trợ định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Tổ chức định kỳ những buổi chuyên đề về từng ngành nghề cho sinh viên các khoa.

Tạo điều kiện cho sinh viên được thực tập thực tế tại các doanh nghiệp ngay từ những năm đầu.

Hàng năm, tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho sinh viên các lớp sắp tốt nghiệp.

Năm 2015, khởi động lại Trung tâm hỗ trợ sinh viên và đề ra kế hoạch hoạt động cụ thể theo từng đề mục công việc trong từng khoảng thời gian nhất định.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 6.8: Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả:

Năm 2010 Nhà trường đã ký biên bản kết nghĩa với các trường THPT và các doanh nghiệp trong tỉnh Khánh Hòa [H6.6.8.4], nhưng chưa triển khai hoạt động nào mang tính thiết thực.

Năm 2013 Nhà trường đã ký kết hợp tác với các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ sinh viên trong quá trình học cũng như sau khi tốt nghiệp có thể tiếp cận với công việc tốt nhất [H6.6.8.3].

Chủ trương tập hợp lấy thông tin của những sinh viên đã tốt nghiệp để thống kê về tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp. Hiện tại đã bắt đầu quá trình thu thập thông tin của những sinh viên tốt nghiệp năm 2013.

Hiện nay đa phần sinh viên tốt nghiệp vẫn phải tự tìm việc làm mà chưa

có hỗ trợ từ Nhà trường cũng như doanh nghiệp. Chưa thống kê được tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

2. Điểm mạnh:

Hiện nay số lượng sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường vẫn chưa nhiều nên còn tương đối dễ dàng trong việc nắm bắt thông tin chính xác.

Đã có văn bản ký kết với các doanh nghiệp, cần phải đẩy mạnh hoạt động và mở rộng liên kết nhằm tạo điều kiện hướng nghiệp cho sinh viên thông qua các quan hệ với doanh nghiệp.

Năm 2010, 2012 khoa Kinh tế - Du lịch đã tổ chức hội thảo và ngoại khóa cho sinh viên ngành Tài chính ngân hàng về kỹ năng làm việc cũng như cơ hội nghề nghiệp. Điều này rất cần thiết cho sinh viên nên cần phát huy cho tất cả các khoa.

3. Tồn tại:

Trong các năm qua chưa có bộ phận chuyên trách về vấn đề này, cũng như chưa được quan tâm đúng mức nên chưa có hoạt động thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động:

Hàng năm, tổ chức gặp gỡ giữa các doanh nghiệp liên kết với HSSV của Trường để HSSV nắm bắt được nhu cầu về tuyển dụng nhân sự của doanh nghiệp.

Hàng năm, tổ chức nói chuyện chuyên đề về “Kỹ năng tìm việc làm” cho HSSV.

Hàng năm, tổ chức chương trình “Khởi nghiệp” cho HSSV và hỗ trợ kinh phí khởi nghiệp cho những HSSV có đề án khả thi.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 6.9: Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

- Hiện nay đã hoàn chỉnh tài liệu hướng dẫn về việc lấy ý kiến sinh viên nhận xét về công tác giảng dạy của giảng viên và tiến hành được 2 lần trong 2 học kỳ, kết quả đã được thông báo đến cán bộ giảng dạy được nhận xét và Trường khoa để rút kinh nghiệm [H6.6.9.1], [H6.6.9.2], [H6.6.9.3].

- Năm học 2014-2015 Trường đã tổ chức lấy ý kiến của người học về chất lượng đào tạo của khóa học [H6.6.9.4]. Kết quả đã được Giám hiệu và các đơn vị chức năng nghiên cứu, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo của mình.

2. Điểm mạnh:

Hiện nay Trường đã chú ý đến vấn đề này và đang tích cực xây dựng các văn bản hướng dẫn và triển khai thường xuyên.

3. Tồn tại:

Chưa tổ chức lấy ý kiến của cựu sinh viên đánh giá chất lượng đào tạo của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Hàng kỳ, tiến hành việc lấy ý kiến người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên, chất lượng đào tạo của Trường... Cần rút kinh nghiệm việc lấy ý kiến của sinh viên đối với chất lượng giảng dạy của giảng viên để hoàn thiện các tiêu chí và nâng cao hiệu quả của việc này.

Năm 2015, tổ chức lấy ý kiến đánh giá của cựu sinh viên với chất lượng đào tạo của Trường:

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về tiêu chuẩn 6

Trường Đại học Thái Bình Dương đã có những biện pháp cụ thể giúp học sinh sinh viên hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Nhà trường luôn đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và

thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ học sinh sinh viên về chăm sóc sức khỏe, đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao,... Sinh viên trường năng động, tích cực tham gia và đã đạt nhiều thành tích trong các hoạt động đoàn thể cấp trường, cấp quốc gia.

Chi bộ đảng, Ban giám hiệu luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện cho công tác Đoàn, Hội và phong trào sinh viên, đặc biệt công tác phát triển Đảng trong sinh viên luôn được Chi bộ đảng trường quan tâm chú trọng, số lượng sinh viên được kết nạp Đảng kể từ khi Trường thành lập đến nay gần 20 đồng chí, có tỷ lệ khá cao so với các trường tư thục khác trên địa bàn.

Trong thời gian học tập và sinh hoạt tại trường, sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước. Đa phần các sinh viên đã có ý thức tốt trong học tập và sinh hoạt, trong rèn luyện đạo đức.

Nhà trường chủ trương kịp trương kịp thời và hiệu quả trong việc tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên, hỗ trợ rất nhiều khóa học về kỹ năng mềm ngắn hạn nhằm tạo sự tự tin, năng động trong học sinh sinh viên.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt mạnh vẫn còn một số tồn tại nhất định: Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao còn gặp nhiều hạn chế, chưa tổ chức nhiều các cuộc thi mang tính tìm hiểu về chính trị, tư tưởng trong sinh viên, các chế độ ưu đãi, khuyến khích cho sinh viên từ nhà nước và địa phương vẫn còn nhiều hạn chế hơn so với các trường công lập, công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên vẫn chưa thực sự được đẩy mạnh,... Chính vì vậy, định hướng từ năm 2015 trở đi, nhà trường thường xuyên xây dựng những kế hoạch ngắn hạn, tác động trực tiếp và đem lại hiệu quả tức thời, góp phần nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên

Trong tiêu chuẩn 6, có 7 tiêu chí đạt yêu cầu và 2 tiêu chí chưa đạt yêu cầu

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Mở đầu

Kể từ khi thành lập cho đến nay, các hoạt động nghiên cứu khoa học – công nghệ của trường Đại học Thái Bình Dương vẫn đang được quan tâm triển khai thực hiện. Nhà trường nhận thấy rằng hoạt động nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao uy tín của đội ngũ cán bộ, giảng viên cũng như khẳng định được vai trò, vị thế của trường Đại học Thái Bình Dương trong khu vực cũng như trong nước

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả:

Trong những năm đầu vừa thành lập, nhà trường tập trung công tác đào tạo, nâng cao chất lượng để đảm bảo sinh viên ra trường đáp ứng yêu cầu xã hội, hoạt động khoa học và công nghệ chưa có điều kiện quan tâm và đầu tư đúng mức. Các văn bản quy định nhà nước có liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ nhà trường đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ [H7.7.1.1], [H7.7.1.2]. Đã thành lập phòng Khoa học và Hợp tác đối ngoại; Hội đồng khoa học, ban hành quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của phòng và phân công chuyên viên phụ trách về công tác liên quan đến nghiên cứu khoa học và công nghệ [H7.7.1.3], [H7.7.1.4].

Hàng năm phòng Khoa học đã trình Ban giám hiệu về kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, nhưng việc triển khai thực hiện chưa được hiệu quả [H7.7.1.9].

Việc bồi dưỡng và tập huấn để nâng cao năng lực lập kế hoạch khoa học công nghệ và năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên trong trường là rất cần thiết. Nhà trường đã tổ chức những buổi Hội nghị, Hội thảo để đẩy mạnh hoạt động này. Tuy nhiên, các Hội thảo Hội nghị chỉ đưa ra các giải pháp

mang tính định hướng chưa đi sâu vào các hoạt động cụ thể nên chưa mang lại hiệu quả. Trong thời gian tới Nhà trường cần triển khai có chiều sâu và chất lượng hơn [H7.7.1.5], [H7.7.1.6], [H7.7.1.7], [H7.7.1.8].

2. Điểm mạnh:

Hội đồng quản trị và Ban giám hiệu rất quan tâm đến hoạt động khoa học và công nghệ, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo bằng sự gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động nghiên cứu khoa học và giảng dạy của giảng viên và xem đây là hai nhiệm vụ song hành cần phải thực hiện. Nhà trường và mỗi giảng viên đã có sự nhìn nhận và đánh giá đúng ý nghĩa và sự cần thiết của hoạt động NCKH để cùng nhau triển khai thực hiện có hiệu quả đáp ứng được nhu cầu đào tạo trong thời kỳ hội nhập.

Đã thành lập phòng Khoa học và Hợp tác đối ngoại, phân công chuyên viên phụ trách mảng khoa học và công nghệ để thực hiện công việc.

Đã xây dựng kế hoạch NCKH và công nghệ trong chiến lược phát triển của nhà trường đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

Đang rà soát và bổ sung hoàn thiện các văn bản, quy định về hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tồn tại:

Bộ và các Ban ngành chưa quan tâm và hỗ trợ nhiều đến hoạt động khoa học và công nghệ của các trường tư thục vì thế việc tiếp cận với các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ còn hạn chế.

Trường mới thành lập nhà trường đang tập trung để hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo còn công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ chưa được quan tâm đúng mức, cần sớm đẩy mạnh trong thời gian tới.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2015, xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường giai đoạn 2016 – 2020.

Năm 2015, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản: Quy định, Quy trình về hoạt động khoa học và công nghệ, quy trình đăng ký, tuyển chọn, thẩm định, phê duyệt đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường của Trường Đại học Thái Bình Dương.

Năm 2016 - 2017, ưu tiên tuyển chọn các đề tài nghiên cứu khoa học – công nghệ có nội dung nghiên cứu gắn liền với hoạt động đào tạo và đổi mới phương pháp dạy và học của Nhà trường.

Năm 2016, xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có sự kết nối giữa nhà trường với doanh nghiệp và các hoạt động xã hội tại Khánh Hòa và khu vực Nam Trung Bộ. Tăng cường kết nối, hợp tác để tham gia tuyển chọn, đấu thầu các đề tài NCKH cấp tỉnh, cấp Bộ.

Từ năm 2016 tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ NCKH đầu đàn, hình thành các nhóm nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả:

Là trường tư thục và chưa được sự hỗ trợ của các nhà nước về việc tiếp cận và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Do vậy, trong thời gian qua nhà trường chủ yếu thực hiện các đề tài khoa học cấp trường chưa có nhiều đề tài cấp cao hơn [H7.7.2.1], [H7.7.2.2]. Các đề tài cấp trường với mục đích phục vụ cho hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Các văn bản quy định về thực hiện các đề tài nhà trường đã cập nhật và phổ biến hướng dẫn đầy đủ và phù hợp với các quy định của nhà nước [H7.7.2.3], [H7.7.2.4].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã và đang đẩy mạnh hợp tác quốc tế với trường đại học

SoongSil Hàn Quốc, trường Nottingham Trent University,... và xúc tiến mở rộng ra các Viện, Trường đại học và các cơ sở đào tạo khác trong khu vực và thế giới. Vì thế, việc kết hợp tác để triển khai các đề tài khoa học và chuyển giao công nghệ là cần thiết cần phải đẩy mạnh trong thời gian tới.

Cán bộ GV&CBNV có nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học, cộng với giảng viên trẻ trình độ ngoại ngữ khá nên thuận lợi trong việc tham gia nghiên cứu khoa học công nghệ.

Trong chiến lược phát triển nhà trường 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, hoạt động NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ là nhiệm vụ trọng tâm cần được phát huy, để chúng ta hoà nhập với môi trường khoa học tri thức của thế giới.

3. Tồn tại:

Chưa có tham gia vào các đề tài cấp tỉnh, cấp Bộ vì chưa có sự hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước để tiếp cận với các đề tài.

Nhà trường vẫn chưa có sự đầu tư và đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ.

Các chuyên gia nước ngoài về công tác tại trường chưa nhiều.

Việc liên kết hợp tác với các trường, các tổ chức khoa học của nước ngoài còn yếu và thiếu.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2015, chủ trì Dự án cấp Tỉnh “Đánh giá ảnh hưởng của môi trường, văn hóa - xã hội đến phát triển du lịch Khánh Hòa”.

Năm 2016, tiếp cận với Liên hiệp Hội Khoa học Khánh Hòa để tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học Trường có năng lực thực hiện.

Năm 2016, có ít nhất 3 đề tài NCKH cấp trường và chủ trì tối thiểu 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ hoặc cấp tỉnh.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả:

Trong thời gian qua có nhiều giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và tham gia viết bài tham luận cho các hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước. Đến nay đã có: 02 bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế, 05 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước, nhiều bài đăng trên tạp chí của Trường [H7.7.3.1], [H7.7.3.2]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng Khoa học và Hợp tác đối ngoại quản lý theo dõi hoạt động này. Trong Quy chế thu chi nội bộ và quy chế giảng viên đã có *Quy định và chế độ khuyến khích CBNV và giảng viên viết bài cho hội nghị, hội thảo quốc gia, quốc tế và công bố trên các tạp chí khoa học*. Đây sẽ là cơ sở để đánh giá hoạt động giảng dạy và NCKH của giảng viên trong năm.

2. Điểm mạnh:

Có nhiều giảng viên có nhiều năm nghiên cứu và tham gia đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước sẽ có sự định hướng để cho giảng viên trẻ tiếp cận và tham gia viết bài tham luận, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

Có nhiều giảng viên và CBNV đã và đang học tập và làm việc tại các trường Đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học nước ngoài, đây sẽ là cầu nối và là điều kiện cần thiết để chúng ta phát triển hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ.

3. Tồn tại:

Các bài tham luận, bài báo, báo cáo khoa học được đăng trên các tạp chí chủ yếu là giảng viên đã có kinh nghiệm, giảng viên trẻ chưa được tiếp cận và thực hiện; cần xúc tiến để họ được tham gia nhiều hơn.

So với các trường đại học khác số lượng bài báo, bài tham luận được đăng còn ít, cần đẩy mạnh hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2016 – 2017, khuyến khích giảng viên, CBNV có 1-3 bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước có nội dung phù hợp với định hướng nghiên cứu khoa học của Trường.

Từ năm 2016, hàng năm tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học và công nghệ có sự tham gia của các chuyên gia, giáo sư nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước

1. Mô tả:

Nhà trường rất chú tâm đến việc thực hiện sứ mệnh và nhiệm vụ của mình là tổ chức đào tạo và thực hiện nghiên cứu các đề tài, dự án gắn liền với doanh nghiệp và địa phương với phương châm tạo những đóng góp mới về khoa học và có giá trị để ứng dụng phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Nhiều cán bộ đã tiến hành nghiên cứu đề tài các cấp và tham gia xây dựng đề cương nghiên cứu để đăng ký với cơ quan quản lý khoa học. Tuy nhiên, do còn yếu về năng lực và kinh nghiệm nên trong thời gian qua việc thực hiện các đề tài, các công trình nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ ký với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội tại địa phương và cả nước còn hạn chế [7.7.4.1], [7.7.4.2].

2. Điểm mạnh:

Là trường tư thục có nhiều khó khăn về mọi mặt, nhưng vẫn chủ động và có định hướng rõ ràng trong việc liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ. Sự quyết tâm của lãnh đạo nhà trường trong hoạt động khoa học công nghệ, nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và tri thức mới để phục vụ cho địa phương và xã hội được xem là nhiệm vụ trọng

tâm trong việc phát triển và nâng tầm của trường.

Nhà trường đã và đang hợp tác với những tập đoàn, công ty về liên kết đào tạo, hỗ trợ chuyển giao khoa học và công nghệ, sẽ tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

3. Tồn tại:

Số lượng đề tài, dự án về khoa học và công nghệ còn ít, tính ứng dụng vào thực tiễn chưa cao;

Kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2015, bổ sung đội ngũ và kiện toàn tổ chức phòng khoa học công nghệ & hợp tác quốc tế, đủ năng lực xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển NCKH của Trường, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ trong nhà trường một cách hiệu quả.

Từ năm 2016, tham gia vào các đề tài nghiên cứu khoa học về phát triển kinh tế, xã hội, môi trường của tỉnh Khánh Hòa, khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Năm 2016 – 2017, Trường có ít nhất 01 đề tài có giá trị ứng dụng vào việc giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.

1. Mô tả:

Hiện tại Nhà trường chủ yếu là tập trung thực hiện các đề tài khoa học cấp cơ sở, vì thế nguồn kinh phí chủ yếu do Nhà trường tự chi ra [7.7.5.1], [7.7.5.2] [7.7.5.3], điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và tính quy mô của đề tài.

Là trường tư thục, không có sự hỗ trợ từ các cơ quan ban ngành về hoạt

động khoa học và công nghệ, vì thế trong thời gian tới nhà trường sẽ chủ động để tìm kiếm đối tác và xúc tiến hoạt động này [7.7.5.4]

2. Điểm mạnh:

Đa số giảng viên của trường có kinh nghiệm và khả năng nghiên cứu (tham gia nhiều đề tài cấp Bộ, Tỉnh và cấp Nhà nước); trong thời gian tới cần phải phát huy và tích cực tiếp cận và tham gia nhiều hơn đề tài, dự án,...

3. Tồn tại:

Chưa tập trung trung vào hoạt động này, nguồn kinh phí còn quá hạn chế.

Chưa có sự hỗ trợ từ các cấp ngành về trường tư thục

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2015, thành lập “Viện Phát triển khoa học ứng dụng” trực thuộc Trường Đại học Thái Bình Dương. Mục tiêu liên kết với các doanh nghiệp khai thác kinh phí để giảm mức chi cho nghiên cứu khoa học của Trường.

Từ năm 2016, tham gia đấu thầu các đề tài các cấp, phân đấu mỗi năm đấu thầu từ 01 đến 02 đề tài NCKH cấp Tỉnh hoặc Bộ để tăng nguồn thu cho nghiên cứu khoa học của Trường.

Từ năm 2016, thành lập “Quỹ Khoa học và Công nghệ” của Trường bằng hình thức huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả:

Các công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đều gắn với hoạt động đào tạo của trường và giải quyết các vấn đề quản lý doanh nghiệp [H5.5.6.4] [H7.7.6.1].

Kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có đóng góp vào phát triển nguồn lực của Trường.

2. Điểm mạnh:

Hội đồng quản trị và Ban giám hiệu đã định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường gắn với đào tạo và các doanh nghiệp.

3. Tồn tại:

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường còn tự phát, chưa gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học và các trường đại học khác.

4. Kế hoạch hành động:

Mở rộng hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các cơ quan nghiên cứu khoa học ngoài Trường nhằm thu hút được nguồn kinh phí cho hoạt động này. Duy trì và phát huy mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp liên kết để phát hiện vấn đề và hình thành ý tưởng, đề tài NCKH để giải quyết các vấn đề mà doanh nghiệp cần.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả:

Nhà trường đã ban hành Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định. Ban hành quy định để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ [H5.5.3.4], [H7.7.7.1]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành đầy đủ văn bản liên quan đến hoạt động khoa học công nghệ và phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Nhà trường có chế độ khuyến khích CBNV tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tồn tại:

Số giảng viên trẻ tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Xây dựng cơ chế để động viên khuyến khích giảng viên trẻ tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ nhiều hơn, giúp cho họ có được những trải nghiệm và kỹ năng phục vụ cho công tác giảng dạy.

Từ năm 2016, phân đầu có đề tài nghiên cứu khoa học gắn với hoạt động đào tạo và thực tiễn và đăng ký sở hữu trí tuệ theo quy định.

Đảm bảo toàn trường không có hành vi vi phạm Luật sở hữu trí tuệ

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Vì trường mới thành lập nên hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường vẫn còn nhiều hạn chế, số lượng các đề tài đăng kí cấp khu vực, quốc gia là còn nghèo nàn. Công tác triển khai nghiên cứu khoa học trong cán bộ, giảng viên và sinh viên vẫn chưa được đẩy mạnh. Tuy nhiên, được sự quan tâm và hỗ trợ từ phía Hội đồng quản trị cũng như Ban Giám hiệu nhà trường, cùng với việc thành lập phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác đối ngoại; các văn bản, quy trình, quy định liên quan đến hoạt động khoa học – công nghệ đang được xây dựng và cố gắng xúc tiến triển khai mạnh mẽ kể từ năm học 2015 – 2016.

Trong tiêu chuẩn 7, có 3 tiêu chí đạt yêu cầu và 4 tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

Mở đầu

Hòa cùng xu thế hội nhập kinh tế - xã hội trong khu vực và thế giới, Nhà nước có những thay đổi trong chính sách quan hệ quốc tế; các hoạt động hợp tác

quốc tế của trường Đại học Thái Bình Dương đang được quan tâm và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo chính sách của Nhà nước. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế giúp Nhà trường có cơ hội phát triển về nhiều mặt.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

1. Mô tả:

Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương đã ban hành và phổ biến các quy định, hướng dẫn thực hiện công tác HTQT theo quy định của Nhà nước [H8.8.1.1]

Trường Đại học Thái Bình Dương đã thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của phòng ban chuyên trách hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) theo quy định như: thành lập Viện đào tạo và hợp tác quốc tế [H8.8.1.2]; thành lập phòng Nghiên cứu khoa học và Đào tạo quốc tế [H8.8.1.3]; HĐQT và Hiệu trưởng đã ra văn bản quy định nhiệm vụ, chức năng của các đơn vị trực thuộc Đại học Thái Bình Dương [H8.8.1.4].

Nhà trường đã đánh giá, điều chỉnh các quy định liên quan đến hoạt động HTQT: đã tổ chức các cuộc họp thảo luận về các chính sách, chủ trương, chiến lược về phát triển hoạt động HTQT; trong các báo cáo tổng kết năm học đều có phần đánh giá về hợp tác quốc tế [H8.8.1.5],

Nhà trường đã thống kê, đánh giá việc thực hiện các quy định trong hoạt động hợp tác quốc tế: các phòng chức năng liên quan đã lưu trữ và kiểm tra danh mục các đối tác quốc tế có ký kết các văn bản ghi nhớ hợp tác với nhà trường để liên lạc và nhắc nhở tiến độ thực hiện các nội dung 2 bên đã ký kết [H8.8.2.1];

Nhà trường đã quản lý tốt: Danh sách cán bộ giảng viên được cử đi học/công tác ở nước ngoài và trở về công tác hoặc không trở về hoặc về quá hạn, danh sách các chuyên gia nước ngoài vào làm việc với trường; biên bản các buổi làm việc với các cơ quan chức năng các cấp về đảm bảo an ninh văn hóa liên quan đến các đối tác nước ngoài tại nhà trường.

2. Điểm mạnh:

HDQT và BGH luôn chú trọng và nhắc cán bộ, giảng viên phải thực hiện các hoạt động HTQT theo quy định của Nhà nước. Từ năm 2011, HDQT và BGH được củng cố nên công tác HTQT được quản lý tốt hơn.

Cán bộ, giảng viên Trường Đại học Thái Bình Dương luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước trong khi tiếp xúc và trao đổi công việc, hợp tác với khách quốc tế.

Cán bộ, giảng viên của Trường đã từng kinh qua công tác đối ngoại và HTQT nên luôn giữ đúng nguyên tắc ngoại giao trong khi làm việc, tiếp xúc với khách quốc tế: lịch sự, niềm nở và làm việc nghiêm túc, không vi phạm nguyên tắc HTQT.

3. Tồn tại:

Do có sự thay đổi về nhân lực phòng Tổ chức - Hành chính nên việc quản lý các công văn, QĐ, biên bản... liên quan đến HTQT chưa tốt nên thiếu nhiều minh chứng

4. Kế hoạch hành động:

Tập trung rà soát tất cả các QĐ, các công văn, các biên bản về HTQT để lưu trữ cho khoa học; phòng Tổ chức - Hành chính phải nhanh chóng truy tìm tất cả các minh chứng đã nêu ở trên và lưu trữ hồ sơ đúng luật văn thư.

Từ nay về sau, các QĐ, các biên bản lưu trữ liên quan đến HTQT phải được giao cho người có trách nhiệm ký nhận để lưu trữ đúng luật văn thư.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 8.2: Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học

1. Mô tả:

Hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo trong thời gian qua đạt hiệu quả. Cụ thể Trường Đại học Soongsil – Hàn Quốc đã triển khai lớp học trực tuyến cho cán bộ giảng dạy và HSSV trong trường với hai chuyên đề: Kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh và marketing online. [H8.8.2.1]

Nhà trường đã có chương trình giao lưu, trao đổi và ký kết hợp tác đào tạo với một số cơ sở đào tạo của Nhật Bản [H8.8.3.1].

Thông qua hợp tác quốc tế về đào tạo, giảng viên của Trường đã nhận được học bổng du học từ các cơ sở đào tạo nước ngoài [H8.8.2.1]. Ngoài ra, Nhà trường còn được hỗ trợ cơ sở vật chất, cụ thể tiếp nhận được 20 máy tính. [H8.8.2.1]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã kiện toàn Phòng Khoa học – Hợp tác đối ngoại và Viện Nghiên cứu và Hợp tác quốc tế với mục đích nâng cao hiệu quả của hoạt động hợp tác quốc tế cũng như trong nước.

3. Tồn tại:

Số đơn vị đối tác nước ngoài còn ít.

Chưa ký kết được các chương trình trao đổi giảng viên và người học với các đối tác nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Tăng cường tìm kiếm và xây dựng quan hệ hợp tác, liên kết trong đào tạo, nghiên cứu KH với các đối tác trong và ngoài nước.

Từ năm 2016, phấn đấu xây dựng và ký kết được văn bản chương trình trao đổi giảng viên và người học với các cơ sở đào tạo nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa

học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả:

Trường đã kết hợp với School of Knowledge Science, Japan Advanced Institute of Science and Technology (JAIST) tổ chức Hội thảo: Target- Oriented Ranking and Its Application to Personalized Recommendation in e-Commerce (Công nghệ tri thức) [H8.8.3.1].

2. Điểm mạnh:

Lãnh đạo Trường luôn quan tâm và động viên mọi nỗ lực để tiến hành hợp tác với nước ngoài;

3. Tồn tại:

Việc hợp tác với các đối tác nước ngoài trong những năm qua còn hạn chế do Trường ĐHTBD mới thành lập và cơ sở vật chất của trường chưa xây xong.

4. Kế hoạch hành động:

BGH, Hội đồng Khoa học chú trọng tìm nguồn HTQT trong công tác NCKHCN để thúc đẩy công tác NCKH phát triển và tận thu các nguồn lực từ HTQT trong lĩnh vực NCKHCN.

Tiếp tục duy trì hợp tác với các đối tác trên, năm 2015 sẽ tổ chức Hội thảo khoa học về Công nghệ tri thức với quy mô lớn hơn (phạm vi Quốc tế).

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Những hoạt động liên quan đến hợp tác quốc tế của Nhà trường trong hơn 5 năm qua đang được tiếp tục mở rộng và ngày càng nhận được sự quan tâm nhiều hơn từ các cán bộ, giảng viên cho tới Ban Giám hiệu và HĐQT. Thông qua hoạt động hợp tác quốc tế, những lợi ích mang lại cho nhà trường là rất khả quan: trình độ ngoại ngữ, kỹ năng mềm của cán bộ, giảng viên được nâng cao,

cơ sở vật chất được tăng cường, nhà trường có cơ hội được hợp tác đào tạo với các trường, cơ sở giáo dục ngoài nước. Trong những năm học tới, HĐQT cũng như BGH sẽ đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế, tăng cường giao lưu, liên kết với các trường nước ngoài, tranh thủ các cơ hội nhận được đầu tư quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của nhà trường trong tương lai gần.

Trong tiêu chuẩn 8, có 1 tiêu chuẩn đạt yêu cầu và 2 tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu

Trường Đại học Thái Bình Dương cố gắng đáp ứng tốt các điều kiện như tài liệu, giáo trình cho thư viện. Cơ sở vật chất của trường bao gồm phòng học, phòng thực hành... có đầy đủ trang thiết bị hỗ trợ, phục vụ tương đối đầy đủ cho việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của nhà trường

Trường có hệ thống máy tính thực hành và mạng wifi tốt đáp ứng nhu cầu truy cập internet khai thác tài liệu học tập trong sinh viên, tạo hiệu quả cao trong thông tin liên lạc giữa các phòng ban.

Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu chỗ ở KTX cho 100% học sinh sinh viên, bên cạnh đó diện tích phòng học và sân bãi cho thể dục thể thao chưa thực sự rộng rãi, đáp ứng tối đa nhu cầu trong sinh viên.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học, có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Trong những năm qua, thư viện Trường Đại học Thái Bình Dương từng bước đảm bảo phòng đọc, sách báo, tài liệu để phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ giảng viên và sinh viên trong trường.

Thư viện Đại học Thái Bình Dương có diện tích phục vụ khoảng 60m² với 30 chỗ ngồi gắn với máy tính nối mạng đáp ứng nhu cầu của người đọc, đủ ánh sáng. Thư viện với vị trí nằm trong trung tâm khuôn viên của trường rất thuận lợi cho việc tham khảo đọc sách của CBNV, GV và học sinh sinh viên, ngoài ra Thư viện còn có các thiết bị làm mát để phục vụ bạn đọc vào mùa hè

Thư viện trường Đại học Thái Bình Dương có đầy đủ các văn bản hướng dẫn quy định rõ ràng về việc sử dụng và thời gian mở, đóng cửa thư viện [H9.9.1.1]

Chủng loại sách và tài liệu của thư viện còn hạn chế, hiện chỉ có sách và tài liệu phục vụ lĩnh vực kinh tế, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, các sách và tài liệu về giáo dục chính trị, tư tưởng, văn học, lịch sử, văn hóa đất nước, giải trí còn thiếu. Hiện nay, số đầu sách, tài liệu của thư viện gồm: hơn 2.000 và hơn 600 đầu sách các loại về Tài chính ngân hàng, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Du lịch, Xây dựng, Y học, Ngôn ngữ Anh.

Thông kê hàng năm về lượng đọc giả của thư viện: Giảng viên 15%/năm; Cán bộ nhân viên 5%/năm; HSSV 40%/năm. [9.9.1.2]

Sau khi thay đổi nhà đầu tư, Hội đồng quản trị đã có chủ trương nâng cấp Thư viện, Thư viện đã có nhiều biện pháp khuyến khích người đọc, giảng viên, cán bộ quản lý nhằm khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện như: bổ sung thêm các đầu sách nhằm tăng thêm số lượng các đầu sách trong Thư viện để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc.

Chưa thống kê được số lượng và tỷ lệ trên giảng viên, người đọc của các loại tài liệu tham khảo và sách báo theo từng chuyên ngành đào tạo.

Năm 2014 Thư viện Trường Đại học Thái Bình Dương liên kết với Thư viện Trường Đại học Nha Trang (cán bộ và sinh viên được phép sử dụng thư viện của Trường Đại học Nha Trang như là người của trường này) [H9.9.1.4]. Đây là thư viện lớn, hiện đại có tài nguyên đọc gồm 15.000 tên tài liệu chuyên ngành Tiếng Việt và Tiếng Anh với 60.000 bản, hơn 300 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài. Tài nguyên điện tử trên thư viện số với 10.000 sách,

luan án, luận văn, các công trình khoa học khác. Nguồn tài nguyên số toàn văn của thư viện có thể phục vụ trên internet cho người dùng ở bất cứ lúc nào và bất cứ đâu và được kết nối với nhiều kho dữ liệu khác thông qua cổng thông tin điện tử của thư viện. Sự liên kết này giúp cho giảng viên và HSSV trở thành một độc giả của Thư viện Trường Đại học Nha Trang, do vậy được sử dụng mọi tiện ích do thư viện cung cấp và hàng năm Thư viện Trường Đại học Nha Trang đều tổ chức hướng dẫn khai thác thông tin cho bạn đọc, đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất.

2. Điểm mạnh

Giảng viên, học sinh, sinh viên và CBNV Nhà trường được quyền sử dụng đầy đủ thông tin của Thư viện Trường đại học Nha Trang.

Thư viện trường có quy định, nội quy rõ về đọc, mượn và trả sách, tài liệu.

Cán bộ thư viện có tinh thần và thái độ phục vụ tốt.

Hệ thống thông tin, tư liệu luôn luôn được cập nhật, bổ sung thường xuyên để đáp ứng mức tối thiểu cho người đọc.

3. Những tồn tại

Chưa có phần mềm quản lý thư viện, quản lý sách.

Số lượng sách còn hạn chế.

Diện tích phòng đọc nhỏ nên chưa đáp ứng được tối đa nhu cầu bạn.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2015, bố trí lại phòng đọc trên cơ sở nhu cầu của đối tượng phục vụ.

Hàng năm, trang bị thêm các đầu sách và danh mục sách cho phong phú để đáp ứng nhu cầu tham khảo của CBNV và HSSV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu

của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả:

Trường Đại học Thái Bình Dương hiện có 14 phòng học có tổng diện tích khoảng 8.000 m² với 1.000 chỗ ngồi, đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ giảng dạy và học tập cho các ngành và trình độ đào tạo [H.9.9.2.1].

Để đào tạo các chuyên ngành thuộc nhóm ngành kinh tế, Quản trị, hỗ trợ công tác giảng dạy và học tập, đảm bảo người học có kỹ năng thực hành, Nhà trường đầu tư phòng thực hành đủ đáp ứng nhu cầu đào tạo của các ngành học.

Những học phần cần thực hành trên máy tính như: Tin học văn phòng, Điện toán kế toán, Kế toán máy, trường có 01 phòng máy tính với sức chứa 40 chỗ trên diện tích 60m² với 40 máy [H.9.9.2.1].

Các phòng thực hành của trường có đủ điều kiện cần thiết về thiết bị, ánh sáng... đảm bảo đáp ứng tốt cho việc học tập của người học. Để người học có kỹ năng khai thác các trang thiết bị, phòng thí nghiệm tại các phòng thực hành và phòng thí nghiệm đều có cán bộ hướng dẫn thực hành hay sử dụng thiết bị thực hành.

2. Điểm mạnh:

Có đủ phòng học, phòng thực hành và thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo của các ngành.

3. Tồn tại:

Chưa có phòng thực hành phục vụ đào tạo chuyên ngành Quản trị khách sạn và du lịch.

Chưa có phòng Lab phục vụ đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2015 – 2016 sẽ xây dựng giảng đường, phòng thực hành, thực tập đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo của các ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

1. Mô tả:

Trường Đại học Thái Bình Dương có 14 phòng học và được trang bị như sau [H9.9.2.1]:

350 bộ bàn ghế sinh viên, toàn bộ là mới, quy cách và chất lượng tốt, đáp ứng quy mô đào tạo của trường.

Toàn bộ hệ thống 14 bảng trong các phòng học là loại bảng chống lóa.

Các phòng học lớn trên 100 chỗ (07 phòng) được trang bị hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy và học tập.

Có 05 phòng học đa phương tiện được trang bị máy chiếu, thiết bị âm thanh, máy tính nối mạng Internet và máy điều hòa nhiệt độ.

Để đào tạo cho ngành Kế toán có 01 phòng học kế toán: 40 máy vi tính/phòng, 01 máy chủ và các phần mềm đào tạo kế toán chuyên dụng.

Các phòng học có đầy đủ bàn ghế ngồi cho sinh viên, toàn bộ là các bàn ghế và bảng đều mới. Các thiết bị trong phòng học chuyên dùng đều mới trang bị, hiện đại, có qui định quản lý và sử dụng, có chế độ bảo vệ, bảo dưỡng

2. Điểm mạnh:

Có đủ phòng học, thiết bị, phương tiện học tập đảm bảo chất lượng đào tạo.

3. Tồn tại:

Số phòng học đa phương tiện chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm tới xây dựng thêm phòng máy tính, phòng lab đào tạo ngoại ngữ.

Tăng cường thêm phòng học đa phương tiện để phục vụ công tác đổi mới phương pháp giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

1. Mô tả:

Để hỗ trợ các hoạt động dạy, học, NCKH Nhà trường có hai loại máy vi tính:

Hệ thống máy vi tính phục vụ công tác đào tạo gồm [H9.9.2.1]:

01 phòng thực hành tin học với 40 máy vi tính phục vụ công tác đào tạo: Tin học văn phòng cho học sinh, sinh viên các ngành không chuyên tin học.

Hệ thống máy vi tính phục vụ công tác quản lý: 50 máy vi tính, trang bị đến tất cả các Khoa, Phòng và Bộ môn

Máy vi tính của các phòng học và các phòng, khoa, bộ môn đều được nối mạng Internet, được điều hành bởi máy chủ có cấu hình mạnh, đảm bảo tốc độ truy cập.

2. Điểm mạnh:

Có đủ máy vi tính nối mạng Internet phục vụ, hỗ trợ các hoạt động dạy, học và NCKH.

3. Tồn tại:

Một số máy vi tính trong các lớp học tin học, thư viện đã cũ, trang bị từ năm 2008 nên khả năng khai thác có hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Trong các năm tới sẽ tăng cường mới các thiết bị tin học (mỗi năm từ 1 đến 2 phòng với 30 máy/phòng) thay thế các thiết bị cũ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu dạy và học ngày một nâng cao của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.5: Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả

- Trường Đại học Thái Bình Dương được thành lập ngày 31/12/2008 theo Quyết định số 1929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2009. Từ khi hoạt động đến nay, Trường Đại học Thái Bình Dương thuê cơ sở vật chất của Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung để hoạt động và giảng dạy. Nhà trường đã sửa chữa, xây mới và bổ sung các trang thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập cho từng giai đoạn phát triển của Trường [H9.9.3.4], [H9.9.3.5] . Cụ thể:

+ Nhà trường đã tiến hành sửa chữa các giảng đường A, B, C, D, E [H9.9.5.1] (bản vẽ, kinh phí được lưu trữ tại Trường). Trong đó giảng đường E được xây dựng mới hoàn toàn năm 2010 với 08 phòng học.

+ Để đáp ứng yêu cầu phát triển của trong thời gian tới, Trường Đại học Thái Bình Dương đã triển khai dự án xây dựng với quy mô 13,2 ha tại thôn Hòn Nghê, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang [H9.9.5.2]. Khi dự án này hoàn thành giai đoạn 1 sẽ đáp ứng yêu cầu đào tạo của Trường với quy mô trên 3000 sinh viên.

+ Để khai thác cơ sở vật chất hiện có hiệu quả, Phòng Tổ chức – Hành chính đã tiến hành phân công CB-CNV trực tiếp đảm nhận công tác bảo trì, sửa chữa cũng như phân bố phòng làm việc cho các Phòng, Khoa hợp lý, tận dụng tối đa cơ sở hiện có của Trường [H9.9.5.3].

+ Phòng Đào tạo và CTSV đã chủ động lập kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ, năm học để bố trí các phòng học, phòng thực hành và sử dụng sân bãi thể thao phù hợp với sĩ số sinh viên từng lớp học [H9.9.5.1]; [H9.9.5.2] đảm bảo tỷ lệ diện tích xây dựng/sinh viên theo quy định hiện hành. Hàng năm, Trường

bổ sung các trang thiết bị, dụng cụ để đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi và giải trí của sinh viên [H9.9.5.6]

+ Từ năm 2009 đến 2012, Trường Đại học Thái Bình Dương có bố trí KTX với 20 phòng ở cho sinh viên, tuy nhiên năm 2013 do số sinh viên tuyển ít nên Nhà trường đã trả lại KTX. Từ năm 2014, Trường đã phối hợp với KTX Khánh Hòa bố trí cho sinh viên ở KTX. Trường đã thành lập tổ Quản lý KTX trực thuộc BGH để tiến hành tiếp nhận và bố trí sinh viên ở KTX với tiêu chuẩn 4 sinh viên/phòng. Việc sắp xếp hợp lý nay giúp sinh viên yên tâm về chỗ ở an ninh, trật tự [H9.9.5.5];

+ Xác định sự hài lòng của người học là điều kiện quan trọng để Trường tiếp tục phát triển, do đó Ban Giám hiệu đã cho triển khai việc lấy ý kiến của người học (thông qua phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí) về sự hài lòng đối với điều kiện học tập, sinh hoạt và phục vụ các hoạt động thể dục thể thao văn nghệ [H9.9.5.8], [H9.9.5.9]. Việc triển khai hoạt động này giúp Trường kịp thời điều chỉnh những hạn chế, khắc phục nhanh chóng để phục vụ tốt nhất cho người học.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã chú trọng công tác đầu tư cơ sở vật chất để phục vụ tốt nhất cho người học, mặt dù còn có nhiều hạn chế như: cơ sở vật chất đang thuê, dự án xây dựng Trường đang triển khai... Tuy nhiên về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và học tập.

Nhà trường đã chú trọng đến công tác lấy ý kiến của người học về các điều kiện phục vụ học tập, từ đó có điều chỉnh và bổ sung kịp thời.

3. Tồn tại:

Cơ sở của Trường nằm cách xa Trung tâm TP. Nha Trang và đang thuê của Trường Trung cấp kỹ thuật miền Trung, do đó việc đầu tư cơ sở vật chất còn hạn chế (khách quan lẫn chủ quan).

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2015, Trường sẽ triển khai xây dựng cơ sở vật chất khang trang, hiện đại để đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong tương lai đồng thời tạo niềm tin đối với phụ huynh và người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.6: Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả

Bố trí điều kiện làm việc cho các Phòng, Khoa là điều kiện rất quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường. Mặc dù cơ sở vật chất của Trường còn gặp nhiều khó khăn nhưng Hội đồng quản trị và BGH Nhà trường đã sắp xếp và bố trí phòng làm việc, các trang thiết bị phục vụ cho công việc về cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Cụ thể:

- Bố trí phòng làm việc cho các Phòng, Khoa theo số lượng nhân sự của các đơn vị [H9.9.5.1]. Tuy nhiên vẫn gặp nhiều khó khăn về diện tích phòng làm việc nhỏ so với số lượng các đơn vị có số lượng nhân sự lớn (Khoa Kinh tế - Du lịch; Khoa Ngôn ngữ & XHH, Các phòng Đảm bảo chất lượng & Khảo thí, Phòng Tuyển sinh & Truyền thông, Phòng NCKH và HTĐN dùng chung phòng làm việc). Đây chỉ là những khó khăn tạm thời, khi Dự án xây dựng Trường hoàn thành và chuyển về cơ sở mới sẽ đáp ứng được yêu cầu.

- Nhà trường chưa bố trí được các kho lưu trữ hồ sơ chuyên dụng nên ảnh hưởng đến công tác lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Việc bố trí, kiểm tra và sử dụng cơ sở vật chất được Nhà Trường giao phòng Tổ chức – Hành chính làm đầu mối và phối hợp cùng với các đơn vị trực tiếp sử dụng phòng làm việc để bố trí và sử dụng có hiệu quả [H9.9.6.1]; [H9.9.6.2]; [H9.9.6.3]; [H9.9.6.4]; [H9.9.6.5]; [H9.9.6.6]. Các phòng làm việc hiện nay được bố trí ở dãy nhà hành chính và giảng đường D.

2. Điểm mạnh:

Với số lượng CB-GV và CNV còn ít, việc bố trí phòng làm việc của các Phòng, Khoa gần nhau nên thuận lợi cho công tác trao đổi công việc nhanh chóng và thuận lợi.

Các trang thiết bị phục vụ cho công việc đa số mới mua nên chất lượng còn tốt.

3. Tồn tại:

Vẫn còn một số phòng làm việc có diện tích nhỏ, vào mùa hè các phòng làm việc bị ảnh hưởng của ánh nắng mặt trời chiếu vào.

Chưa có kho lưu trữ hồ sơ chuyên dụng.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2015, Trường triển khai xây dựng cơ sở vật chất khang trang, hiện đại để đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong tương lai và đáp ứng điều kiện làm việc tốt nhất cho CB-GV và CNV của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.7: Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả

Trường Đại học Thái Bình Dương đã được UBND tỉnh Khánh Hòa giao đất theo Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 04/04/2011 với diện tích 13,2 ha. [H9.9.7.1]. Đối chiếu với quy định hiện hành về diện tích đất của 01 Trường Đại học thì Trường Đại học Thái Bình Dương hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu.

Từ khi có Quyết định giao đất, Trường đã chủ động trong công tác giải phóng và tiến hành san lấp mặt bằng, bên cạnh đó Trường đã hoàn thành quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết để nhanh chóng triển khai xây dựng [H9.9.7.2]; [H9.9.7.3].

Hiện nay Trường đang tổ chức đầu thầu xây dựng theo đúng quy định

hiện hành của pháp luật. Khi dự án hoàn thành, các phòng làm việc chức năng, giảng được sẽ được bố trí hợp lý, đáp ứng yêu cầu làm việc, giảng dạy và học tập [H9.9.7.4]; [H9.9.7.5]; [H9.9.7.6].

Tuy nhiên, trong giai đoạn trước mắt, Trường vẫn sử dụng cơ sở vật chất hiện có tại Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung [H9.9.7.7]. Tuy vẫn có một số hạn chế nhất định nhưng Trường sẽ cố gắng khắc phục khó khăn để hoạt động tốt.

2. Điểm mạnh:

Trường đã được UBND tỉnh Khánh Hòa giao đất với diện tích 13,2 ha và phê duyệt quy hoạch tổng thể xây dựng Trường. Đây là yếu tố rất quan trọng để Trường sớm đi vào ổn định và phát triển.

Với tiềm lực tài chính mạnh của nhà đầu tư, Hội đồng quản trị đã nhanh chóng triển khai các công việc liên quan để đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trường.

3. Tồn tại:

Năm 2013, do có sự chuyển giao Hội đồng quản trị nên tiến độ triển khai dự án xây dựng Trường bị chậm tiến độ.

Công tác giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn trong một số giai đoạn nhất định.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2015, Trường mua cơ sở tại đường Tô Hiến Thành, Nha Trang để giải quyết khó khăn cho các lớp ban đêm và mở các lớp vừa học vừa làm.

Năm 2015, Trường triển khai xây dựng cơ sở vật chất khang trang, hiện đại để đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong tương lai và đáp ứng điều kiện làm việc tốt nhất cho CB-GV và CNV của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.8: Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường

1. Mô tả

Trường Đại học Thái Bình Dương đã đi vào hoạt động được 6 năm. Trong quá trình phát triển giai đoạn đầu, Nhà trường đã gặp rất nhiều khó khăn về kinh phí, đội ngũ giảng viên và tuyển sinh. Xác định được tầm quan trọng trong công tác xây dựng kế hoạch trung và dài hạn, Trường Đại học Thái Bình Dương đang triển khai xây dựng chiến lược phát triển của Trường từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.1.1.1] (minh chứng dùng chung). Kế hoạch chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của nhà trường được hoàn thành sẽ giúp công tác chuẩn bị, định hướng được chủ động hoàn toàn về nhân sự, cơ sở vật chất.

Công tác triển khai dự án xây dựng Trường Đại học Thái Bình Dương đang triển khai theo kế hoạch đã được phê duyệt, phân đầu từ năm học 2015-2016 sẽ chuyển về cơ sở mới hoạt động.

2. Điểm mạnh:

Trường đã triển khai xây dựng chiến lược phát triển của Trường từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Khi triển khai xây dựng chiến lược đã bám sát điều kiện thực tế của Trường cũng như các yếu tố khác liên quan: điều kiện địa lý, chiến lược tuyển sinh... Quy hoạch tổng thể về sử dụng đất, cơ sở vật chất đã được tiến hành cụ thể.

3. Tồn tại:

Quy hoạch tổng thể của Trường chưa được tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ nhân viên và người học, nên nhiều người còn chưa nắm được.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2015, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về Quy hoạch sử dụng và phát triển cơ sở của Trường đến toàn thể cán bộ, nhân viên và sinh viên cũng như ra ngoài xã hội.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 9.9: Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học

1. Mô tả

Xác định công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học, ngay từ khi đi vào hoạt động, Trường Đại học Thái Bình Dương đã hợp đồng với Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ Hùng Vương [H9.9.9.6] để đảm bảo công tác an ninh, trật tự trường học.

Bên cạnh đó, Trường cũng đã ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học để hỗ trợ đội bảo vệ khi cần thiết [H9.9.9.4]; [H9.9.9.6]. Việc làm này đã giúp nâng cao ý thức trách nhiệm của CB-GV-CNV trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học, nhờ đó từ năm 2009 đến nay, trong khuôn viên Trường Đại học Thái Bình Dương không xảy ra các vụ việc làm mất an ninh, trật tự nghiêm trọng nào.

Nhà trường đã bố trí các thiết bị phòng chống cháy nổ ở các phòng làm việc và tại các giảng đường nhằm chủ động giải quyết các tình huống xấu xảy ra [H1.9.9.4]. Hàng năm nhà trường cử các cán bộ tham gia tập huấn về phòng, chống cháy nổ do Công an tỉnh Khánh Hòa tổ chức.

Trường đã chủ động làm việc với Công an xã Vĩnh Phương, Phòng cảnh sát PA83 - Công an tỉnh Khánh Hòa trong công tác tuyên truyền về phòng chống tội phạm cho học sinh, sinh viên (bố trí giảng dạy trong Tuần sinh hoạt công dân HSSV hàng năm).

2. Điểm mạnh

Trường luôn chủ động và đảm bảo tốt công tác an ninh, trật tự trường học và đến nay chưa có tình trạng mất cắp tài sản, đánh nhau gây thương tích xảy ra trong khuôn viên Trường.

CB-GV-CNV và học sinh, sinh viên có ý thức trong việc bảo vệ tài sản chung của Trường.

3. Tồn tại

Công tác huấn luyện cho Tổ đảm bảo an ninh, trật tự của Nhà trường ít được triển khai, đa số chưa có nghiệp vụ về đối phó và xử lý các tình huống xấu

xây ra.

4. Kế hoạch hành động:

Tổ chức tập huấn định kỳ và thường xuyên cho tất cả CB-GV-CNV trong Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Kể từ khi thành lập đến nay, trường Đại học Thái Bình Dương luôn chú trọng đảm bảo các điều kiện về thư viện, phòng ốc nhằm đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học cho giảng viên, cán bộ nhân viên và học sinh sinh viên. Thực tế cho thấy, mức đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy, học tập của năm sau luôn nhiều hơn năm trước.

Tuy nhiên, với những tồn tại về diện tích, mặt bằng hiện nay, nhà trường đang khẩn trương tiến hành xây dựng cơ sở chính thức khang trang, hiện đại, an toàn với hệ thống sân bãi, phòng làm việc, phòng học, nội trú,... đáp ứng nhu cầu số lượng học sinh sinh viên ngày càng gia tăng trong các năm học tới

Trong tiêu chuẩn 9, có 8 tiêu chí đạt yêu cầu và 1 tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

Mở đầu

Nguồn tài chính của Nhà trường chủ yếu là từ nguồn vốn đầu tư của Hội đồng quản trị, phần thu học phí chiếm tỷ lệ thấp, chưa đủ trang trải cho chi thường xuyên. Chính vì vậy, Nhà trường chủ trương xây dựng kế hoạch thu chi một cách hợp lý, hiệu quả, tránh lãng phí.

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học

1. Mô tả:

Vì mới thành lập nên nguồn thu từ học phí chưa đủ chi về tài chính, nguồn chi đều phụ thuộc vào kinh phí hỗ trợ từ vốn đầu tư của HĐQT. Chưa tạo được các nguồn tài chính khác ngoài thu học phí [H10.10.1.2]

Nguồn kinh phí hỗ trợ đã đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học [H10.10.1.2], [H10.10.1.3]

2. Điểm mạnh:

Mặc dù thu chưa đủ chi, nhưng HĐQT vẫn hỗ trợ kinh phí kịp thời và đầy đủ cho các hoạt động đào tạo và đầu tư phát triển trường về lâu dài.

3. Tồn tại:

Chưa có nguồn thu từ các hoạt động ngoài đào tạo nên chưa thật chủ động trong công tác tài chính, chưa tính được hiệu quả của kinh phí hỗ trợ.

4. Kế hoạch hành động:

Hàng năm, xây dựng kế hoạch kinh phí chi tiết và có tính thực tiễn cao.

Năm 2015, tiến hành đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động có tính tập trung cao và huy động kinh phí lớn như: tuyển sinh, thi tốt nghiệp, các đề án, đổi mới đào tạo... Đánh giá chi phí đào tạo theo ngành và theo bậc đào tạo, làm cơ sở cho hoạt động tài chính và đầu tư.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.2: Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo quy định.

1. Mô tả:

Đã ban hành quy trình và hướng dẫn lập kế hoạch tài chính [H10.10.2.2]

Đã ban hành Quy chế thu, chi nội bộ và các văn bản quản lý tài chính, tài sản; các quy trình quản lý tài chính trong trường [H10.10.1.2], [H10.10.2.2]

Công tác báo cáo, kiểm tra, kiểm soát được thực hiện đầy đủ

[H10.10.2.4], [H10.10.2.5], [H10.10.2.6]

2. Điểm mạnh:

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính đã được quan tâm, đã được bàn bạc, thảo luận chi tiết, công khai hoá, minh bạch và theo đúng các quy định.

3. Tồn tại:

Các đơn vị trực thuộc chưa quan tâm đầy đủ và chưa nghiêm túc thực hiện KH đã đề ra. Còn bị động và nặng về xử lý tình huống, thiếu định hướng.

4. Kế hoạch hành động:

Hàng năm, thực hiện nghiêm túc công tác lập KHTC và dự toán thu, chi; coi đây là hạt nhân của công tác quản lý tài chính.

Tiếp tục chuẩn hóa các quy định về quản lý tài chính; làm cơ sở để tính hiệu quả mọi hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.3: Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học

1. Mô tả:

Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động của trường. [H10.10.3.1].

Có phân tích đánh giá kết quả đạt được [H10.10.3.5].

Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đáp ứng yêu cầu và kịp thời hơn các năm trước [H10.10.3.3]

Công tác báo cáo, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ được thực hiện thường xuyên [H10.10.3.5], [H10.10.3.6]

2. Điểm mạnh:

Đảm bảo sử dụng kinh phí hỗ trợ hợp lý và minh bạch

Việc kiểm tra và báo cáo được thực hiện nghiêm túc

3. Tồn tại:

Kinh phí hỗ trợ chưa được tính toán hiệu quả cụ thể, chưa bám sát các mục tiêu đề ra.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2015, chỉ giao kinh phí hỗ trợ gắn liền với nhiệm vụ, đề án theo kế hoạch được lập và phê duyệt.

Xem xét tính hiệu quả của việc hỗ trợ kinh phí ngay khi xây dựng kế hoạch chi phí đầu năm học.

Khẩn trương xây dựng phần mềm quản lý tài chính gắn với quản lý chung nhằm nâng cao tính kiểm soát và hiệu quả sử dụng kinh phí (cuối năm 2015).

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Nhà trường đang tiến hành xây dựng nhiều giải pháp tích cực để công tác quản lý tài chính ngày càng được chuẩn hóa, đảm bảo đáp ứng việc thực hiện các chỉ tiêu trong kế hoạch của Nhà trường về mọi lĩnh vực.

Nhà trường đang tiến hành xây dựng kế hoạch quản lý tập trung tài chính, ngày càng đảm bảo tăng thu nhập cho cán bộ, giảng viên và nhân viên. Công tác quản lý tài chính ngày càng được thực hiện công khai, minh bạch.

Cả 3 tiêu chí của tiêu chuẩn 10 đều đạt yêu cầu.

PHẦN IV. KẾT LUẬN

KẾT LUẬN CHUNG

Sau gần một năm tiến hành tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá của Đại học Thái Bình Dương đã hoàn thành việc đánh giá chất lượng đào tạo của Trường theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc đánh giá đã được tiến hành từng bước theo kế hoạch mà Hội đồng đã lập ngay sau khi Hiệu trưởng quyết định tiến hành tự đánh giá và thành lập Hội đồng, ban thư ký tự đánh giá của Trường. Việc thu thập minh chứng, phân tích đánh giá các điểm mạnh, yếu theo từng tiêu chí được tiến hành nghiêm túc và luôn luôn bám sát các hướng dẫn của Bộ giáo dục và đào tạo cũng như của Cục Khảo thí và kiểm định. Trong quá trình đánh giá, Hội đồng đã rút ra được những mặt mạnh và yếu trong từng tiêu chí, từ đó đưa ra các biện pháp để khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao chất lượng một cách toàn diện và vững chắc cho Trường.

